

QTKD 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Triết học
Mã học phần: 0102000889
Số tín chỉ: 03 tín chỉ
Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết
Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	15	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc
Học phần tiên quyết: Không
Học phần học trước: Không
Học phần học song hành: Không
Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:
Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

** Về kiến thức*

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Triết học Mác – Lê nin theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Nắm một số phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu, học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000889	Triết học Mác - Lenin	2	0	0	0	0	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.	PO1
MT2	CO2	Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cuộc sống.	PO1
Kỹ năng			

MT3	CO3	Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác Lênin vào nghiên cứu các khoa học cụ thể.	PO14
MT4	CO4	Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	PO1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PO6
MT6	CO6	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội, năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	PO1
MT7	CO7	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO4, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO5, CO6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<p>Chương mở đầu: Nhập môn Triết học Mác- Lê nin.</p> <p>1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin</p> <p>2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</p>	[1]	CO2, CO3
2 + 3	<p>Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.</p>	[1]	CO1, CO6, CO7
4+ 5 +6	<p>Chương 2: Phép biện chứng duy vật</p> <p>1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>5 Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>	[1]	CO1, CO5, CO6
7+8 +9	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>4. Hình thái KT-XH và quá trình lịch sử - tự</p>	[1]	CO5, CO6

	nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội 5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân		
10	Tổng kết HP - Kiểm tra kết thúc HP		CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế chính trị

Mã học phần: 0102000641

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Kinh tế chính trị học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

- MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.
- MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.
- MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.
- MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000641	Kinh tế chính trị	2	0	0	0	0	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO):

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được các kiến thức cơ bản về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và nội dung quy luật giá trị. Tiền tệ, nguồn gốc và bản chất của tiền.	PO1
MT2	CO2	Nắm được các kiến thức cơ bản về sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các kiến thức cơ bản về tiền công trong chủ nghĩa tư	PO1

		bản, tích lũy tư bản, tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Các hình thái tư bản.	
Kỹ năng			
MT3	CO3	Biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị vào nghiên cứu thực tiễn xã hội.	PO14
MT4	CO4	Xác lập nhận thức đúng đắn về khoa học kinh tế chính trị và các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PO6
MT6	CO6	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội; năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	PO6
MT7	CO7	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PO1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học này nghiên cứu về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, rèn luyện bản thân.	CO5, CO6
Bài tập	Thực tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp, sinh viên đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Chuẩn bị nội dung tham gia thảo luận.

Nghiên cứu tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBĐ của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1: Học thuyết giá trị: -Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa. -Hàng hóa.	[1]	CO1
2	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo): -Hàng hóa (tt). -Tiền tệ	[1]	CO1
3	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo): -Quy luật giá trị. - Thảo luận về Bài 1	[1]	CO1
4	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư: -Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản	[1]	CO2
5	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Sự sản xuất ra giá trị thặng dư. -Tiền công trong chủ nghĩa tư bản. -Tích lũy tư bản	[1]	CO2
6	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Tuần hoàn và chu chuyển tư bản -Các hình thái tư bản	[1]	CO2, CO3
7	Bài 3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: -Sự xuất hiện và phát triển. -Những đặc trưng cơ bản	[1]	CO2, CO3
8	Bài3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: Những biểu hiện mới của CNTB ngày nay.	[1]	CO2, CO3
9	Bài3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): -Những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của CNTB ngày nay. -Thảo luận toàn bài.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
10	Tổng kết môn học		

12. Cơ sở và thiết bị

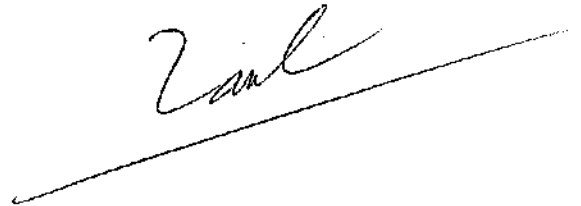
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: 0102000890

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học; Kinh tế chính trị.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

** Về kiến thức*

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.	PO1
MT2	CO2	Vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PO1

Kỹ năng			
MT3	CO3	+ Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh từ thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO1
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để nhận diện được âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch.	PO6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng; có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO1
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO14
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học chủ nghĩa xã hội, nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa xã hội, về nội dung, đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua từng giai đoạn phát triển và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<p>Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>	[1]	CO1
2	<p>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>	[1]	CO2, CO3
3	<p>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa (tiếp theo)</p>	[1]	CO3, CO5, CO7
4	<p>Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>- Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>	[1]	CO3, CO4, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
5	<p>-SV thực hiện các bài báo cáo nhóm theo chủ đề đã được bốc thăm ở buổi học trước. Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>		CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn và máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Nguyễn Chí Thắng



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 0102000900

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào trong nghiên cứu và học tập các khoa học về chính trị, xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

MT3: Vận dụng các kiến thức bộ môn vào học tập các học phần về xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào Đảng và chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và niềm tin vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được tiếp thu để giáo dục sinh viên về lý tưởng của Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và có đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Cơ sở và quá trình hình thành TTHCM. Nội dung cốt lõi của TTHCM.	PO6
MT2	CO2	Những nội dung cơ bản của TTHCM: Về độc lập dân tộc, về xây dựng CNXH, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết, về đạo đức, về các giá trị văn hóa Việt Nam.	PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội này sinh	PO14

		trong thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của HCM để nhận diện được các vấn đề phức tạp của xã hội.	PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO1
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch cũng như những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO1
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học có 08 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Những cơ sở của đường lối xây dựng đất nước ở Việt Nam;
- Vận dụng kiến thức vào việc lý giải và có thái độ đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, có tính khoa học và hấp dẫn	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đôi thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	2
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO5, CO6, CO7	5

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đặng Xuân Kỳ, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2011.

[2]. Huỳnh Văn Long - Khoa Năng Lập, *Bài giảng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Bộ môn Lý luận Chính trị, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phạm Ngọc Anh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<p>Bài mở đầu: Giới thiệu môn học và kế hoạch học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được yêu cầu môn học. Chi dẫn về cách tìm tài liệu học tập - Nắm được cách thức đánh giá môn học (đề cao việc đến lớp học). 	[1]	CO2, CO3
2 + 3	<p>Bài 1: Cơ sở, quá trình hình thành và sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được 2 cơ sở hình thành TTHCM, nhấn mạnh cơ sở chủ quan. - Lý giải các chặng đường hình thành và phát triển TTHCM, đặc biệt làm sáng tỏ những phẩm chất cao quý của HCM. 	[1]	CO1, CO6, CO7
4	<p>Bài 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính khoa học và cách mạng sâu sắc của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc. - Những điểm chính của tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc. 	[1]	CO1, CO5, CO6
5	<p>Bài 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm có tính khoa học, cách mạng và nhân văn của HCM về CNXH. - Con đường, biện pháp tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 	[1]	CO5, CO6
6	<p>Bài 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm của HCM về vai trò và bản chất của ĐCS Việt Nam. - Nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐCS Việt Nam trong sạch, vững mạnh. 	[1]	CO1, CO6, CO7
7	<p>Bài 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn của HCM. - Tư tưởng HCM về đoàn kết quốc tế (thành quả và 	[1]	CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	hạn chế).		
8	Bài 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân. - Xây dựng nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc. - Xây dựng nhà nước có pháp lý, trong sạch, hiệu quả	[1]	CO1, CO2, CO7
9	Bài 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. - Tư tưởng HCM về nền văn hóa mới (5 điểm) ở VN. - Về sức mạnh và chuẩn mực đạo đức cách mạng. - Về con người mới và chiến lược "trồng người".	[1]	CO2, CO3, CO4
10	Bài 8: Tổng kết môn học - Những trọng điểm của các bài. - Hướng dẫn ôn thi và cách làm bài thi tốt. - Công bố các loại điểm: chuyên cần và thường xuyên.		CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ


Nguyễn Chí Thắng


Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 0102000869

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo quan điểm của Đảng ta.

MT2: Nắm phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

MT3: Ứng dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức được trang bị để giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000869	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	0	0	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc.	PO1
MT2	CO2	Nắm các nội dung chính về đường lối của Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, xây dựng kinh tế, xây dựng hệ thống chính trị, gìn giữ và phát huy các	PO1

		giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh từ thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO14
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của Đảng để nhận diện được âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch.	PO1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO6
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO6
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, giúp sinh viên phân tích được những vấn đề cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%). + Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%). + Hình thức thi: Tự luận.	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Việt Thông, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

[2]. Tập bài giảng Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam của Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Dương Ninh, *Cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế lịch sử và vấn đề*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017

11. Nội dung chi tiết của học phần:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	[1], [2]	CO2, CO3
1+2	Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
3+4	Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) - Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939. - Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến 1945 - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO5, CO6
5+6	Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975). - Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975) - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6
7+8	Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa - Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
8+9	Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường - Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6, CO7
10+11	Chương 6: Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị	[1], [2]	CO1, CO2,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị trước đổi mới (1945-1985) - Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp 		CO7
11+12	<p>Chương 7: Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển văn hóa Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội - Thảo luận nhóm tại lớp 	[1], [2]	CO2, CO3, CO4
13+14	<p>Chương 8: Đường lối đối ngoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 - Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp 	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
15	<p>Tổng kết môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải đáp các thắc mắc về chương trình Công bố điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên 		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Nguyễn Chí Thắng



Huỳnh Văn Long

2024

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TOÁN CAO CẤP
MÃ HỌC PHẦN: 0101000898

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	30	15	0	0	45 + 60 = 105
T = Bài tập					
P = Thực hành					
O = Thảo luận/seminar					

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Toán, Khoa cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

TS. Trần Ngọc Tâm
Ths. Nguyễn Chí Thắng

Email: ngoctam.tdu@gmail.com
Email: nguyenchithang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

** Về kiến thức*

MT1: Nắm được các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức, các phép toán trên ma trận và trên định thức; các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân hàm một biến số.

MT2: Hiểu được ý nghĩa của các đại lượng toán học; phân tích được bài toán thực tế, đưa về các đại lượng toán và giải quyết bài toán.

*** Về kỹ năng**

MT3: Có kỹ năng tính toán các phép toán, các phép biến đổi trên ma trận, định thức; có kỹ năng biến đổi và giải hệ phương trình; có kỹ năng phân tích các bài toán từ thực tế.

MT4: Vận dụng thành thạo các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính và áp dụng vào giải một số bài toán từ thực tế.

MT5: Có kỹ năng tính toán về giới hạn, đạo hàm, vi phân các cấp của hàm số một biến số; có khả năng phân tích và ứng dụng các khái niệm toán học trên để giải quyết một số bài toán trong thực tế.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm công tác một cách sáng tạo.

MT7: Có năng lực hợp tác trong công việc và tự chịu trách nhiệm theo nhóm công tác.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000898	Toán cao cấp	0	2	0	0	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	0	0	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Ứng dụng lý thuyết toán học để đưa các bài toán thực tế về các bài toán giải được bằng toán học.	PO2
MT3 MT4	CO2	Phân tích được sự hình thành giá cân bằng cung - cầu trong các bài toán về thị trường cạnh tranh.	PO2
MT5	CO3	Giải được các bài toán chứa các yếu tố hình thành và ảnh hưởng đến cung - cầu hàng hóa và dịch vụ.	PO2

MT3 MT4	CO4	Phân tích được tác động của các biện pháp can thiệp vào thị trường cạnh tranh thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO2
MT3 MT4	CO5	Phân tích được các yếu tố hình thành chi phí sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO2
MT4 NT5	CO6	Phân tích được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của đơn vị sản xuất trong thị trường cạnh tranh thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO2
MT4 MT5	CO7	Phân tích được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền và cạnh tranh độc quyền trong thị trường thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO10
Kỹ năng			
MT3 MT4 MT5	CO8	Vận dụng các kiến thức về toán học để biến đổi các bài toán thực tế đưa về dạng giải được bằng toán học. Hình thành kỹ năng đọc kết quả sau giải quyết.	PO2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7	CO9	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự giải quyết các bài toán kinh tế từ thực tế, tự tìm giải pháp hiệu quả cho việc ứng dụng toán học vào thực tế.	PO10

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các khái niệm về:

- Ma trận, các phép toán trên ma trận, ma trận bậc thang, hạng của ma trận và ma trận nghịch đảo;
- Khái niệm định thức, các phương pháp tính định thức và ứng dụng của định thức;
- Khái niệm hệ phương trình tuyến tính và các phương pháp giải;
- Khái niệm hàm số, giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân;
- Ứng dụng các kiến thức nêu trên vào giải quyết một số bài toán từ thực tế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội	CO1, CO2, CO3, CO4,

	dung kiến thức trong môn học.	CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO4, CO5, CO6	10
2	Thường xuyên	30	+ Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần. + Hình thức thi: Tự luận. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Văn Quang, *Giáo trình Toán cao cấp 1*, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2022 (Thư viện Trường Đại học Nam Cần Thơ).

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Giáo trình Toán học cao cấp tập 1*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2004 (Thư viện Trường Đại học Nam Cần Thơ).

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	1. Ma trận		
	+ Khái niệm về ma trận + Một số ma trận đặc biệt + Các phép toán trên ma trận + Các phép biến đổi sơ cấp trên dòng + Ma trận bậc thang dòng + Hạng của ma trận <i>Bài tập</i>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	2. Định thức		
	+ Khái niệm định thức + Tính chất cơ bản của định thức + Công thức khai triển định thức <i>Bài tập</i>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	3. Ma trận nghịch đảo		
	+ Định nghĩa + Tính chất của ma trận nghịch đảo + Tìm ma trận nghịch đảo bằng phép biến đổi sơ cấp + Tìm ma trận nghịch đảo bằng định thức <i>Bài tập</i>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	4. Hệ phương trình tuyến tính		
	+ Các khái niệm cơ bản		CO1, CO2, CO3, CO4,

	<ul style="list-style-type: none"> + Dạng ma trận của hệ phương trình tuyến tính + Định lý Kronecker-Capelli + Thuật toán Gauss <p>Bài tập</p>		CO5, CO6, CO7, CO8
5	<ul style="list-style-type: none"> + Giải hệ phương trình tuyến tính thuần nhất + Thuật toán Cramer <p>Bài tập</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
6	<ul style="list-style-type: none"> + Mô hình cân bằng thị trường + Mô hình cân bằng thu nhập quốc dân + Mô hình IS-LM + Mô hình cân đối liên ngành <p>Bài tập</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
7	Kiểm tra giữa kỳ		
8	5. Hàm số		
	<ul style="list-style-type: none"> + Khái niệm hàm số + Hàm số đơn điệu + Hàm số chẵn, lẻ + Hàm số bị chặn + Hàm số hợp + Hàm số ngược + Các hàm số sơ cấp cơ bản + Hàm sơ cấp <p>Bài tập</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9	6. Dãy số và giới hạn dãy số		
	<ul style="list-style-type: none"> + Dãy số + Cấp số cộng + Cấp số nhân + Giới hạn dãy số <p>Bài tập</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	7. Giới hạn hàm số		

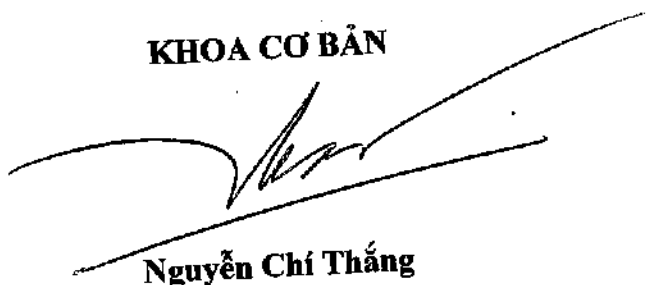
	<ul style="list-style-type: none"> + Định nghĩa + Một số giới hạn cơ bản + Tính chất hàm số có giới hạn + Các qui tắc tính giới hạn + Các dạng vô định <p>Bài tập</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	8. Vô cùng bé, vô cùng lớn và hàm số liên tục		
11	<ul style="list-style-type: none"> + Vô cùng bé + Vô cùng lớn + Khái niệm hàm số liên tục + Các định lý về hàm liên tục + Tính liên tục của hàm hợp, hàm ngược và hàm số sơ cấp + Tính chất của hàm số liên tục <p>Bài tập</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	9. Đạo hàm và vi phân		
12	<ul style="list-style-type: none"> + Khái niệm đạo hàm + Mối quan hệ giữa đạo hàm và tính liên tục + Ý nghĩa chung của đạo hàm + Đạo hàm các hàm số sơ cấp cơ bản + Đạo hàm tổng, hiệu, tích và thương + Đạo hàm hàm hợp + Đạo hàm hàm ngược + Khái niệm vi phân + Liên hệ vi phân với đạo hàm + Các qui tắc tính qui phân + Các định lý cơ bản về hàm khả vi + Ứng dụng vi phân tính gần đúng <p>Bài tập</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	10. Đạo hàm và vi phân cấp cao		
13	<ul style="list-style-type: none"> + Đạo hàm cấp cao 		CO3, CO4,

	+ Vi phân cấp cao <i>Bài tập</i>		CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
14	11. Ứng dụng của đạo hàm trong toán học		
	+ Quy tắc L'Hospital khử dạng vô định + Xác định khoảng tăng, giảm và cực trị của hàm số + Tính lồi, lõm và điểm uốn của đồ thị + Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số <i>Bài tập</i>		CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
15	12. Ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế		
	+ Hàm giá trị cận biên + Hệ số co giãn + Bài toán tối ưu một biến trong kinh tế <i>Bài tập</i>		CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, phấn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN



Lê Đại Nghiệp

2024

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN

MÃ HỌC PHẦN: 0101000883

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	15	0	0	45 + 90 = 135
O = Thảo luận/seminar					

- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Có**
- Học phần học trước: **Toán cao cấp 1**
- Học phần học song hành: **Không**
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: Tiếng Anh:
- Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Toán - Khoa Cơ Bản.**

2. Thông tin về các giảng viên

- ThS. Lê Đại Nghiệp 0987081808 Email: nghiepl808@gmail.com
- ThS. Nguyễn Chí Thắng 0919020685 Email: nctchithang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu các khái niệm về xác suất, biến ngẫu nhiên, một số quy luật xác suất, ước lượng, kiểm định, hồi quy tuyến tính.

MT2: Sinh viên hiểu được vai trò và ứng dụng của xác suất, thống kê trong các ngành khoa học khác và ứng dụng vào đời sống.

MT3: Đưa ra quyết định thông qua việc phân tích về số liệu.

MT4: Người học sẽ xây dựng cho mình tác phong làm việc cụ thể, chi tiết và khoa học, tránh lối làm việc đại khái, cảm tính và không thực hành.

*** Về kỹ năng**

MT5: Nhận biết các mô hình thống kê đơn giản và ứng dụng vào các bài toán thuộc chuyên ngành học của mình.

MT6: Sử dụng ít nhất một phần mềm thống kê để giải các bài toán thống kê (Excel, SPSS, R, ...)

MT7: Sinh viên phải tham gia học tập và giải quyết các vấn đề được đặt ra.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề được cuộc sống đặt ra để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả công việc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000883	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	0	2	0	0	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	0	0	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
MT1	CO1	Nắm các khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất.	PO2
MT1, MT2	CO2	Nắm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, một số luật phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.	PO2
MT1, MT2, MT3	CO3	Vận dụng các kiến thức về xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học - công nghệ và kinh tế.	PO2

MT1, MT2	CO4	Vận dụng phương pháp chung và những phương pháp đặc thù của xác suất, thống kê vào giải quyết các bài toán từ thực tế.	PO2
MT5, MT6, MT7	CO5	Phân tích, tổng hợp và xử lý số liệu trên nền kiến thức về xác suất, thống kê để đưa ra kết luận.	PO2
MT5, MT6, MT7	CO6	Thao tác được trên các đồ thị, biểu bảng để trình bày rõ ràng, để từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá phù hợp.	PO2
MT1, MT2, MT3, MT5, MT6	CO7	Vận dụng được kiến thức để giải các bài tập xác suất thống kê và giải các vấn đề cơ bản trong cuộc sống.	PO10
MT8, MT9	CO8	Sưu tầm, tra cứu tài liệu từ các nguồn khác nhau để phục vụ cho học phần.	PO2
MT8, MT9	CO9	Có thái độ tích cực, tác phong cẩn thận, tinh thần hợp tác trong học tập và công việc.	PO10

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học gồm hai phần là Xác suất và Thống kê.

- Phần xác suất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các phương pháp tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các phân phối xác suất, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế.

- Phần thống kê giới thiệu cho sinh viên các bài toán cơ bản của thống kê và cách giải quyết bài toán ước lượng, bài toán kiểm định giả thiết và hồi quy tuyến tính.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO10, CO11, CO11.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9, CO10, CO11, CO12.

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO12.
---	---	------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

Làm bài tập ứng dụng, hoặc bài tập tình huống để củng cố các kiến thức (lý thuyết) đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBĐ của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO4, CO5, CO6	10
2	Thường xuyên	30	+ Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần. + Hình thức thi: Tự luận. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Lê Đại Nghiệp, *Bài giảng Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Bộ môn toán - khoa Cơ bản, năm 2017 (Thư viện Trường Đại học Nam Cần Thơ).

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Sĩ Đồng, *Xác suất thống kê và ứng dụng*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011.

[3]. Đinh Văn Đăng, *Bài tập xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011.

11. Nội dung chi tiết học phần

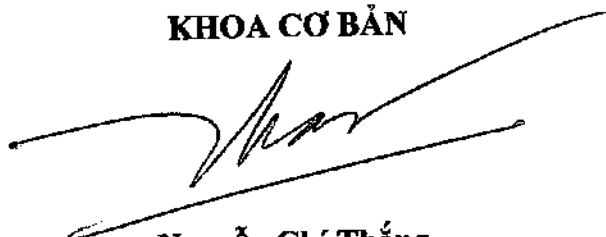
Tuần	Nội dung chính	Tài liệu	CĐR của HP
1	Các quy tắc đếm.	Chương I. Trang 1-5	CO2, CO3, CO5.
2	Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố.	Trang 5-14	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO9
3	Công thức tính xác suất.	Trang 14-22	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Công thức tính xác suất (tt) + bài tập.	Trang 22-25	CO1, CO2, CO3, CO5, CO9, CO10, CO11
5	Biến ngẫu nhiên + tham số đặc trưng.	Chương II. Trang 40-45	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
6	Luật phân phối xác suất + bài tập.	Trang 45-48	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
7	Tổng thể và mẫu + sắp xếp mẫu.	Chương III. Trang 55-65	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10.
8	Các đặc trưng của mẫu + bài tập. Kiểm tra 1 tiết.	Trang 65-70	CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11.
9	Ước lượng khoảng cho tham số trung bình, tỉ lệ.	Chương IV. Trang 70-74	CO2, CO3, CO7, CO9, CO10, CO11, CO12
10	Ước lượng khoảng cho tham số	Trang 74-77	CO1, CO2, CO3,

	phương sai + bài tập.		CO5, CO6, CO10, CO11, CO12
11	Tổng quan bài toán kiểm định.	Chương V. Trang 80-82	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
12	Một số kiểm định liên quan đến tỷ lệ.	Trang 82-85	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO10, CO11, CO12
13	Một số kiểm định liên quan đến trung bình.	Trang 86-89	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO9, CO11, CO12
14	Kiểm định sự độc lập và luật phân phối xác suất.	Trang 89-91	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO9, CO11, CO12
15	Bài tập	Trang 100-103	CO1, CO2, CO3.

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

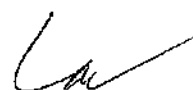
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, phấn, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN



Lê Đại Nghiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 1 – Bóng chuyền

Mã học phần: 0101000872

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam.

MT2: Nắm được xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam.

MT3: Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền.

MT4: Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

*** Về kỹ năng**

MT5: Có kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyên (chuyên bóng, đệm bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyên.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức và tham gia tích cực các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000872	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyên	0	0	0	0	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyên trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyên	PO10
MT2	CO2	Biết được xu thế phát triển của bóng chuyên hiện đại, đặc điểm của bóng chuyên đỉnh cao của Việt Nam	PO10
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyên	PO10
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyên	PO10
Kỹ năng			

MT3 MT5 MT6	CO5	Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền (chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyền	PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT10	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.	PO14
MT6 MT8 MT9	CO7	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng chuyền trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền;
- Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại;
- Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam;
- Kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bóng chuyền;
- Một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyền, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Thảo luận: giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định

Tham dự thi phần thực hành

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	+ Yêu cầu phát qua lưới và vào sân + Đối với nam: Phát bóng cao tay 5 quả + Đối với nữ: Phát bóng thấp tay 5 quả	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	+ Đệm bóng cơ bản trước mặt + Đối với nam: 10 lần đệm bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần đệm bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	+ Chuyển bóng cơ bản trước mặt + Đối với nam: 10 lần chuyển bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần chuyển bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn Bóng chuyền*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Dương Tuyết, Cát Lợi, *Tôi yêu thể thao: Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2009.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
LÝ THUYẾT			
1	Chương 1: Lịch sử phát triển môn bóng chuyền		
	Sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại. Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao của Việt Nam	[1]	CO1, CO2, CO6, CO7
	Chương 2 Kỹ thuật bóng chuyền		
	Tư thế và di chuyển Kỹ thuật chuyền bóng Kỹ thuật đệm bóng Kỹ thuật phát bóng Kỹ thuật đập bóng Kỹ thuật chắn bóng	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Chương 3 Sân bãi, dụng cụ thi đấu		
	Sân: Kích thước sân thi đấu, mặt sân, các đường trên sân, các khu trên sân, nhiệt độ, ánh sáng. Lưới và cột: chiều cao của lưới, cấu tạo lưới, băng giới hạn, ăng ten, cột lưới. Bóng: bóng chuẩn, tính đồng nhất của quả bóng, bóng dùng trong các cuộc thi đấu Thế giới, số lượng bóng và số người nhặt bóng trong thi đấu	[1]	CO4, CO6, CO7
	Chương 4 Những người tham gia	[1]	
	Đội bóng: thành phần của đội bóng, vị trí của đội bóng, đội hình thi đấu của đội, vị trí của vận động	[1]	CO4, CO6, CO7

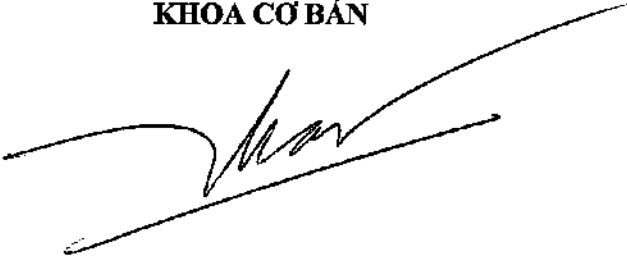
Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	viên trong sân, lỗi sai vị trí, trang phục, thay đổi trang phục Thay người: giới hạn thay người, thay người ngoại lệ, thay người bắt buộc, thay người không hợp lệ Thể thức thi đấu Động tác đánh bóng: số lần chạm bóng của một đội, tính chất chạm bóng, lỗi đánh bóng.		
THỰC HÀNH			[1]
2	Bài 1: Tư thế và di chuyển Tư thế chuẩn bị Tư thế đánh bóng Di chuyển: Chạy, bước, nhảy, ngã	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
3 - 4	Bài 2: Kỹ thuật phát bóng thấp tay Phát bóng thấp tay trước mặt (chính diện) Phát bóng thấp tay nghiêng mình	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
5 - 6	Bài 3: Kỹ thuật phát bóng cao tay Phát bóng cao tay trước mặt (chính diện) Phát bóng cao tay nghiêng mình	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA GIỮA KỲ			[1]
7 - 8	Bài 4: Kỹ thuật đệm bóng Đệm bóng cơ bản Đệm bóng về phía sau Lăn ngã đệm bóng	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
9 - 10	Bài 5: Kỹ thuật chuyền bóng Chuyền bóng cơ bản Chuyền bóng lật sau đầu Bật nhảy chuyền bóng Chuyền bóng kết hợp lăn ngã	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)			CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)			CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

Sân bãi: sân bóng chuyên, bóng chuyền và một số dụng cụ khác

Đối với sinh viên: trang phục thể dục và mang giày.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN



Huỳnh Minh Tâm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - quần vợt

Mã học phần: 0101000873

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt

MT2: Nắm vững các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt.

MT3: Nắm vững các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt.

MT4: Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

*** Về kỹ năng**

MT5: Có kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000873	Giáo dục thể chất 2 -Quần vợt	0	0	0	0	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên Thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt.	PO10
MT2	CO2	Nắm được các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt.	PO10
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt.	PO10
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.	PO10
Kỹ năng			

MT3	CO5	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (Kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, Kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt	PO14
MT4			
MT5			
MT6			
MT8			
MT9			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.	PO14
MT9			
MT10			
MT6	CO7	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO14
MT8			
MT9			

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Quần vợt trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam;
- Ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt;
- Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt;
- Các kỹ thuật đánh bóng (kỹ thuật cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng);
- Một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyền, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Thảo luận giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phần thực hành.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	+ Giao bóng theo sở trường (topspin; sidespin; flat) + Giao bóng 05 quả bên góc phải + Giao bóng 05 quả bên góc trái	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	+ Đánh bóng thuận tay (forehand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	+ Đánh bóng trái tay (backhand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Lê Tiền Đề - Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn quần vợt*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Vũ Như Ý, *Hướng dẫn chơi quần vợt*, Nhà xuất bản thể dục thể thao Hà Nội, năm 2003.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
LÝ THUYẾT			
1	Chương 1: Lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt		
	+ Nguồn gốc và lịch sử phát triển môn Quần vợt trên thế giới. + Lịch sử phát triển môn quần vợt ở Việt Nam. + Ý nghĩa, lợi ích của người chơi môn Quần vợt	[1]	CO1, CO6, CO7
	Chương 2 Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của quần vợt		
	+ Cấu trúc sinh cơ học của hoạt động đánh bóng trong Quần vợt + Điều khiển hoạt động đánh bóng + Các yếu tố đánh bóng.	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
	Chương 3 Kỹ thuật đánh bóng		
	+ Cách cầm vợt + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải (forehand) + Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái (backhand) + Kỹ thuật giao bóng	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
	Chương 4 Một số quy định trong quần vợt		
+ Sân, thiết bị cố định, bóng và vợt: sân thi đấu, thiết bị cố định, bóng, vợt. + Giao bóng và đỡ giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Chọn bên và chọn giao bóng	[1]	CO4, CO5, CO6, CO7	

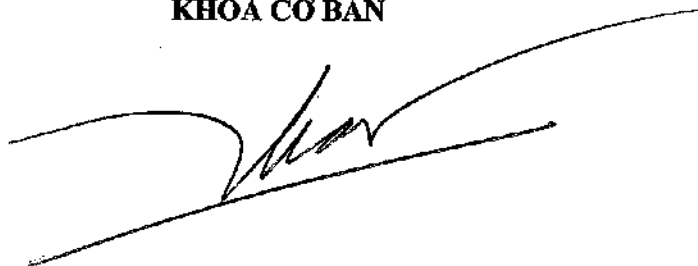
Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> + Lỗi khi giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Lỗi giao bóng + Đấu thủ thua điểm 		
	Chương 5: Hệ thống tính điểm trong quần vợt		
	<ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống tính điểm: tính điểm trong game, tính ván trong hiệp, số hiệp tối đa, tiến hành trận đấu và thời gian nghỉ, thay bóng. + Cản trở đối phương + Bóng rơi trên vạch + Bóng chạm các thiết bị cố định + Đánh bóng trả tốt + Đấu thủ bị cản trở 	[1]	CO4, CO6, CO7
THỰC HÀNH			
2	Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> + Cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị và di chuyển + Cách cầm vợt + Tư thế chuẩn bị + Di chuyển 	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
3	Bài 2: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật giao bóng (topspin; sidespin; flat) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác: giao bóng thẳng, giao bóng chém, giao bóng xoáy + Kết thúc động tác 	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA GIỮA KỲ			
4	Bài 3: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải (forehand) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác + Kết thực động tác 	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
5 - 6 -	Bài 4:	[1]	CO3, CO5,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
7	+ Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoay lên bên trái (backhand) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác + Kết thực động tác		CO6, CO7
8 -9 - 10	Bài 5: + Kỹ thuật đánh trả giao bóng + Phát triển kỹ năng đánh trả giao bóng và hạn chế sức tấn công của đối phương	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Sân bãi: sân quần vợt, bóng, vợt và một số dụng cụ khác
- Đối với sinh viên: trang phục thể dục, vợt và mang giày.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Huỳnh Minh Tâm

2024

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá

Mã học phần: 0101000874

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng đá trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá.

MT2: Nắm vững các đặc điểm, phân loại và yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá

MT3: Nắm vững kiến thức về luật bóng đá 5 người.

*** Về kỹ năng**

MT4: Có kỹ năng vận dụng các kỹ năng cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá.

MT5: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện và hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000874	Giáo dục thể chất 3 -Bóng đá	0	0	0	0	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	0	0	0	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam, đặc điểm, tác dụng của môn bóng đá.	PO10
MT2	CO2	Nắm được khái niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá	PO10
MT2 MT4	CO3	Nắm vững và thực hành được các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá.	PO10
MT3	CO4	Nắm vững các kiến thức về luật bóng đá 5 người.	PO10
Kỹ năng			

MT2 MT4 MT5	CO5	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá	PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT10	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao	PO14
MT5 MT6 MT8 MT9	CO7	Tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng đá trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam
- Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá;
- Kiến thức cơ bản về các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như: tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng, luật bóng đá 5 người.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng đá, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Thảo luận trong giờ học giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề đã được nghe giảng trong giờ học.

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phân thực hành.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất - Đối với nam: 20 lần chạm bóng liên tục - Đối với nữ: 10 lần chạm bóng liên tục	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất. Đối với nam: Đá 5 quả vào khung thành 1m với khoảng cách 10m bằng lòng bàn chân Đối với nữ: Đá 5 quả vào khung thành 1m với khoảng cách 08m bằng lòng bàn chân	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất Đối với nam: Đá 5 quả vào khung thành 6m với khoảng cách 15m bằng má trong bàn chân Đối với nữ: Đá 5 quả vào khung thành 6m với khoảng cách 10m bằng má trong bàn chân	CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn Bóng đá*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lưu Hải Yến, *Tôi yêu thể thao: Bóng đá*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2012.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
LÝ THUYẾT			
1	Chương 1: Giới thiệu môn bóng đá		
	+ Sơ lược lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam + Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá + Sơ lược về các giải vô địch quốc gia + Các liên đoàn bóng đá quốc tế và khu vực + Thành tích giải vô địch bóng đá Thế giới	[1]	CO1, CO6, CO7
	Chương 2: Kỹ thuật môn bóng đá		
	+ Khái niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá + Kỹ thuật tâng bóng + Kỹ thuật dẫn bóng + Kỹ thuật đá bóng + Kỹ thuật tranh cướp bóng	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
	Chương 3: Luật bóng đá 5 người		
	+ Luật I: Sân thi đấu + Luật II: Bóng + Luật III: Số lượng cầu thủ + Luật IV: Trang phục cầu thủ + Luật VIII: Thời gian thi đấu + Luật IX: Bắt đầu và bắt đầu lại trận đấu + Luật X: Bóng trong cuộc và bóng ngoài cuộc + Luật XI: Bàn thắng hợp lệ + Luật XII: Lỗi và hành vi thiếu đạo đức	[1]	CO4, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	+ Luật XIII: Những quả phạt + Luật XIV: Lỗi tổng hợp + Luật XV: Phạt đền + Luật XVI: Đá biên + Luật XVII: Quả ném phát bóng + Luật XVIII: Quả phạt góc + Những hướng dẫn về đá luân lưu		
THỰC HÀNH			
2 - 3	Bài 1: + Kỹ thuật tâng bóng + Đặc điểm + Phân loại + Yêu lĩnh kỹ thuật	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
4 - 5	Bài 2: + Kỹ thuật dẫn bóng + Khái niệm + Yêu lĩnh và đặc điểm các kỹ thuật dẫn bóng	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA GIỮA KỲ			
6 - 7 - 8 - 9	Bài 3: + Kỹ thuật đá bóng + Kết cấu động tác kỹ thuật đá bóng + Các điểm tiếp xúc của bàn chân sử dụng để đá bóng + Yêu lĩnh và đặc điểm của đá bóng	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
10	Bài 4: + Kỹ thuật tranh cướp bóng + Tranh cướp trước mặt + Tranh cướp bóng bên cạnh + Tranh cướp bóng sau lưng + Xoạc bóng trước mặt	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)			
			CO3, CO5,

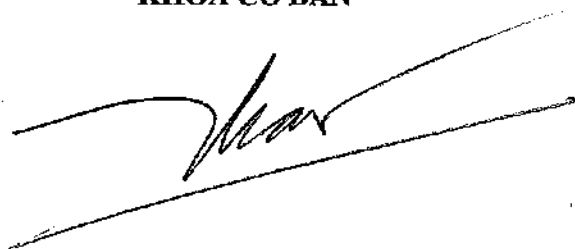
Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
			CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

Sân bãi: sân bóng đá, bóng, cọc, khung thành và một số dụng cụ khác

Đối với sinh viên: trang phục thể dục và mang giày.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Huỳnh Minh Tâm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật đại cương

Mã học phần: 0101000891

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	5	0	5	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Xác định được các khái niệm, đặc điểm của nhà nước và pháp luật; xác định được vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

MT2 Mô tả được khái quát về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước.

MT3 Xác định được các ngành luật và mô tả được một số chế định pháp luật cơ bản trong các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng

MT4 Có khả năng xác định được các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thuộc đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của ngành luật nào và có thể vận dụng pháp luật để giải quyết một số tình huống pháp lý đơn giản thường gặp trong đời sống.

MT5 Có khả năng thuyết trình, đưa ra quan điểm và có khả năng lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

MT6 Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức. sự, đại diện, giám hộ, thời hạn, thời hiệu, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7 Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

MT8 Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
0101000891 01010001010	Pháp luật đại cương	2	1	0	0	0	0	0	0
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		0	0	0	0	0	0	3	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Xác định được các đặc điểm của nhà nước và pháp luật; nêu và phân tích được khái niệm và các đặc điểm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	PO1, PO2
MT1	CO2	Mô tả được các loại trách nhiệm pháp lý trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	PO1, PO2
MT2	CO3	Mô tả được vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước được quy định trong hiến pháp Việt Nam.	PO1, PO2
MT3	CO4	Mô tả được các ngành luật, các chế định pháp luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phân tích được được một số quy định cơ bản của các lĩnh vực pháp luật như dân sự, hình sự, hôn nhân, thương mại, đất đai và lao động.	PO1, PO2
Kỹ năng			
MT4	CO5	Có khả năng tự cập nhật được các văn bản pháp luật cần thiết trong thực tiễn cuộc sống. Có khả năng vận dụng một số quy định cơ bản của pháp luật để giải quyết được một số tình huống pháp lý tương đối đơn giản phát sinh trong thực tiễn.	PO1, PO2

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
MT5	CO6	Có khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm. Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO1, PO2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT8	CO7	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách sáng tạo; Có ý thức và trách nhiệm công dân. Có ý thức tuân thủ pháp luật.	PO16,PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, giới thiệu một số chế định pháp luật cơ bản của các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO11, CO12, CO15, CO16
Báo cáo nhóm	Giúp sinh viên có khả năng tự học và có kỹ năng thuyết trình.	CO1, CO11, CO12, CO15, CO16
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO11, CO12, CO15, CO16

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Nguyễn Chí Dũng (2018), Giáo trình pháp luật đại cương, Nxb Đại học Cần Thơ, TP. Cần Thơ. [340.957 D531].

- Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên); Đào Thu Hà, Đỗ Kim Hoàng (2017). Giáo trình pháp luật đại cương. NXB Giáo dục Việt Nam. [340.597 Th523].

[3] Mai Hồng Quý (Chủ biên) (2015). Giáo trình pháp luật đại cương. NXB Đại học Sư Phạm. [340.597 Q523].

[4] Hiến pháp năm 2013.

[5] Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Bộ Luật Hình sự năm 2015.

[7] Luật đất đai năm 2013.

[8] Luật doanh nghiệp năm 2014.

[9] Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1. Những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật 1.1. Những vấn đề chung về nhà nước 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nhà nước 1.1.2. Hình thức nhà nước 1.2. Những vấn đề chung về pháp luật 1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật 1.2.2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	[1]	CO1, CO4, CO5, CO6, CO7
2	Chương 2: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	[1]	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, đặc điểm quyền con người - Khái niệm quyền con người - Đặc điểm của quyền con người - Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân - Khái niệm công dân - Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân - Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp hiện hành - Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực chính trị - Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực kinh tế – xã hội - Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực tự do dân chủ, tự do cá nhân 		CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3	<p>Chương 3. Bộ máy nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát chung về bộ máy nhà nước Việt Nam - Khái niệm bộ máy nhà nước Việt Nam - Đặc điểm của bộ máy nhà nước - Hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền ở Việt Nam - Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam - Nguyên tắc Đảng lãnh đạo trong quản lý hành chính nhà nước - Nguyên tắc tập trung dân chủ - Nguyên tắc nhân dân tham gia quản lý hành chính nhà nước - Nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc - Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa - Bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành - Chế định độc lập – Chủ tịch nước - Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước - Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước (còn gọi là hệ thống cơ quan quản lý nhà nước) - Hệ thống cơ quan xét xử - Hệ thống cơ quan kiểm sát 	[1]	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
4	<p>Chương 4. Luật dân sự và luật tố tụng dân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pháp luật dân sự - Tài sản và quyền sở hữu tài sản - Hợp đồng dân sự - Pháp luật thừa kế 	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp luật tố tụng dân sự - Khởi kiện, thụ lý vụ án dân sự - Quy trình khởi kiện 		
	Chương 5. Pháp luật kinh doanh - thương mại	[1]	
5	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp luật về chủ thể kinh doanh - Khái quát về kinh doanh và chủ thể kinh doanh - Quy định về các loại hình doanh nghiệp - Quy định về phá sản doanh nghiệp - Hợp tác xã - Hộ kinh doanh - Pháp luật về thương mại - Quy định về mua bán hàng hoá - Quy định về chế tài trong thương mại - Quy chế trọng tài thương mại - Trung tâm trọng tài (Trọng tài quy chế) - Hội đồng trọng tài do các bên thoả thuận thành lập (Trọng tài vụ việc) - Chức năng của Trọng tài thương mại - Nguyên tắc giải quyết tranh chấp - Thẩm quyền của Trọng tài thương mại - Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài - Thủ tục giải quyết tranh chấp - Pháp luật về cạnh tranh - Hành vi cạnh tranh không lành mạnh 		CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Chương 6. Pháp luật hình sự	[1]	
6	<ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề về pháp luật hình sự - Khái niệm Luật hình sự - Chế định tội phạm - Khái niệm tội phạm - Các dấu hiệu của tội phạm - Các yếu tố cấu thành tội phạm - Trách nhiệm hình sự - Người chịu trách nhiệm hình sự - Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự - Các nguyên tắc xử lý của Luật hình sự Việt Nam - Chế định về hình phạt - Đặc điểm của hình phạt - Các loại hình phạt theo quy định pháp luật hiện hành - Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội - Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội - Một số tội phạm cơ bản theo quy định của Bộ luật hình sự 		CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Các tội xâm phạm an ninh quốc gia - Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người - Các tội phạm xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân - Các tội phạm về tham nhũng 		
8	<p>Chương 7. Pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện kết hôn - Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng - Quan hệ nhân thân giữa vợ chồng - Quan hệ tài sản giữa vợ chồng - Quy định pháp luật về ly hôn - Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn - Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn - Giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn 	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
9	<p>Chương 8. Pháp luật đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất - Các khái niệm cơ bản - Hình thức sử dụng đất - Chuyển mục đích sử dụng đất - Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất - Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất - Khái niệm thu hồi đất - Các trường hợp Nhà nước thu hồi đất - Thẩm quyền thu hồi đất - Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất - Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất - Giao dịch về quyền sử dụng đất - Điều kiện để thực hiện các giao dịch đất đai - Hình thức của giao dịch đất đai - Các trường hợp được giao dịch quyền sử dụng đất - Những trường hợp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện - Một số hạn chế khác trong việc nhận thế chấp, góp vốn, tặng cho, nhận thừa kế quyền sử dụng đất 	[1]	

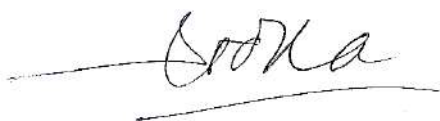
Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai - Khái niệm tranh chấp đất đai - Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai - Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai 		
10	Chương 9. Pháp luật lao động	[1]	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng lao động - Khái niệm hợp đồng lao động - Phân loại hợp đồng lao động - Giao kết hợp đồng lao động - Chấm dứt hợp đồng lao động - Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi - Thời giờ làm việc - Thời giờ nghỉ ngơi - Kỷ luật lao động - Khái niệm kỷ luật lao động - Trách nhiệm kỷ luật - Bảo hiểm xã hội - Khái niệm bảo hiểm xã hội - Chức năng của bảo hiểm xã hội - Các loại hình bảo hiểm xã hội - Các chế độ bảo hiểm 		CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
11	Chương 10. Luật hành chính và luật tố tụng hành chính	[1]	
	<ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề chung về Luật hành chính - Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính - Vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính - Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức - Khái niệm cán bộ, công chức, viên chức - Luật tố tụng hành chính Việt Nam - Khái niệm Luật tố tụng hành chính - Khởi kiện vụ án hành chính - Các thủ tục giải quyết vụ án hành chính 		CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

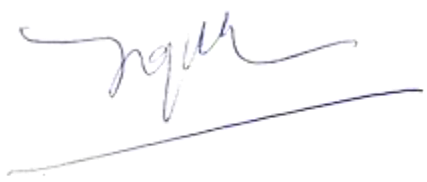
- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (trương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA LUẬT

BỘ MÔN



PGS.TS Lê Văn Long

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'nguy', is positioned above a solid blue horizontal line.

TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh

Mã học phần: 0101000800

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Trình bày được những kiến thức cơ bản của tâm lý kinh doanh .

MT2 Vận dụng kiến thức về tâm lý của người lao động, tâm lý người mua vào thực tiễn.

MT3 Nhận biết đối tượng và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý quản lý.

- Về kỹ năng

MT4 Nhận biết, nắm bắt được đặc điểm tâm lý của người lao động, người mua nhằm phục vụ cho quản lý con người.

MT5 Ứng dụng các kỹ năng giao tiếp vào trong thực tế kinh doanh.

MT6 Vận dụng các kiến thức về tâm lý vào hoạt động tổ chức và lãnh đạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8 Nhận thức được tầm quan trọng của tâm lý trong quản lý con người.

MT9 Đánh giá đúng người khác, biết cách làm việc và sử dụng người hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
01010 00800	Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh	0	2	3	0	1	2	1	1
		PO9	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1
		0	1	2	3	4	5	6	
		1	1	2	1	1	2	1	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận biết đối tượng và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý quản lý.	PO2, PO3, PO14
MT1	CO2	Giải thích được các hiện tượng tâm lý của người lao động trong tổ chức	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO3	Phân biệt các đặc điểm tâm lý tập thể và cá nhân trong tổ chức	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Nhận biết tâm lý người lãnh đạo trong tổ chức	PO2, PO3, PO14
Kỹ năng			
MT7 MT9	CO8	Nhận biết, nắm bắt được đặc điểm tâm lý của người lao động, người mua nhằm phục vụ cho quản lý con người	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT9	CO9	Ứng dụng các kỹ năng giao tiếp trong thực tế kinh doanh	PO12, PO13, PO14, PO15, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh là môn Khoa học kinh tế- xã hội, môn học nghiên cứu những kiến thức về tâm lý người lao động, tâm lý người mua, kỹ năng giao tiếp trong điều kiện thực tế kinh doanh hiện nay.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Làm việc nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Thái Trí Dũng. 2012. Tâm lý học quản trị kinh doanh. NXB Lao động - Xã hội. {658.409 D503}

- Tài liệu tham khảo

[2] Tống Kim Sơn. 2018. Giáo trình Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh. Đại học Nam Cần Thơ.

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1. Khái quát chung về tâm lý học 1.1. Định nghĩa. 1.2. Quản lý kinh doanh trong kinh tế thị trường 1.3. Khái quát chung về tâm lý học	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Chương 2. Nhu cầu, động cơ, khí chất của con người 2.1. Nhu cầu, động cơ, khí chất của con người 2.2. Đặc điểm tâm lý của người lao động 2.3. Tâm lý người mua, người bán 2.4. Thực hành 2.5. Kiểm tra	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	Chương 3. Tâm lý trong quảng cáo 3.1. Loại hình quảng cáo 3.2. Cơ sở tâm lý của quảng cáo 3.3. Thực hành	[1]	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Chương 4. Lý luận chung về giao tiếp 4.1. Khái niệm, mục đích giao tiếp: Giao tiếp là gì? Mục đích của giao tiếp. Phân loại giao tiếp 4.2. Quy trình giao tiếp: thăm dò ý tứ. Thu thập thông tin. Đánh giá và điều chỉnh giao tiếp. 4.3. Các công cụ giao tiếp: Ngôn ngữ nói. Ngôn ngữ viết. Ngôn ngữ biểu cảm. Phong cách giao tiếp. Một số quy tắc giao tiếp cơ bản.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
5	Chương 5. Kỹ năng giao tiếp 5.1. Cách giao tiếp cơ bản trong kinh doanh, trong đời sống. 5.2. Cách giao tiếp trong đàm phán 5.3. Cách giao tiếp trong đấu thầu 5.4. Thực hành. - Kiểm tra	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

11. Nội dung chi tiết học phần

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QUẢN TRỊ KINH DOANH



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Logic học đại cương

Mã học phần: 0102000881

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	24	6	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương; Xã hội học đại cương; Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh: Không

Đơn vị phụ trách: Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

• Về kiến thức

MT 1: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của logic hình thức; mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học; các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học, các quy luật logic cơ bản.

MT 2: Nắm vững vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong việc hình thành, rèn luyện thói quen tư duy logic chặt chẽ, trình bày vấn đề một cách khoa học.

MT 3: Nắm vững nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và quan hệ của các khái niệm phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dùng.

- **Về kỹ năng**

MT 4: Vận dụng thành thạo các quy luật và các hình thức logic của tư duy, tránh sai lầm trong suy nghĩ, phân tích, tổng hợp và trình bày vấn đề.

MT 5: Hình thành những kỹ năng như giao tiếp, ứng xử; đàm phán và thuyết trình, phân biện, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, óc sáng tạo, khám phá, học tập suốt đời.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT 6: Người học có thái độ tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi thuyết trình có sự nhìn nhận đúng đắn, khách quan về các vấn đề thuộc về tư duy.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000881	Logic học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16		
		0	1	1	0	0	0	0		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được các những vấn đề cơ bản về thuật ngữ logic và logic học đại cương	PO2, PO3, PO13
MT1	CO2	Nắm được kiến thức cơ bản về khái niệm, nội hàm, ngoại diên; các quan hệ của khái niệm.	PO2, PO3, PO13
MT1, MT2	CO3	Phán đoán và tiếp cận hình thành kỹ năng phán đoán trước sự vật, hiện tượng trong cuộc sống.	PO2, PO3, PO13
MT1, MT2	CO4	Phân biệt và ứng dụng các quy luật cơ bản của Logic học, bao gồm quy luật đồng nhất, quy luật phi mâu thuẫn, quy luật lý do đầy đủ, quy luật loại trừ cái thứ ba.	PO2, PO3, PO13
MT1, MT2, MT4	CO5	Hiểu và vận dụng quy luật suy luận, suy luận diễn dịch.	PO2, PO3, PO5, PO13
MT1, MT2, MT4, MT6	CO6	Tìm hiểu suy luận quy nạp, các phương pháp quy nạp và phép tương tự	PO2, PO3, PO5, PO6,

			PO13
MT1, MT2, MT4, MT6	CO7	Đặc điểm chung và các dạng giả thuyết; các biện pháp xây dựng và kiểm định giả thuyết.	PO2, PO3, PO5, PO6, PO13
Kỹ năng			
MT4, MT6	CO8	Vận dụng được kiến thức về các quy luật cơ bản của Logic học, ứng dụng vào cuộc sống...	PO2, PO3, PO5, PO6, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1, MT6	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của các quy luật cơ bản của logic, vận dụng vào cuộc sống, nâng cao năng lực phát hiện vấn đề mâu thuẫn, làm đầy đặn hơn khả năng tư duy, phản biện.	PO11, PO12, PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp kiến thức về các quy luật cơ bản, giúp người học hiểu thấu đáo cách suy nghĩ, lập luận của mình và đối phương; qua đó trang bị kỹ năng phát hiện, phản biện những lập luận sai trái, kịp thời đấu tranh, góp phần bảo vệ công lý, chân lý.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Chủ động nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo.
- Tham gia tích cực trong các tình huống đặt ra và chủ động đưa ra chính kiến.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO1, CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Tập bài giảng Logic học đại cương - Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Như Hải, *Giáo trình logic học đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2007.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1: Đối tượng của logic hình thức Sơ lược về sự phát triển của logic học Logic hình thức	[1]	CO1, CO2, CO3
2	Chương 2: Khái niệm Khái niệm là một hình thức phản ánh hiện thực khách quan của tư duy Khái niệm là một hình thức phản ánh hiện thực khách quan của tư duy Nội hàm và ngoại biên của khái niệm	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Quan hệ giữa các khái niệm Các thao tác logic đối với khái niệm		
3	Chương 3: Phán đoán Phán đoán là một hình thức của tư duy Phán đoán phức và các dạng của nó	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Chương 4: Các quy luật cơ bản Quy luật đồng nhất Quy luật không mâu thuẫn logic Quy luật lý do đầy đủ	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
5	Chương 5: Quy luật diễn dịch Một số khái niệm về suy luận Một số dạng suy diễn trực tiếp Một số dạng suy diễn gián tiếp	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
6	Chương 6: Suy luận quy nạp Đặc điểm chung của quy nạp và các dạng quy nạp Bốn phương pháp quy nạp và phép tương tự	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
7	Chương 7: Giả thuyết Đặc điểm chung và các loại của giả thuyết Xây dựng và kiểm tra giả thuyết	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO7, CO8
8	Chương 8: Chứng minh – Bác bỏ Đặc điểm và kết cấu của chứng minh Các phương pháp và các quy tắc chứng minh Bác bỏ và bắt bẻ	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hành vi khách hàng

Mã học phần: 000611

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không **Học phần học trước:** Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Am hiểu những yếu tố tâm lý, cá nhân, niềm tin cốt yếu, giá trị, phong tục tập quán ảnh hưởng đến hành vi khách hàng;

MT2: Giải thích được hành vi sử dụng ngân quỹ cá nhân, lựa chọn, đánh giá các nhãn hiệu và đưa ra những quyết định tiêu dùng;

MT3: Hiểu biết sâu sắc về khoa học về hành vi người tiêu dùng nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả;

MT4: Vận dụng kiến thức về hành vi khách hàng để xây dựng các chiến lược marketing thích ứng.

• Về kỹ năng

MT5: Nâng cao kỹ năng phán đoán tình huống, giải quyết vấn đề khách hàng;

MT6: Phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường kinh doanh, với sự thay đổi của nhu cầu thị trường, thị hiếu của khách hàng;

MT7: Lập kế hoạch phân khúc thị trường, định vị sản phẩm và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp cho từng nhóm khách hàng mục tiêu.

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực sẽ được phát huy khi tham gia học phần.

MT9: Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đối với công việc trực tiếp đảm nhiệm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
000611	Hành vi khách hàng	0	3	3	2	3	2	3	2
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		3	2	2	3	2	2	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT6 MT9	CO1	Tổng quan về hành vi khách hàng. Tầm quan trọng của nghiên cứu hành vi khách hàng trong doanh nghiệp.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT2 MT6 MT9	CO2	Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến hành vi khách hàng.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT7	CO3	Ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đến hành vi khách hàng.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT3 MT4	CO4	Các yếu tố cá nhân tác động đến hành vi khách hàng	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7	CO5	Các yếu tố tâm lý tác động đến hành vi khách hàng	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT8	CO6	Quá trình quyết định của người mua	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT6 MT9	CO7	Nghiên cứu khách hàng và phân khúc thị trường – Định vị sản phẩm	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT4 MT5 MT6	CO8	Nghiên cứu khách hàng và chiến lược sản phẩm.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT6 MT7 MT8	CO9	Nghiên cứu khách hàng và các chiến lược Marketing mix.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14

Kỹ năng			
MT5 MT8	CO10	Kỹ năng thích ứng với môi trường kinh doanh, với sự thay đổi của nhu cầu thị trường, thị hiếu của khách hàng	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT8	CO11	Lập kế hoạch phân khúc thị trường, định vị sản phẩm và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO12	Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực	PO12, PO13, PO14, PO15, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Hành vi tiêu dùng chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, niềm tin cốt yếu, những giá trị, phong tục, tập quán ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm tiêu dùng. Một sự hiểu biết về hành vi tiêu dùng cung cấp nền tảng cho những chiến lược Marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Có ý thức và thái độ tích cực khi tham gia buổi học.
- Thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO10, CO11, CO12	5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO10, CO11, CO12	10
3	Thuyết trình	25	Theo thang điểm của giảng viên	CO9, CO10, CO11, CO12	10
4	Bài thi kết thúc HP	50	Thi tự luận Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Mothersbaugh, David L. Del L. Hawkins. Bùi Hương Quỳnh (dịch). 2018. Hành vi khách hàng: Xây dựng chiến lược marketing. NXB Bách Khoa Hà Nội. [658.834 M918]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	Tổng quan về hành vi khách hàng		
1	- Hành vi khách hàng là gì? - Tại sao phải nghiên cứu hành vi khách hàng? - Phân loại và xác định vai trò khách hàng. - Vai trò của nghiên cứu hành vi khách hàng trong thiết kế chiến lược Marketing.	[1] Chương 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
	Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến hành vi khách hàng		
2	- Văn hóa là gì? Những đặc trưng của văn hóa. Nhánh văn hóa. Ứng dụng của việc nghiên cứu văn hóa vào hoạt động Marketing.	[1] Chương 2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
	Ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đến hành vi khách hàng		
3	- Nhóm xã hội. Nhóm tham khảo. Gia đình - Giai tầng xã hội. Ứng dụng của việc nghiên cứu yếu tố xã hội vào hoạt động Marketing.	[1] Chương 3	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
	Các yếu tố cá nhân tác động đến hành vi khách hàng		
4	- Tuổi tác. Nghề nghiệp. Tình trạng kinh tế. Phong cách sống. Cá tính	[1] Chương 4	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
	Các yếu tố tâm lý tác động đến hành vi khách hàng		
5	- Nhu cầu và động cơ. Nhận thức của khách hàng - Tiềm thức. Phán đoán của khách hàng.	[1] Chương 5	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
	Quá trình quyết định của người mua		
6	- Quá trình quyết định của người mua. - Các dạng của quá trình quyết định mua và các	[1] Chương 6	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,

	tình huống mua hàng. - Các giai đoạn trong quá trình quyết định mua hàng.		CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
Nghiên cứu khách hàng và phân khúc thị trường – định vị sản phẩm			
7	- Phân khúc thị trường - Định vị sản phẩm	[1] Chương 7	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
Nghiên cứu khách hàng và chiến lược sản phẩm			
8-9	- Nghiên cứu khách hàng trong thiết kế chiến lược sản phẩm. - Nhận thức về sản phẩm, về bao bì, màu sắc, nhãn hiệu. - Yếu tố thị trường ảnh hưởng đến nhận thức của khách hàng về sản phẩm.	[1] Chương 8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
Nghiên cứu khách hàng và các chiến lược giá, phân phối, chiêu thị			
10	- Chiến lược giá. Chiến lược phân phối. - Chiến lược chiêu thị.	[1] Chương 9	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam
Vietnamese culture

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
Lý thuyết	Bài tập	Bài tập nhóm	Thảo luận/seminar	
20	0	5	5	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quan hệ công chúng

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

Về kiến thức

MT1 Hiểu biết về tiến trình hình thành những giá trị tinh túy của văn hoá Việt Nam trên các bình diện nhận thức, ứng xử, tổ chức, sáng tạo nghệ thuật.

MT2 Nắm được những nét cơ bản về bản sắc văn hoá Việt Nam hun đúc nên sức mạnh tâm hồn Việt trong trường kỳ lịch sử thăng trầm của dân tộc và hướng giao lưu phát triển hội nhập thế giới hiện nay

Về kỹ năng

MT3 Có kỹ năng tìm hiểu, tiếp cận một nền văn hoá trên thế giới một cách tổng thể và nắm bắt được bản chất của nền văn hoá đó.

MT4 Biết nhận xét, phân tích, xử lý tình huống và bản lĩnh khi tiếp xúc với văn hoá dân tộc mình và các nền văn hoá khác.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5 Hiểu biết sâu sắc và có ý thức học tập, rèn luyện các phẩm chất văn hoá dân tộc ngay trong quá trình học tập, và vận dụng hợp lý trong cuộc sống sau này.

MT6 Trân trọng, yêu mến, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá Việt Nam truyền thống, có tư duy nhạy bén, biết chọn lọc và bảo vệ những giá trị cốt lõi của bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập, ứng xử với các nền văn hoá khác trong khu vực và thế giới.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
	Cơ sở văn hóa VN	0	0	0	0	1	0	0	0
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		2	0	3	3	2	0	3	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân biệt được khái niệm cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, các thành tố của cấu trúc hệ thống văn hoá cùng đặc trưng chủ yếu của nền văn hoá gốc nông nghiệp điển hình Việt Nam.	PO3
MT2	CO2	Nắm vững các giai đoạn và các lớp văn hoá hình thành trong tiến trình VHVN gắn liền với trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.	PO3
MT3	CO3	Nhận diện, lý giải và áp dụng có chọn lọc những nét đẹp của văn hoá tổ chức đời sống cá nhân về tín ngưỡng, phong tục, tập quán cổ truyền của người Việt.	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO4	Phân tích, xử lý được các tình huống mâu thuẫn khi giao lưu tiếp xúc giữa văn hoá dân tộc và các nền văn hoá khác, tránh xung đột văn hoá, kết hợp kỹ năng làm việc nhóm & thuyết trình, thuyết phục.	PO3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Tự tin ở bản lĩnh dân tộc, giữ gìn những giá trị truyền thống nhưng không ngừng học hỏi, bổ	PO11, PO12

		sung, phát huy nét đẹp văn hoá dân tộc với tư duy sáng tạo, rộng mở làm giàu thêm đời sống văn hoá Việt Nam.	
--	--	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những tiền đề lý luận chung về khái niệm văn hóa học và văn hoá Việt Nam, làm nền tảng cho việc xem xét các đặc trưng văn hoá Việt Nam, nhận diện được quy luật hình thành và phát triển, nắm vững tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố, cấu trúc hệ thống, văn hóa nhận thức, văn hoá tổ chức và văn hoá ứng xử, giao lưu cho-nhận trong quá khứ và những vấn đề hiện tại của văn hoá bản địa Việt Nam với văn hoá phương Đông và văn minh phương Tây.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
Báo cáo kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Báo cáo nhóm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

- [1] Trần Quốc Vượng. 2014. Cơ sở văn hóa Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục. {306.09597 V561}
- [2] Đoàn Hồng Nguyên. 2015. Cơ sở văn hóa Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục. {306.09597 Ng527}

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1: Văn hoá học Văn hoá học và các khái niệm liên quan Các đặc trưng và chức năng của VH Cấu trúc hệ thống văn hoá VN Định vị văn hoá VN và các vùng VH.	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Chương 1: (tt) Tiến trình VHVN 6 giai đoạn phát triển lịch sử VN Lớp VH bản địa Lớp VH giao lưu với Trung Hoa và các nước lân cận Lớp VH giao lưu với VHPT	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
3	Chương 2: Văn hoá nhận thức Tư tưởng xuất phát bản chất vũ trụ: Triết lý Âm – Dương: hai quy luật, các thành tố và triết lý A-D trong tính cách người Việt. Cấu trúc không gian của vũ trụ: Tam tài và Ngũ hành, Hà đồ. Ứng dụng của Ngũ hành trong đời sống người Việt.	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
4	Chương 2 (tt) Cấu trúc thời gian của vũ trụ: Lịch âm dương và hệ đếm can chi. Nhận thức về con người tự nhiên & cách nhìn cổ truyền về con người xã hội	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
5	Chương 3: Văn hoá tổ chức đời sống tập thể Tổ chức nông thôn và tính chất Tổ chức quốc gia Tổ chức đô thị Quy luật chung của tổ chức xã hội VN truyền thống	[1] [2]	CO3, CO4
6	Chương 4: Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân Tín ngưỡng phồn thực, sung bái tự nhiên và con người Phong tục hôn nhân và tang ma Lễ Tết và lễ hội (giới thiệu một số lễ hội tiêu biểu các vùng miền)	[1] [2]	CO2, CO3, CO4
7	Chương 4 (tt) Văn hoá giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ Đặc trưng về thái độ, quan hệ và cách thức giao tiếp của người Việt Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối - Tính biểu trưng, đối xứng hài hoà, mô hình hoá. - Tính biểu cảm, tổng	[1] [2]	CO3, CO4
8	Chương 5: Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên Tận dụng môi trường tự nhiên: Quan niệm, dấu ấn nông nghiệp và các tính chất đặc thù trong nghệ thuật ẩm thực VN mỗi vùng miền.	[2]	CO3, CO4
9	Chương 6: Ứng xử với môi trường xã hội Khái quát về vấn đề giao lưu và tiếp nhận văn hoá Giao lưu với Ấn Độ, VH Chăm, Balamôn giáo và nguồn gốc Vh Chăm, - Những đặc điểm Vh Chăm và sức mạnh bản địa Phật giáo và văn hoá VN Sự hình thành và nội dung cơ bản của Phật giáo	[1] [2]	CO3, CO4 CO5 CO3, CO4

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Quá trình thâm nhập và phát triển PG ở VN Những đặc điểm của PGVN Nho giáo và văn hoá VN - Sự hình thành, nội dung cơ bản và sự phát triển của Nho giáo Quá trình thâm nhập và đặc điểm NG ở VN Đạo giáo và VHVN: Nội dung, đặc điểm và quá trình thâm nhập vào VN		
10	Chương 6 (tt) Phương Tây với VHVN Bối cảnh lịch sử VN giao lưu với phương Tây Kito giáo với VHVN VHPT và VHVN Tính dung hợp trong giao lưu hội nhập của VHVN	[1] [2]	CO4 CO5 CO3

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS. TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giao tiếp trong kinh doanh

Mã học phần: 0101000610

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	25	0	0	5	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Tài chính

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Giải thích và sử dụng các lý thuyết và kiến thức cốt lõi về giao tiếp trong kinh doanh.

- Về kỹ năng

MT2 Vận dụng các kỹ năng: thuyết trình, sơ giao, lắng nghe, viết thư tín, giải mã ngôn ngữ cơ thể, giao tiếp đa văn hóa và đàm phán để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3 Nhận thức và giải quyết vấn đề thực tế trong giao tiếp trong doanh nghiệp và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
01010 00610	Giao tiếp trong kinh doanh	1	0	2	3	1	1	1	2
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		2	1	3	2	2	2	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Giải thích và sử dụng các lý thuyết và kiến thức cốt lõi về giao tiếp trong kinh doanh	PO1, PO3, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT2	CO2	Vận dụng các kỹ năng: thuyết trình, sơ giao, lắng nghe, viết thư tín, giải mã ngôn ngữ cơ thể, giao tiếp đa văn hóa và đàm phán để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO3	Nhận thức và giải quyết vấn đề thực tế trong giao tiếp trong doanh nghiệp và cuộc sống	PO14, PO15, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Giao tiếp trong kinh doanh là một trong những yếu tố cơ bản quyết định sự thành công trong nền kinh tế tri thức. Giao tiếp trong kinh doanh được thể hiện qua các hình thức diễn đạt bằng lời văn hoặc không bằng lời văn nhằm trao đổi thông tin với các đối tác bên trong hay bên ngoài doanh nghiệp. Dù thể hiện dưới hình thức nào thì giao tiếp trong kinh doanh cũng đều nhằm đạt được ba mục tiêu cơ bản: mục tiêu thông báo, mục tiêu thuyết phục và mục tiêu khẳng định quan điểm, ý tưởng của từng cá nhân và doanh nghiệp. Trong mọi trường hợp làm việc năng động ngày nay, từ nhân viên bình thường đến nhà quản trị cấp cao trong doanh nghiệp đều cần được rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp. Với sự bùng nổ mạnh mẽ của internet và công nghệ thông tin kỹ thuật số, kỹ năng giao tiếp (Bao gồm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, kỹ năng thuyết trình...) được coi là một trong những kỹ năng đòi hỏi sự hoàn thiện cao nhất, quyết định sự thăng tiến của từng cá nhân và sự thành công của doanh nghiệp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO1, CO2, CO3

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Thái Trí Dũng 2007. *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*. NXB Thống kê.

- Tài liệu tham khảo

[2] Cheesebro, O'Connor và Rios 1990. *Communication skills for the world of work*. Prentice Hall.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1-2	Chương 1. Khái quát chung về giao tiếp trong kinh doanh 1.1. Khái niệm giao tiếp trong kinh doanh 1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh 1.3. Chức năng giao tiếp 1.4. Các rào cản trong giao tiếp trong kinh doanh	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3-4	Chương 2. Kỹ năng giao tiếp 2.1. Kỹ năng chào hỏi 2.2. Kỹ năng bắt tay trao/nhận danh thiếp 2.3. Kỹ năng gây thiện cảm 2.4. Kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại 2.5. Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5-6	Chương 3. Kỹ năng thuyết trình 3.1. Giai đoạn chuẩn bị thuyết trình 3.2. Giai đoạn thuyết trình 3.3. Giai đoạn sau thuyết trình	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7-8	Chương 4. Kỹ năng giao tiếp trong nội bộ tổ chức 4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của giao tiếp nội bộ tổ chức 4.2. Kỹ năng giao tiếp với cấp trên 4.3. Kỹ năng giao tiếp với cấp dưới 4.4. Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9-10	Chương 5. Kỹ năng giao tiếp với khách hàng 5.1. Giao tiếp với khách hàng 5.2. Xử lý phàn nàn khiếu nại của KH		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS. TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Xã hội học đại cương

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Hiểu các kiến thức cơ bản của xã hội học như: Khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của xã hội, một số lý thuyết xã hội học cơ bản.

MT2 Sinh viên được mở rộng sự hiểu biết và các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong xã hội học.

MT3 Tích lũy những kiến thức về xã hội học, phát triển khả năng ứng xử thân thiện, hòa nhã trong các mối quan hệ xã hội.

- Về kỹ năng

MT4 Vận dụng các lý thuyết xã hội để lý giải một số hiện tượng xã hội.

MT5 Sinh viên được mở rộng sự hiểu biết về các khía cạnh của xã hội học.

MT6 Tích lũy các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong xã hội học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7 Nhận thức được tầm quan trọng của xã hội học, phát triển khả năng ứng xử thân thiện, hòa nhã trong các mối quan hệ xa hội.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
	Xã hội học đại cương	0	0	0	3	2	2	0	0
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		2	2	2	2	0	0	0	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của xã hội học như: khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của xã hội học	PO4
MT2	CO2	Sinh viên được mở rộng sự hiểu biết và các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong xã hội học	PO6
MT3	CO3	Biết được một số lý thuyết của xã hội học cơ bản	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Vận dụng các lý thuyết xã hội để lý giải một số hiện tượng xã hội.	PO4, PO10
MT5	CO5	Sinh viên được mở rộng sự hiểu biết về các khía cạnh của xã hội học	PO4, PO6, PO9
MT6	CO6	Tích lũy các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong xã hội học	PO6, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức được tầm quan trọng của xã hội học, phát triển khả năng ứng xử thân thiện, hòa nhã trong các mối quan hệ xa hội	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nghiên cứu các quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động của biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của xã hội là các quan hệ xã hội, tương tác biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Phạm Đức Trọng (Chủ biên), (2012). *Giáo trình xã hội học đại cương*. NXB Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam. [301.075 Tr431].

- Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Tấn Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên); Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh (1997). *Xã hội học*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. [301 D431].

[3] Đinh Hồng Phúc (Biên dịch) (2012). *Các quy tắc của phương pháp xã hội học*. NXB Tri Thức. [301 D947].

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1. Tổng quan về xã hội học - Khái quát sự hình thành và phát triển xã hội học - Khái niệm xã hội học - Đóng góp của các nhà xã hội học - Đối tượng nghiên cứu của xã hội học - Mối quan hệ xã hội học với các khoa học khác - Sự phát triển xã hội học ở Việt Nam	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Chương 2. Cơ cấu xã hội - Cơ cấu xã hội - Vị thế và vai trò xã hội - Bất bình đẳng xã hội - Phân tầng xã hội - Cơ động xã hội	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Chương 3. Hành động xã hội và tương tác xã hội - Hành động xã hội - Tương tác xã hội - Quan hệ xã hội	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Chương 4. Tổ chức xã hội và thiết chế xã hội - Nhóm xã hội - Cộng đồng xã hội - Tổ chức xã hội - Thiết chế xã hội	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
5-6	Chương 5. Văn hóa lối sống - Khái niệm văn hóa - Loại hình văn hóa - Các thành tố của văn hóa - Chức năng của văn hóa - Lối sống và làm việc theo lối sống có văn hóa	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7-8	Chương 6. Xã hội hóa - Khái niệm xã hội hóa - Các giai đoạn của quá trình xã hội hóa - Môi trường xã hội hóa	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
9-10	Chương 7. Biến đổi xã hội - Khái niệm về biến đổi xã hội - Các quan điểm về biến đổi xã hội - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến đổi xã hội	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS. TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tâm lý học đại cương

Mã học phần: 000894

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước: Sau khi học xong các môn học cơ sở ngành

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên: Bộ môn Quản trị kinh doanh.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

• Về kiến thức

MT1: Những kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý người và những hiện tượng tâm lý cơ bản,

MT2: Những cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý người.

MT3: Nhận biết đối tượng và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý. Bản chất của những quy luật tâm lý người.

• Về kỹ năng

MT4: Nhận biết, nắm bắt được đặc điểm tâm lý của con người. Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp nghiên cứu.

MT5: Vận dụng các phạm trù, khái niệm cơ bản của tâm lý học hoạt động để đánh giá các quan điểm khác về tâm lý con người; giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống.

MT6: Vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức cuộc sống, hoạt động dạy học và giáo dục.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Nhận thức được tầm quan trọng của tâm lý học, về bản chất và các hiện tượng tâm lý người.

MT9: Đánh giá đúng người khác, biết cách làm việc và khả năng tự nhận thức và tự tu dưỡng bản thân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
000894	Tâm lý học đại cương	0	2	3	0	1	2	1	1
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		1	1	2	1	1	2	1	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận biết đối tượng và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học.	PO2, PO3, PO14
MT1	CO2	Giải thích được các hiện tượng tâm lý của con người.	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO3	Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Các quá trình nhận thức Nhân cách và sự hình thành nhân cách	PO2, PO3, PO14
Kỹ năng			
MT7 MT9	CO8	Nhận biết, nắm bắt được đặc điểm tâm lý của con người nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu con người	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT9	CO9	Ứng dụng tâm lý học vào nghiên cứu con người.	PO12, PO13, PO14, PO15, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Tâm lý học đại cương là môn Khoa học kinh tế- xã hội, môn học nghiên cứu những kiến thức về tâm lý người.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Làm việc nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc	Giúp người học tăng cường năng	CO7, CO8

tài liệu tham khảo	lực tự học, tự nghiên cứu.	
--------------------	----------------------------	--

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Thuyết trình	15	Chất lượng bài thuyết trình	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Phạm Văn Đình, Phan Thị Kim Ngân (2015), Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB Hồng Đức [153.075 Ng121].

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Le Bon Gustave, Tâm Lý học đám đông: Cùng Tâm lý đám đông và phân tích cái tôi của Sigmund Freud, Biên dịch Nguyễn Xuân Khánh, NXB Tri Thức [659.112 L43].

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Những vấn đề chung của tâm lý học		
1-2	- Tâm lý học là một khoa học	[1]. Chương 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3-4	2. Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người		

	- Cơ sở tự nhiên của tâm lý người - Cơ sở xã hội của tâm lý người	[1]. Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức		
	- Sự hình thành và phát triển tâm lý. - Sự hình thành và phát triển ý thức.	[1]. Chương 3.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
CÁC QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC			
	4. Cảm giác và tri giác		
5-6	- Cảm giác - Tri giác	[1]. Chương 4.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	5. Tư duy và tưởng tượng		
7-8	- Tư duy - Tưởng tượng	[1]. Chương 5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH		
9-10	- Khái niệm chung về nhân cách - Cấu trúc tâm lý của nhân cách - Sự hình thành và phát triển nhân cách - Sự sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội.	[1]. Chương 6	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS. TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 1

Mã học phần: 000861

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Thông tin về các giảng viên

Ths. Trần Thanh Nga	Email: ttnga@nctu.edu.vn
Ths. Phạm Đình Quốc	Email: pdquoc@nctu.edu.vn
Ths. Huỳnh Châu Anh Khoa	Email: hcakhoa@nctu.edu.vn
Ths. Nguyễn Việt Thi	Email: nvthi@nctu.edu.vn
Ths. Đào Thị Thái	Email: dtthai@nctu.edu.vn
Ths. Lê Trung Kiên	Email: ltkien@nctu.edu.vn
Ths. Nguyễn Võ Phương Anh	Email: nvpanh@nctu.edu.vn
Ths. Nguyễn Hai Khoa	Email: nhkhoa@nctu.edu.vn
Ths. Dương Minh Tuấn	Email: dmtuan@nctu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thị Mỹ Kim	Email: ntmkim@nctu.edu.vn
Ths. Đặng Vũ Hoài Nhân	Email: dvhnhan@nctu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1: Sinh viên làm quen với tiếng Anh, biết được vốn từ vựng căn bản để nói về các vấn đề liên quan đến bản thân như tự giới thiệu, công việc, gia đình, hoạt động hằng ngày. Đồng thời, sinh viên có thể học được các cấu trúc ngữ pháp căn bản trong quá trình viết đoạn văn ngắn.

MT2: Sinh viên có thể phân biệt được sự khác biệt của ngữ điệu trong văn nói.

***Về kỹ năng**

MT3: Tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng Anh đối với các tài liệu phổ biến như sách, báo; rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường, bao gồm kỹ năng giao tiếp trước đám đông, kỹ năng làm việc đội, nhóm.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4: Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học.

MT5: Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
	Anh văn căn bản 1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		0	0	0	0	2	0	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu rõ các vấn đề về chữ viết và ngữ âm cơ bản như: hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, phát âm cuối.	-
MT1	CO2	Vận dụng được vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học, etc.	-
MT1	CO3	Nắm vững các điểm ngữ pháp cơ bản như: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn; danh từ số ít, số nhiều; dạng sở hữu cách; các dạng tính từ và trạng từ; câu cầu khiến và một số cấu trúc câu thông dụng ...Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn, mẫu tin ngắn.	-
MT1 MT2	CO4	Hình thành các kỹ năng nghe - nói bằng tiếng Anh cơ bản với bạn học thông qua các hoạt động thực hành các tình	-

		huống đơn giản và quen thuộc.	
Kỹ năng			
MT3	CO5	Tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện khả năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các tài liệu thông thường bằng tiếng Anh. Sinh viên tập nói tiếng Anh trước đám đông và phát triển kỹ năng làm việc theo đội, nhóm.	-
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4 MT5	CO6	- Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học. - Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập	-

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 1 (AVCB1) là học phần đầu tiên trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 01 và kết thúc là Unit 06, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học chính trên lớp và 2 đơn vị bài học tự học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất. Nội dung của học phần tập trung vào các chủ đề: thông tin cá nhân, quốc tịch, các hoạt động hằng ngày, gia đình, công việc, ngày tháng, các mùa trong năm, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO3, CO4, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo cặp nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Bài tập: làm bài tập trên lớp và hoàn thành phần bài giảng viên giao về nhà

- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra giữa kỳ (Nghe và Nói)	30	Chất lượng bài làm (Nghe) và trình bày (Nói)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. 2017. *American English File 1 (2nd Ed.)*. Oxford publishing. [428.0076 K78/L3]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Unit 1A: My name's Hannah, not Anna		
1	+ <u>Grammar</u> : To Be (+), Subject pronouns + <u>Vocabulary</u> : days of the week, numbers 0-20, greetings, the alphabet	+Grammar (p. 5) +Vocabulary (ps. 5 & 148)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u>	+Workbook (ps 4 & 5)	CO1, CO2, CO3
	Unit 1B: All over the world		
2	+ <u>Grammar</u> : To Be (?) and (-) + <u>Vocabulary</u> : countries in the world, numbers 21-100	+Grammar (p. 7) +Vocabulary (ps. 6 & 149)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 6 & 7)	CO1, CO2, CO3
	Unit 1C: Open your books, please!		
3	+ <u>Grammar</u> : Possessive adjectives + <u>Vocabulary</u> : classroom language	+Grammar (p. 9) +Vocabulary (ps. 8 & 150)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> : * Speaking : UNIT 1 questions review	+Workbook (ps. 8 & 9) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Unit 2A: A writer's room		
4	+ <u>Grammar</u> : The articles a/an ; Plurals: this/that/these/those	+Grammar (p. 13) +Vocabulary (ps.12 &	CO1, CO2, CO3, CO6

	+ <u>Vocabulary</u> : Things	151)	
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 11 & 12)	CO1, CO2, CO3
	Unit 2B: Stars and Stripes		
5	+ <u>Grammar</u> : Adjectives + <u>Vocabulary</u> : colors, adjectives, modifiers; very/really + <u>Reading</u> : Hollywood Stars	+Grammar (p. 14) +Vocabulary (ps. 14 & 152) +Reading (p. 15)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 13 & 14)	CO1, CO2, CO3
	Unit 2C: After 300 feet, turn right		
6	+ <u>Grammar</u> : The imperatives; Let's + <u>Vocabulary</u> : feelings	+Grammar (p. 17) +Vocabulary (p. 16)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> : +Review and Check 1 & 2 *<u>Speaking</u>: UNIT 2 questions review	+Workbook (ps. 15-16) +Review and check 1 & 2 (ps. 18 & 19) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Extra-lesson		
7	+ <u>Grammar</u> : -Objective pronouns -Like + V-ing + <u>Listening Practice 1</u> + <u>Writing Practice 1</u> : Order the words to make complete sentences.	+Grammar (p. 134) +Listening practice 1 (supplement) +Writing practice 1 (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
	Unit 3A: Things I love about the US		
8	+ <u>Grammar</u> : The simple present (+) and (-) + <u>Vocabulary</u> : verb phrases + <u>Reading</u> : STATE PARKS, freeways and other things I love about the US.	+Grammar (p. 20) +Vocabulary (ps. 20 & 153) +Reading (p. 21)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 17-18)	CO1, CO2, CO3
	Unit 3B: Work and Play		
9	+ <u>Grammar</u> : The simple present (?) + <u>Vocabulary</u> : Jobs + <u>Listening</u> : His job; her job + <u>Reading</u> : Uniform – FOR or AGAINST	+Grammar (p. 22) +Vocabulary (ps. 22 & 154) +Listening (p. 22) +Reading (p. 23)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 19-20)	CO1, CO2, CO3
	Unit 3C: Meeting online!		
10	+ <u>Grammar</u> : Word order in questions + <u>Vocabulary</u> : question words + <u>Listening</u> : Meeting online	+Grammar (p. 25) +Vocabulary (p. 25) +Listening (p. 24)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
	+ <u>Workbook</u> : page 21 + 22 *<u>Speaking practice</u>: Unit 3-question review	+Workbook (ps. 21-22) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	MID –TERM TEST		CO1, CO2, CO3,

			CO4
11	MID –TERM TEST <u>Writing Practice 2:</u> 5 Writing Topics Review.	-Writing practice (supplement)	CO1, CO2, CO3
	Unit 4A: Is she his wife or his sister?		
12	+ <u>Grammar</u> : Whose...?, possessive 's + <u>Vocabulary</u> : Family + <u>Listening and Speaking</u> : - <u>Workbook</u> :	+Grammar (p. 28) +Vocabulary(ps.28-155) +Listening and Speaking (p.29) +Workbook (ps. 24-25)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO1, CO2, CO3
	Unit 4B: What a life!		
13	+ <u>Grammar</u> : prep of time (at, in, on) and place (at, in, to) + <u>Vocabulary</u> : Everyday activities + <u>Reading & Listening</u> : Father & Daughter – whose day is more stressful + <u>Speaking & Writing</u> : Interview your partner about typical weekday. + <u>Workbook</u>	+ Grammar (p. 31) + Vocabulary (ps. 30 & 156) + Reading & Listening (p. 30) + Speaking & Writing (p. 31) + Workbook (p. 26 -27)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO1, CO2, CO3
	Unit 4C: Short life, long life?		
14	+ <u>Grammar</u> : position of adverbs and expressions of frequency + <u>Vocabulary</u> : Adverbs of frequency + <u>Reading & Speaking</u> : The Secrets of a long life. + <u>Workbook</u> : *<u>Speaking practice</u>: UNIT 4 questions review	+Grammar (p. 32) +Vocabulary (p. 32) +Reading & Speaking (p. 33) +Workbook (ps. 28 & 29) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Review for the final exam		
15	+Grammar: -Present Continuous -Can/ Can't +Listening Practice 2 +Speaking Practice +Review for the final exam	+Grammar (p. 132) +Listening practice 2 (supplement) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh Văn Căn Bản 2

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh Văn Căn Bản 1

Học phần học trước: Không Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Tiếng Anh – Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra & PTNNL

2. Thông tin về các giảng viên

- | | |
|---|--|
| 1. TRẦN THANH NGA
Điện thoại: 0919 748 905 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: ttnga@nctu.edu.vn |
| 2. HUỖNH CHÂU ANH KHOA
Điện thoại: 0988 255 572 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: hcakhoa@nctu.edu.vn |
| 3. NGUYỄN VIỆT THI
Điện thoại: 0939 500 108 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: nvthi@nctu.edu.vn |
| 4. PHẠM ĐÌNH QUỐC
Điện thoại: 0987 841 150 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: pdquoc@nctu.edu.vn |
| 5. ĐÀO THỊ THÁI
Điện thoại: 0383 019 895 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: dtthai@nctu.edu.vn |
| 6. DƯƠNG MINH TUẤN
Điện thoại: 0383 198 558 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: dmtuan@nctu.edu.vn |
| 7. NGUYỄN VÕ PHƯƠNG ANH
Điện thoại: 0936 284 290 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: nvpanh@nctu.edu.vn |
| 8. LÊ TRUNG KIÊN
Điện thoại: 0355 177 426 | Học hàm, học vị: Thạc Sĩ
Email: ltkien@nctu.edu.vn |

9. NGUYỄN HAI KHOA

Điện thoại: 0166 589 7131

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Email: khoanguyen021@gmail.com

10. ĐẶNG VŨ HOÀI NHÂN

Điện thoại: 0939 716 089

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Email: dvhnhan@nctu.edu.vn

11. NGUYỄN THỊ MỸ KIM

Điện thoại: 0377 272 146

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Email: ntmkim@nctu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

3.1 Về kiến thức

- MT1: Hiểu các câu và các cụm từ thường dùng trong giao tiếp cơ bản (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý, việc làm) (PO1)
- MT2: Hiểu và phân biệt được các tình huống văn hóa của các nước nói tiếng Anh (PO2)
- MT3: Biết cách phát âm rõ ràng các từ quen thuộc nhằm đạt được mục đích giao tiếp (PO3)

3.2 Về kỹ năng

- MT4: Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản và thường gặp về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống (PO4)
- MT5: Diễn đạt các thông tin cơ bản về chính mình, cuộc sống xung quanh, và các yêu cầu căn bản (PO5)
- MT6: Làm việc độc lập và nhóm độc lập trong các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống (PO6)

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.
- MT8: Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các lĩnh vực để tăng việc học và ứng dụng tiếng Anh một cách hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
	Anh văn căn bản 2	2	1	3	2	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân biệt được các loại động từ ở quá khứ	PO1
MT1, MT3	CO2	Phân tích được cách nhấn trọng âm trong từ và câu	PO1, PO3
MT3	CO3	Phân biệt được các âm gần giống nhau	PO3

MT1, MT2	CO4	Biết và phân biệt được âm thực và địa danh của các nước nói tiếng Anh	PO1, PO2
Kỹ năng			
MT1 MT4, MT5	CO5	Giao tiếp được trong các tình huống quen trong cuộc sống ở quá khứ, hiện tại và tương lai	PO1, PO4, PO5
MT1, MT2, MT4, MT5	CO6	Diễn đạt về âm thực và địa danh trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	PO1, PO2, PO4, PO5
MT1, MT4, MT5	CO7	So sánh và liên hệ trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	PO1, PO4, PO5
MT6	CO8	Sử dụng tiếng Anh lưu loát, rõ ràng trong làm việc nhóm và độc lập trong các tình huống đơn giản	PO6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1, MT4, MT5	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các tình huống học tập và làm việc	PO1, PO4, PO5
MT3	CO10	Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát âm trong tiếng Anh	PO3

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 2 (AVCB2) là học phần thứ hai trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File 1 (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 7 cho tới Unit 12, trong đó bao gồm 6 đơn vị bài học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
Làm việc nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO4, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	5 5
2	Bài tập cá nhân	10	Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	kiểm tra giữa kỳ (Nghe 10%, Nói 20%)	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

[1] Christina Latham-Koenig, Clive Oxenden, Paul Seligson. 2017. American English File 1, Oxford. [428.0076 K78/L3]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Unit 7A: At the National Portrait Gallery + Grammar (G): Simple past of be: was / were + Vocabulary (V): word formation + Pronunciation (P): sentence stress	Bài 7A, Tr 52-53 Sách bài tập Bài 7A, Trang 43-44	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	Unit 7B: Chelsea girls + G: simple past: regular verbs + V: past time expressions + P: -ed endings	Bài 7B, Tr. 54-55 Sách bài tập Bài 7B, Tr. 45-46	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	Unit 7C: A night to remember + G: simple past: irregular verbs + V: go, have, get	Bài 7C, Trang 56-57 Sách bài tập	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	+ P: sentence stress (cont.)	Bài 7C, Tr 47-48	
4	A murder story + G: simple past: regular and irregular + V: irregular verbs + P: simple past verbs	Bài 8A, Trang 60-61 Sách bài tập Bài 8A, Trang 50-51	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
5	Unit 8B: A house with a history + G: there is / there are; some / any + plural nouns + V: the house + P: /ɛr/ and /ɪr/, sentence stress	Bài 8B, Trang 62-63 Sách bài tập Bài 8B, Trang 52-53	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
6	Unit 8C: A night in a haunted hotel + G: there was / there were + V: prepositions of place and movement + P: silent letters	Bài 8C, Trang 64-65 Sách bài tập Bài 8C, Trang 54-55	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
7	Review 1 + Workbook correction + Listening Test Review Grammar of U11: adverbs, verbs + infinitive, articles (Grammar bank page 145)	Bài ôn tập Trang 66-67, 145	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Unit 9A: What I ate yesterday + G: countable / uncountable nouns; a / an; some / any + V: food + P: the letter ea	Bài 9A Trang 68-69 Sách bài tập Bài 9A, Tr 56-57	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9	Unit 9B: White gold + G: quantifiers: how much / how many, a lot of, etc. + V: food containers + P: /f/ and /s/	Bài 9B Tr 70-71 Sách bài tập Bài 9B, Tr 58-59	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Unit 9C: Quiz night + G: comparative adjectives + V: high numbers + P: /ər/, sentence stress	Bài 9C Trang 72-73 Sách bài tập Bài 9C, Tr 60-61	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
11	Midterm test (Speaking test)		
12	Unit 10A: The most dangerous road... + G: superlative adjectives + V: places and buildings + P: consonant groups	Bài 10A Trang 76-77 Sách bài tập Bài 10A, Tr 63-64	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
13	Unit 10B: CouchSurf around the world + G: be going to (plans), future time expressions + V: vacations + P: sentence stress	Bài 10B Tr 78-79 Sách bài tập Bài 10B, Tr 65-66	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
14	Unit 10C: What's going to happen? + G: be going to (predictions) + V: verb phrases + P: the letters /oo/ + Workbook page 67-68	Bài 10C Tr 80-81 Sách bài tập Bài 10C, Tr 67-68	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
15	+ Review 2 + Workbook correction + Review Grammar off U12 : Present perfect (Grammar bank page 147) + Review for final test	Bài ôn tập Trang 82-83, 147	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS. TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh Văn Căn Bản 3

Mã học phần: 0101000863

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh Văn Căn Bản 1 và Anh văn căn bản 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Thông tin về các giảng viên

Các giảng viên trực thuộc Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần Anh văn căn bản 3, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Nhận biết về ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp khác nhau liên quan đến các chủ đề như xã hội, văn hóa, giáo dục, du lịch và giải trí.

- Về kỹ năng

MT2 Giao tiếp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong đời sống hàng ngày; tham gia vào các cuộc hội thoại trong môi trường làm việc giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3 Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công việc và đời sống.

MT4 Rèn luyện tính tự chủ, kỷ luật, tự giác, trách nhiệm trong học tập.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
0101000863	Anh văn căn bản 3	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
		0	0	3	0	0	0	0	0
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		0	0	0	3	0	0	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận biết các cấu trúc ngữ pháp phổ biến trong tiếng Anh.	PO3
MT1	CO2	Nhận biết ý nghĩa từ vựng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp khác nhau liên quan đến các chủ đề như xã hội, văn hóa, giáo dục, du lịch và giải trí.	PO3
Kỹ năng			
MT2	CO3	Giao tiếp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong đời sống hàng ngày; tham gia vào các cuộc hội thoại trong môi trường làm việc giao tiếp bằng tiếng Anh.	PO12
MT2	CO4	Đọc hiểu các bài đọc, nhận biết thông tin đúng sai, phân biệt thông tin, tổng quát được ý chính của đoạn thông tin.	PO12
MT2	CO5	Viết thư và email trong các tình huống thân mật; có thể viết các đoạn văn ngắn bằng Tiếng Anh.	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO6	Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công việc và đời sống trong môi trường hội nhập.	PO17
MT4	CO7	Rèn luyện tính tự chủ, kỷ luật, tự giác, trách nhiệm trong học tập, làm việc.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 3 (AVCB 3) là học phần thứ ba trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File 2 (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 4, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học (4 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.

- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.

- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp..

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO7	10
Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4,	10

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
			CO5, CO6, CO7	
Bài kiểm giữa kỳ - Kiểm tra kỹ các năng Nghe và Nói	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
Thi kết thúc HP - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Latham-Koenig, C., & Oxenden, C. (2013). *American English file*. Oxford: Oxford University Press [428.0076 K78].

- Tài liệu tham khảo

[2] Soars, L., & Wheelon, S. (2009). *American Headway 1*. Oxford: Oxford University Press. [428 S676].

[3] Paul Seligson, Carol Lethaby, Cris Gontow, Tom Abraham (2018). *English ID 1A: Student's book & Workbook*. Vietnam News Agency Publishing House. [428 S723].

[4] Paul Seligson, Carol Lethaby, Cris Gontow, Tom Abraham (2018). *English ID 1B: Student's book & Workbook*. Vietnam News Agency Publishing House. [429 S723].

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Unit 1A: Where are you from?		
	- Grammar: Word order in questions - Vocabulary: Common verb phrases, spelling and numbers - Speaking: Personal information - Pronunciation: Vowel sounds, the alphabet	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
2	Unit 1B: Charlotte's choice		
	- Grammar: Simple present - Vocabulary: Describing people - Reading: <i>Who knows you better?</i> - Writing: Describing a person you know - Pronunciation: Final -s/-es	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
3	Unit 1C: Mr. and Ms. Clark and Percy		
	<ul style="list-style-type: none"> - Grammar: Present continuous - Vocabulary: Clothes, prepositions of place - Listening: <i>Mr and Mrs Clark and Percy</i> - Pronunciation: /ə/, / ər/ 	[1] [2].	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
4	Unit 2A: Right place, wrong person		
	<ul style="list-style-type: none"> - Grammar: Simple past - Vocabulary: Vacations - Reading: Joe's and Laura's vacations - Listening: Mia and Linda talking about their vacations - Speaking: Your last vacations - Pronunciation: -ed endings 	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
5	Unit 2B: The story behind the photo		
	<ul style="list-style-type: none"> - Grammar: Past continuous - Vocabulary: Prepositions of time and place - Reading: A moment in history - Listening: A woman talking about the photo in the article called <i>The image that cost a fortune</i> - Writing: Describing your favorite photo - Pronunciation: Sentence stress 	[1] [2]	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7
6	Unit 2C: One dark October evening		
	<ul style="list-style-type: none"> - Grammar: Time sequences and connectors - Vocabulary: Verb phrases - Reading: The story about Hannah and Jamie - Speaking: Retelling the story - Pronunciation: Word stress 	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
7	Units 1 - 2 review and check		
	<ul style="list-style-type: none"> - Grammar - Vocabulary - Pronunciation - Reading - Listening - Speaking - Writing 	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
8	Mid-term exam	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
9	Unit 3A: Plans and dreams		
	- Grammar: <i>be going to</i> - Vocabulary: Airports - Listening: Three travelers talking about their plans and dreams - Reading: An article about the top airports in the world - Pronunciation: Sentence stress and fast speech	[1] [2]	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7
10	Unit 3B: Let's meet again		
	- Grammar: Present continuous - Vocabulary: Verbs + prepositions - Reading: Ben's and Lily's Facebook messages - Listening: Lily's flight information - Speaking: Making arrangements - Pronunciation: Sounding friendly	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
11	Unit 3C: What's the world?		
	- Grammar: Defining relative clauses - Vocabulary: Expressions for paraphrasing - Listening: The introduction of a TV game show called <i>What's the Word?</i> - Reading: <i>900 new words in 3 months</i> - Pronunciation: Pronunciation in a dictionary	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
12	Unit 4A: Parents and teenagers		
	- Grammar: Present perfect - Vocabulary: Housework, make or do? - Reading: Some annoying habits - Listening: A radio program about teenage caregivers - Pronunciation: /y/ and /dz/	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
13	Unit 4B: Fashion and shopping		
	- Grammar: Present perfect or simple past? - Vocabulary: Shopping - Reading: The style interview - Speaking: Interviewing a friend about his or her shopping habits - Pronunciation: <i>c</i> and <i>ch</i>	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
14	Unit 4C: Lost weekend		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP	
	<ul style="list-style-type: none"> - Grammar: Indefinite pronouns - Vocabulary: Adjectives ending in -ed and -ing - Listening: A new story about Steve - Reading: <i>What did you really do on the weekend?</i> - Speaking: Interviewing a friend about his or her last weekend - Pronunciation: /e/, /oo/ and /ʌ/ 	<p>[1]</p> <p>[2]</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7	
15	Units 3 - 4 review and check Course revision			
	<ul style="list-style-type: none"> - Grammar - Pronunciation - Listening - Writing 	<ul style="list-style-type: none"> - Vocabulary - Reading - Speaking 	<p>[1]</p> <p>[2]</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS. TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tin học căn bản

Mã học phần: 0101000896

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	30	0	60 + 90 = 150

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Công nghệ thông tin

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Tiếp thu kiến thức tin học căn bản áp dụng vào quá trình học tập của sinh viên bao gồm: Xử lý văn bản bằng MS Word, tính toán bằng bảng tính MS Excel, trình chiếu bằng MS Power Point.

MT2 Vận dụng các hiểu biết về tin học căn bản áp dụng vào quá trình học tập của sinh viên.

MT3 Có kiến thức cơ bản tin học sau khi ra trường có thể sử dụng những kỹ năng liên quan đến tin học văn phòng và ứng dụng để phục vụ cho công việc thực tế.

- Về kỹ năng

MT4 Biết cách sử dụng máy vi tính đúng cách.

MT5 Hiểu biết các phần mềm cơ bản trên Windows như: MS Word, Excel,...

MT6 Vận dụng vào việc soạn thảo các văn bản, các mẫu đơn, thư mời,...

MT7 Vận dụng vào việc xử lý dữ liệu thông thường trên bảng tính Excel.

MT8 Sử dụng thành thạo Internet và Email.

MT9 Có sáng kiến vận dụng kiến thức đã học để phục vụ học tập, làm việc thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT10 Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT11 Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000896 01010001010	Tin học căn bản	0	1	1	1	1	1	2	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16		
		1	1	2	1	1	2	0		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2, MT4, MT5, MT6, MT7, MT8	CO1	Có kiến thức về tin học tương đương chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản.	PO2, PO5, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
MT1, MT5, MT6	CO2	Biết soạn thảo các văn bản thông thường, các mẫu đơn, thư mời,...	PO2, PO5, PO7, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
MT1, MT2, MT5, MT6, MT7, MT8	CO3	Sử dụng tốt các phần mềm văn phòng phục vụ tính toán, trình chiếu	PO2, PO5, PO7, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
MT3, MT10, MT11	CO4	Vận dụng kiến thức đã học để phục vụ học tập, làm việc liên quan đến tin học văn phòng	PO2, PO5, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
Kỹ năng			

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
MT1, MT2, MT4	CO5	Biết cách sử dụng máy vi tính đúng cách	PO2, PO5, PO15
MT1, MT5	CO6	Hiểu biết các phần mềm cơ bản trên Windows như: MS Word, Excel,...	PO2, PO5, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
MT1, MT6	CO7	Vận dụng vào việc soạn thảo các văn bản, các mẫu đơn, thư mời,...	PO2, PO5, PO7, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
MT1, MT7	CO8	Vận dụng vào việc xử lý dữ liệu thông thường trên bảng tính Excel.	PO2, PO5, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15
MT1, MT8	CO9	Sử dụng thành thạo, Power Point, Internet và Email	PO2, PO5, PO7, PO12, PO13, PO15
MT1, MT9	CO10	Kết hợp các kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề thực tế	PO2, PO5, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10	CO11	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO2, PO5, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15
MT11	CO12	Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế	PO2, PO5, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows 7, công cụ quản lý Windows Explorer, các công cụ hỗ trợ gõ tiếng Việt trong Windows, công cụ soạn thảo Microsoft Word (MS Word), các thao tác cơ bản trong MS Word, định dạng văn bản, một số thao tác trên các đối tượng hình ảnh, thao tác trên bảng biểu, định dạng và in ấn trong Word, một số tính năng nâng cao của MS Word. Tổng quan về Microsoft Excel (MS Excel), các thao tác cơ bản trên Excel, một số hàm cơ bản trong Excel, thao tác cơ bản trên cơ sở dữ liệu dùng Excel, tạo biểu đồ trong Excel, định dạng và in ấn trong Excel, một số khái niệm và thao tác trên MS Power Point, các kiến thức sử dụng Internet và Email.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO10, CO12
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO10, CO11

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	10

			CO7, CO8, CO9, CO10	
Thi kết thức HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Huỳnh Võ Hữu Trí, Kiều Tiến Bình, Trần Huỳnh Khang, Nguyễn Thiện Nhơn. (2015). *Bài giảng Tin Học Căn Bản*, Trường Đại Học Nam Cần Thơ.

- Tài liệu tham khảo

[2] Trần Đình Khang (Chủ biên); Nguyễn Linh Giang, Đỗ Văn Uy, Nguyễn Hồng Phương, Đỗ Bá Lâm, Đỗ Thị Ngọc Quỳnh, Đỗ Tuấn Anh (2019). *Giáo trình Tin học đại cương*. NXB Bách khoa Hà Nội. [005.1 Kh106].

[3] Thái Thanh Sơn (Chủ biên); Trần Duy Hùng, Nguyễn Thị Thu Thủy (2014). *Tin học cơ bản ứng dụng trong đời sống*. NXB Thông tin và truyền thông. [005 S464].

[4] Phạm Quang Huy (2017). *Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu: Dùng cho các phiên bản 2017-2016-2018*. NXB Thanh Niên. [005.5 H5232].

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Kiến thức cơ bản về máy tính và hệ điều hành windows		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin - Biểu diễn thông tin trên máy tính - Tin học - Phần cứng (hardware) - Phần mềm (software) - Khái niệm hệ điều hành - Các đối tượng do hệ điều hành quản lý - Hệ điều hành Windows - Thay đổi cấu hình máy tính - Taskbar - Trình quản lý Windows Explorer - Thao tác với thư mục và tập tin - Thao tác với các Shortcuts - Thao tác với đĩa - Các chương trình hỗ trợ tiếng Việt - Sử dụng chương trình Vietkey - Sử dụng Unikey <p>Thực hành chương 1: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác trên hệ điều hành Windows, nhập các đoạn văn bản đơn giản</p>	[1]	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO12
	2. Giới thiệu tổng quát và định dạng văn bản		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
2-3	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát Microsoft Word - Nhập và hiệu chỉnh văn bản - Thao tác trên tập tin - Khôi văn bản và các lệnh xử lý khôi - Trình bày màn hình – trang in - Định dạng văn bản trong Microsoft Word - Định dạng đoạn văn bản(Paragraph) - Kẻ đường viền và tô nền cho đoạn văn bản - Đánh dấu (bullets) và đánh số thứ tự (numbering) - Định dạng cột (Column) - Tạo ký tự rơi (Drop cap) - Định dạng tab <p>Thực hành chương 2: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý định dạng văn bản theo mẫu</p>	[1]	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
	3. Thao tác trên các đối tượng hình ảnh và bảng biểu		
4	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức toán học - Chèn và định dạng hộp văn bản (Text box) - Sử dụng thanh công cụ vẽ - Chèn và định dạng chữ nghệ thuật (WordArt) - Chèn và định dạng hình ảnh (Picture) - Biểu Bảng - Các thao tác trên bảng - Sắp xếp và định dạng dữ liệu trong bảng <p>Thực hành chương 3: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý định dạng văn bản theo mẫu</p>	[1]	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
	4. In văn bản và các tính năng khác		
5	<ul style="list-style-type: none"> - Cách in văn bản ra giấy - Tìm kiếm và thay thế những định dạng đặc biệt - Kiểm tra chính tả và văn phạm <p>Thực hành chương 4: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý định dạng văn bản theo mẫu, thực hiện các bài tập ôn tập xử lý văn bản</p>	[1]	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
6	Kiểm tra giữa kỳ		
	5. Giới thiệu tổng quan về Microsoft Excel 2010		
7	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan về Excel 2010 - Các thao tác cơ bản trên một workbook - Địa chỉ Ô và vùng địa chỉ 	[1]	CO1, CO3, CO4, CO6,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Các thao tác nhập liệu và chỉnh sửa - Các kiểu dữ liệu thông dụng được Excel 2010 hỗ trợ - Các loại địa chỉ <p>Thực hành chương 5: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý bảng tính cơ bản</p>		CO8, CO10, CO11, CO12
	6. Các hàm thông dụng trong Microsoft Excel		
8-9	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm và cách sử dụng hàm trong MS Excel 2010 - Các hàm thông dụng <p>Thực hành chương 6: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý, tính toán bảng tính phức tạp dựa trên nội dung đã học</p>	[1]	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8, CO10, CO11, CO12
	7. Các hàm cơ sở dữ liệu		
10	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về cơ sở dữ liệu (CSDL) - Các hàm trên CSDL - Các thao tác trên dữ liệu <p>Thực hành chương 7: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý, tính toán bảng tính phức tạp dựa trên nội dung đã học</p>	[1]	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8, CO10, CO11, CO12
	8. Vẽ biểu đồ và in ấn trong MS Excel		
11-12	<ul style="list-style-type: none"> - Các hàm thống kê và vẽ biểu đồ - In ấn trong Excel <p>Thực hành chương 8: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý, tính toán bảng tính phức tạp dựa trên nội dung đã học</p>	[1]	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8, CO10, CO11, CO12
	9. Soạn, trình bày báo cáo với Microsoft Powerpoint		
13-14	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát Microsoft PowerPoint - Xây dựng nội dung bài thuyết trình - Tạo các hiệu ứng hoạt hình - Tạo hiệu ứng trang - In ấn trong Microsoft PowerPoint <p>Thực hành chương 9: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác tạo bảng trình chiếu theo yêu cầu và thực hiện trình chiếu</p>	[1]	CO1, CO3, CO4, CO6, CO9, CO10, CO11, CO12
	10. Internet và Email		
15	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu Internet - Một số khái niệm Internet - Các dịch vụ thông dụng trên internet - Khởi động và thoát khỏi Internet Explorer 	[1]	CO1, CO3, CO4, CO6, CO9, CO10, CO11, CO12

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành phần trong màn hình Internet Explorer - Làm việc với các trang Web - Tìm kiếm thông tin - Giới thiệu dịch vụ thư điện tử - Điện toán đám mây và các ứng dụng của điện toán đám mây <p>Thực hành chương 10: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác tạo địa chỉ mail, sử dụng các dịch vụ miễn phí trên nền điện toán đám mây của Google</p>		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS. TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục quốc phòng – An ninh

Mã học phần: GDQP02

Số tín chỉ: 8

Tổng số tiết quy chuẩn: 165 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	75	0	90	0	165 + 20 = 185

Loại học phần: Điều kiện

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục quốc phòng - an ninh, Khoa cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Giáo dục quốc phòng - an ninh, Khoa cơ bản

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Sinh viên phải trình bày được những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; một số nội dung cơ bản về lịch sử quân sự Việt nam qua các thời kỳ.

MT2 Giải thích được những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Xây dựng lực lượng Dân quân, Tự vệ, lực lượng Dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Về kỹ năng

MT3 Hình thành và phát triển năng lực tư duy phê phán, giải quyết vấn đề.

MT4: Thuần thục các nội dung thực hành về điều lệnh đội ngũ, sử dụng bản đồ địa hình quân sự, băng bó cấp cứu chuyên thương, ba môn quân sự phối hợp, từng người trong chiến đấu tiên công, phòng ngự, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK.

MT5: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng, thuyết phục, kỹ năng làm chủ bản thân, kỹ năng đối thoại.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

MT7: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo. Rèn luyện được tác phong, bản lĩnh, tính tự giác và ý thức tổ chức kỷ luật tốt.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
GDQP02	Giáo dục quốc phòng – An ninh	3	0	0	0	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	
		0	0	0	0	3	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT5 MT7	CO1	Sinh viên xác định được trách nhiệm, thái độ đúng trong học tập môn học giáo dục quốc phòng - an ninh. Vận dụng nội dung môn học, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo	PO1
MT2 MT3	CO2	Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc. Phân biệt rõ quan điểm của	PO1

		chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh với quan điểm của các học giả tư sản. Giải thích được sự giống và khác nhau giữa quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh	
MT2 MT6	CO3	+ Mô tả được những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Phân tích rõ mục đích tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân VN. Phân biệt rõ đối tượng tác chiến, những điểm mạnh, yếu của kẻ địch. Đánh giá được sự cần thiết tiến hành CTND, sự khó khăn gian khổ, hi sinh khi phải tiến hành cuộc chiến tranh.	PO1
MT2 MT3	CO4	+ Phân tích rõ vị trí, nội dung, biện pháp các quan điểm của Đảng ta trong chiến tranh nhân dân BVTQ. Khái quát những quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân BVTQ rút ra được những kết luận về CTND.	PO1
MT2 MT3	CO5	+ Giải thích được đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Phân tích rõ những đặc điểm liên quan, các quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND. Vận dụng được những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND Việt Nam trong thời kỳ mới.	PO12, PO13
MT2 MT3	CO6	+ Mô tả được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở VN. Phân tích rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp kinh tế với quốc phòng. Đánh giá được mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa kinh tế với quốc phòng.	PO12, PO13
MT5 MT6	CO7	+ Mô tả được những truyền thống và nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Phân tích được những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc, khái quát được những nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Vận dụng truyền thống hào hùng của DT, nâng cao lòng yêu quê hương đất nước, ý thức rèn luyện, học tập.	PO12, PO13
MT6 MT7	CO8	+ Mô tả được chiến lược “Diễn biến hòa bình”, BLLĐ, của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội. Giải thích rõ khái niệm, sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Nhận biết được những điểm chung và riêng của chiến lược “Diễn biến hòa bình” và BLLĐ.	PO1

MT2 MT3	CO9	+ Giải thích rõ khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng VKCNC của địch trong chiến tranh. Phân tích được các điểm mạnh, yếu của vũ khí CNC của địch trong chiến tranh. Chứng minh một số một số điểm mạnh, yếu của VKCNC hiện nay trên thế giới.	PO1
MT1 MT7	CO10	+ Trình bày được khái niệm, vị trí, vai trò của lực lượng DQTV. Phân tích rõ các nội dung biện pháp xây dựng lực lượng DQTV. Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia xây dựng LLDQTV.	PO12, PO13
MT2	CO11	+ Trình bày được các khái niệm, nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.	PO12, PO13
MT1 MT5 MT6	CO12	+ Trình bày được một số vấn đề cơ bản về dân tộc. Phân tích rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc. Vận dụng các quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta trong thực tế học tập, công tác hiện nay.	PO13, PO13
MT3 MT7	CO13	+ Mô tả được các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự ATXH. Đánh giá đúng tầm quan trọng của các nội dung về bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự ATXH. Xác định trách nhiệm của bản thân đối với nhiệm vụ bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự ATXH trên địa bàn cư trú.	PO12, PO13
MT2 MT3	CO14	+ Mô tả được những nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Phân tích được các khái niệm, vị trí, tác dụng, mục đích, đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	PO1
MT3 MT4	CO15	+ Mô tả được các động tác đội ngũ cá nhân từng người, tay không: Nghiêm, nghỉ, quay phải, trái, quay đằng sau, chào, giậm chân tại chỗ, đi đều, đứng lại. Tập luyện đúng các động tác đội ngũ cá nhân từng người, tay không. Thực hành thành thạo, đúng kỹ thuật các động tác đội ngũ cá nhân từng người, tay không.	PO1
MT4	CO16	+ Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của bản đồ. Phân tích rõ tầm quan trọng của bản đồ đối với người chỉ huy.	PO12, PO13
MT4	CO17	+ Hiểu rõ tính năng, cấu tạo, chuyển động của súng, thực hành thuần thục tháo, lắp, sử dụng súng, các tư thế đứng, quỳ, nằm bắn. Thực	PO12, PO13

		hành động tác tháo lắp súng chính xác trong thời gian ngắn.	
MT4	CO18	+ Giải thích được tính chất, tác dụng, cấu tạo của một số loại chất nổ, phương tiện gây nổ thông dụng. Thực hành gói buộc, mang vác lượng nổ dài, ống, khối	PO12, PO13
MT4	CO19	+ Nhận biết cách phân loại, phương thức nổ của vũ khí hạt nhân. Phân tích rõ các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống của vũ khí hạt nhân.	PO1
MT5 MT7	CO20	+ Mô tả được mục đích, nguyên tắc băng, các kiểu băng cơ bản. Thực hành băng được vết thương ở 10 vị trí cơ bản trên cơ thể. Băng nhanh, đúng kỹ thuật vết thương ở một số vị trí khó trên cơ thể.	PO12, PO13
MT4 MT5	CO21	+ Trình bày được điều lệ, quy tắc thi đấu các môn bắn súng, ném lựu đạn, chạy vũ trang. Giải thích được trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi, của đội trưởng. Tổ chức được các cuộc thi đấu bắn súng, ném lựu đạn, chạy vũ trang cấp trung đội.	PO12, PO13
MT4 MT5	CO22	+ Trình bày được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật của từng người trong chiến đấu tiến công. Mô tả được các đặc điểm tiến công của địch. Mô tả được khái niệm về ngắm bắn, thứ tự thực hành ngắm, ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn	PO1
Kỹ năng			
MT1 MT3	CO23	+ Trình bày được các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. Giải thích được sự giống và khác nhau giữa quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. Đánh giá chức năng, nhiệm vụ và truyền thống hào hùng của quân đội nhân dân Việt Nam.	PO12, PO13
MT2 MT7	CO24	+ Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc XHCN. Đánh giá sự kế thừa Chủ nghĩa Mác - Lênin trong tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc XHCN	PO12, PO13
MT2 MT7	CO25	+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm. Phân tích được các khái niệm, nội dung, nhiệm vụ phòng chống tội phạm – Trách nhiệm của nhà trường và SV	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT5	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của các sản phẩm trà, cà phê và ca cao đối với đời sống xã hội.	PO13
MT5	CO26	+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc luyện tập các thao tác trong quân sự, quốc phòng, nâng cao thể lực.	PO1, PO13
MT7	CO27	+ Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ an ninh trật tự địa phương nơi cư trú.	PO1, PO12, PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1 => CO22
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO23, CO24, CO25
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO8 => CO22
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8 => CO22

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.
- Chuẩn bị bài tập luyện, tham gia giải đáp trên lớp.
- Nghiên cứu tài liệu tham khảo.
- Làm các bài luyện tập, hoặc xử lý tình huống để củng cố kiến thức đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO3 => CO25	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO3 => CO25	5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Làm 1 bài thuyết trình, báo cáo kết quả thực hiện.	CO23 => CO27	10
		Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1 => CO20	
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên ra đề (Tự luận hoặc trắc nghiệm)		10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam – NXB Quân đội nhân dân 02/2008.

[2] Một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia – NXB Quân đội nhân dân, 07/2007.

[3] Nghệ thuật Việt Nam đánh giặc giữ nước – Bộ quốc phòng.

- Tài liệu tham khảo

[3] Trang Web học tập <http://www.quocphonganninh.edu.vn>

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Giới thiệu đề cương môn học		
	Nội dung 1: Đối tượng phương pháp nghiên cứu môn học giáo dục QP - AN. I. Mục đích yêu cầu II. Đối tượng nghiên cứu III. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu. Nội dung 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc. 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. 2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. 3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ tổ quốc. 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.		CO1, CO2, CO3

	Nội dung 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân		
2	<p>1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.</p> <p>2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.</p>		CO3, CO4
	Nội dung 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN		
	<p>1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.</p> <p>2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.</p> <p>3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.</p>		CO3, CO4
	Nội dung 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam.		
3	<p>1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.</p> <p>2. Phương hướng xây dựng lực lượng VTND trong giai đoạn mới.</p> <p>3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.</p>		CO5, CO6
	Nội dung 6: Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP- AN.		
4	<p>1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh.</p> <p>2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay</p> <p>3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế- xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh ở Việt Nam hiện nay.</p>		CO5, CO6
	Nội dung 7: Nghệ thuật quân sự Việt Nam.		
5	<p>1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.</p> <p>2. Nghệ thuật quân sự Việt nam từ khi có Đảng.</p> <p>3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.</p>		CO7, CO8
6	Nội dung 8: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.		

	<p>1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phoyong chom phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta.</p> <p>4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay</p>		CO8, CO9
7	<p>Nội dung 9: Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.</p> <p>2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</p> <p>Bài tập cá nhân: Phân tích, chứng minh làm sáng tỏ những điểm mạnh, yếu của vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</p>		CO17, CO18, CO19
	<p>Nội dung 10: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.</p> <p>2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên.</p> <p>3. Động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>- Nộp bài tập cá nhân.</p> <p>- Chuẩn bị bài tập nhóm tuần 8.</p>		CO10, CO14
	<p>Nội dung 11: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia</p> <p>2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.</p> <p>3. Quan điểm của đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia</p> <p>Bài tập cá nhân: Nêu ví dụ cụ thể một số nước có bộ phận lãnh thổ và bộ phận biên giới quốc gia không giống nước ta.</p>		CO11, CO13
9	<p>Nội dung 12: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</p> <p>1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc.</p> <p>2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo.</p>		CO12

	<p>3. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Kiểm tra 45 phút</p>		
10	<p>Nội dung 13: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p>		
	<p>1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>Bài tập cá nhân:</p> <p>- Tại sao xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội phải đi đôi với bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội?</p> <p>- Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội hiện nay?</p>	CO13, CO14	
11	<p>Nội dung 14: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p>		
	<p>1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>- Nộp bài tập cá nhân</p> <p>- Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần II</p>	CO13, CO14	
12	<p>Nội dung 15: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội</p>		
	<p>1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>- Thi kết thúc học phần II.</p>	CO13, CO14	
13	<p>Nội dung 16: Đội ngũ đơn vị.</p>		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>A. Đội ngũ từng người.</p> <p>1. Động tác nghiêm, nghỉ.</p> <p>2. Động tác quay tại chỗ.</p> <p>3. Động tác chào.</p> <p>4. Động tác giậm chân tại chỗ, đứng lại, đổi chân trong khi giậm chân.</p>	CO15	

	<p>5. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân trong khi đi.</p> <p>B. Đội ngũ đơn vị.</p> <ol style="list-style-type: none"> Đội hình tiêu đội. Đội hình trung đội. Đổi hướng đội hình. <p>Bài tập</p>		
	Nội dung 17: Sử dụng bản đồ địa hình quân sự.		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>A. Bản đồ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Khái niệm, ý nghĩa Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình. Cơ sở toán học bản đồ địa hình. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ. Chấp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ. <p>B. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ.</p> <ol style="list-style-type: none"> Đo cự ly, diện tích trên bản đồ Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa. Đối chiếu bản đồ với thực địa 		CO15
	Nội dung 18: Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh		
14	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>A. Súng tiêu liên AK</p> <ol style="list-style-type: none"> Tác dụng tính năng chiến đấu. Cấu tạo chung của súng và đạn. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. Tháo và lắp súng thông thường. Chuyển động của các bộ phận của súng. <p>B. Súng trường CKC</p> <ol style="list-style-type: none"> Tác dụng, tính năng chiến đấu. Cấu tạo chung của súng và đạn. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. Tháo và lắp súng, đạn. Chuyển động của các bộ phận của súng. <p>C. Súng trung liên RPD.</p> <ol style="list-style-type: none"> Tác dụng, tính năng chiến đấu. Cấu tạo chung của súng và đạn. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. Tháo và lắp súng thông thường. Chuyển động của các bộ phận của súng. <p>D. Súng diệt tăng B40.</p> <ol style="list-style-type: none"> Tác dụng, tính năng chiến đấu. Cấu tạo chung của súng và đạn. 		CO17, CO18, CO19

	<p>3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn.</p> <p>4. Tháo và lắp súng thông thường.</p> <p>5. Chuyển động của các bộ phận của súng.</p> <p>6. Quy tắc an toàn khi sử dụng súng.</p> <p>E. Súng diệt tăng B41.</p> <p>1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.</p> <p>2. Cấu tạo chung của súng và đạn.</p> <p>3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn.</p> <p>4. Tháo và lắp súng thông thường.</p> <p>5. Chuyển động của các bộ phận của súng.</p> <p>6. Quy tắc an toàn khi sử dụng súng B41</p>		
	Nội dung 19: Thuốc nổ		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>1. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ.</p> <p>2. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu.</p> <p>3. Ứng dụng trong sản xuất.</p>		CO18, CO19
15	Nội dung 20: Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn.		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>A. Vũ khí hạt nhân</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Phân loại và phương tiện sử dụng.</p> <p>3. Phương thức nổ của vũ khí hạt nhân.</p> <p>4. Các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống.</p> <p>B. Vũ khí hóa học.</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Phân loại.</p> <p>3. Đặc điểm tác hại cơ bản của Vũ khí hóa học.</p> <p>4. Một số loại chất độc chủ yếu và cách phòng chống.</p> <p>C. Vũ khí sinh học.</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Một số bệnh do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống.</p> <p>3. Phòng chống vũ khí sinh học.</p> <p>D. Vũ khí lửa</p> <p>1. Khái niệm,</p> <p>2. Phân loại chất cháy.</p> <p>3. Một số loại chất cháy chủ yếu.</p> <p>4. Tác hại của chất cháy.</p> <p>5. Phương pháp chung phòng chống vũ khí</p>		CO18, CO19
	Nội dung 21: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p>		CO19, CO20

	<p>A. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó, chuyên thương.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên tắc băng. 2. Các kiểu băng cơ bản. 3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên cơ thể. 4. Chuyên thương. <p>B. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh. 2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí nổ (Vũ khí thông thường) <p>III. Tổ chức phương pháp huấn luyện</p>		
	Nội dung 22: Ba môn quân sự phối hợp		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>A. Điều lệ - quy tắc thi đấu.</p> <p>A. Điều lệ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu. 2. Trách nhiệm và quyền hạn của người dự thi. 3. Trách nhiệm và quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng). 4. Thủ tục khiếu nại. 5. Xác định thành tích xếp hạng. <p>B. Quy tắc thi đấu.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy tắc chung 2. Quy tắc thi đấu các môn 3. Cách tính thành tích 		CO21
16	Nội dung 23: Từng người trong chiến đấu tiên công.		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật. <ol style="list-style-type: none"> a) Nhiệm vụ. b) Yêu cầu chiến thuật. 2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ. <ol style="list-style-type: none"> a) Hiểu rõ nhiệm vụ. b) Làm công tác chuẩn bị. 3. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu. <ol style="list-style-type: none"> a) Vận động đến gần địch. b) Cách đánh từng loại mục tiêu. 4. Hành động của từng người khi đánh chiếm được mục tiêu. 		CO22
	Nội dung 24: Từng người trong chiến đấu phòng ngự		
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm tiên công của địch. 		CO20, CO21, CO22

	<p>2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật.</p> <p>a. Nhiệm vụ.</p> <p>b. Yêu cầu chiến thuật.</p> <p>3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ.</p> <p>a. Hiểu rõ nhiệm vụ.</p> <p>b. Làm công tác chuẩn bị.</p> <p>4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu.</p> <p>a. Khi địch chuẩn bị tiến công.</p> <p>b. Khi địch tiến công.</p> <p>c. Sau mỗi lần đánh bại địch tiến công</p>		
	<p>Nội dung 25: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</p> <p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>1. Ngắm bắn</p> <p>a. Khái niệm về ngắm bắn.</p> <p>b. Thứ tự thực hành ngắm.</p> <p>c. Ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn.</p> <p>2. Ngắm chụm và trúng.</p> <p>a. Ý nghĩa của ngắm chụm và trúng.</p> <p>b. Tập ngắm chụm.</p> <p>c. Ngắm chụm và trúng.</p> <p>3. Tư thế động tác bắn, thôi bắn súng tiểu liên AK.</p> <p>a. Động tác nằm bắn.</p> <p>a1. Động tác bắn</p> <p>a2. Động tác thôi bắn.</p> <p>b. Động tác quỳ bắn.</p> <p>b1. Động tác bắn</p> <p>b2. Động tác thôi bắn.</p> <p>c. Động tác đứng bắn.</p> <p>c1. Động tác bắn</p> <p>c2. Động tác thôi bắn</p>		
17			CO17, CO22

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Các trang thiết bị giảng dạy bộ môn.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS. TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế vi mô

Mã học phần: 000650

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 30	T 15	P 0	O 0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: toán cao cấp

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn kinh tế tổng hợp

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kinh tế tổng hợp

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu và ứng dụng khái niệm kinh tế vi mô trong tiêu dùng, sản xuất, cầu, cung và hoạt động của thị trường hàng hóa và dịch vụ.

MT2: Phân tích các điều kiện kinh tế vi mô trong kinh doanh.

MT3: Có được kiến thức về cách doanh nghiệp, hộ tiêu dùng ra quyết định chọn lựa.

• Về kỹ năng

MT4: Kỹ năng phân tích các khái niệm kinh tế vi mô trong tiêu dùng, sản xuất, cầu, cung, thị trường hàng hóa và dịch vụ.

MT5: Kỹ năng phân tích các điều kiện kinh tế vi mô trong kinh doanh

MT6: Kỹ năng phân tích các lựa chọn của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền.

MT7: Kỹ năng đánh giá các về cách doanh nghiệp, hộ tiêu dùng ra quyết định chọn lựa.

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Kinh tế học vi mô	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được các yếu tố hình thành luật cầu và luật cung trong thị trường có tài nguyên khan hiếm	PO2, PO3, PO14
MT1	CO2	Phân tích được sự hình thành giá cân bằng cung và cầu trong thị trường cạnh tranh	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO3	Phân tích được các yếu tố hình thành và ảnh hưởng đến cầu hàng hóa và dịch vụ	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Phân tích được tác động của các can thiệp vào thị trường cạnh tranh	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT4	CO5	Phân tích được các yếu tố hình thành chi phí sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn	PO2, PO3, PO5, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Phân tích được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của đơn vị sản xuất trong thị trường cạnh tranh	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO7	Phân tích được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền và cạnh tranh độc quyền trong thị trường.	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Kỹ năng			
MT7 MT9	CO8	Vận dụng được kiến thức về cầu cung và tối đa hóa lợi nhuận để ứng dụng vào lập kế hoạch kinh doanh.	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT9	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên.	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp sử dụng tài nguyên khan hiếm, luật cầu và cung và hoạt động của thị trường trong việc cân bằng cung cầu, tính cơ giãn của tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ, đặc điểm của phí sản xuất của doanh nghiệp, và quyết định của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi trắc nghiệm kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Trần Trung chuyển, Nguyễn Tri Khiêm. Kinh tế học vi mô. Giáo trình. 2017. Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đại Thắng. 2011. Giáo trình kinh tế học vi mô. NXB Giáo Dục. [338.5 Th116]

[3] Neva Goodwin [et al.] .- 3rd. 2014. Microeconomics in context . M.E.Sharpe. New York. [338.5 G657]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Khái niệm về kinh tế học và phương pháp học kinh tế		
1	- Mூன்று nguyên lý của Kinh tế học - Con người ra quyết định và tương tác với nhau như thế nào? Nền kinh tế vận hành như thế nào? Sự phụ thuộc lẫn nhau, lợi ích từ thương mại	[3] Chương 1. Trang 3-21. [1] Chương 1. Trang 4-9	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Lý thuyết cầu và cung		
2-3	- Các thị trường và sự cạnh tranh - Luật cầu. Luật cung. Sự kết hợp của cung và cầu. Cân bằng của thị trường - Giá cả phân bổ nguồn lực như thế nào	[3] Chương 4. Trang 77-96. [1] Chương 1. Trang 11-26.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Độ co giãn và ứng dụng		
4-5	- Độ co giãn của cầu, Độ co giãn của cung - Co giãn giá chéo. Co giãn của thu nhập: hàng hóa bình thường và hàng hóa thứ cấp - Ứng dụng của cung, cầu và độ co giãn	[3] Chương 5. Trang 103-121.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 1. Vận dụng luật cầu và đặc tính co giãn để giải bài toán định lượng về cầu và co giãn		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Cung, cầu và chính sách chính phủ		
6	- Can thiệp vào thị trường: giá sàn và giá trần, quota, Thuế - Độ co giãn giá của cầu và phạm vi ảnh hưởng của thuế	[3] Chương 6. Trang 127-145. [1] Chương 2. Trang 11-26.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Người tiêu dùng, nhà sản xuất và hiệu quả của thị trường		
7	- Thặng dư tiêu dùng. Thặng dư sản xuất - Hiệu quả thị trường. Ứng dụng: chi phí của thuế. Thương mại quốc tế	[3] Ch. 7 và 8. Tr 153-185. [1] Ch 2. Tr 11-26.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Bài tập 2. Vận dụng đặc điểm của cầu và co giãn để phân tích tác động của chính sách can thiệp vào thị trường		CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	Hành vi của doanh nghiệp: Chi phí sản xuất		
9	- Chi phí là gì. Các loại chi phí. Sản xuất và chi phí. Các đo lường khác nhau về chi phí - Chi phí trong ngắn hạn và trong dài hạn	[3] Ch 13. Tr 285-302. [1] Ch 4. Tr 51-69.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Hành vi của doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh		
10-11	- Thị trường cạnh tranh là gì? - Tối đa hóa lợi nhuận và đường cung của doanh nghiệp cạnh tranh - Đường cung trên thị trường cạnh tranh Bài tập 3. Áp dụng lý thuyết chi phí sản xuất và quyết định tối đa hóa lợi nhuận	[3] Chương 14. Trang 310-328. [1] Chương 5. Trang 73-91.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
12	Kiểm tra giữa kỳ		
	Hành vi của doanh nghiệp: doanh nghiệp độc quyền		

13	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân của độc quyền - Doanh nghiệp độc quyền đưa ra quyết định về sản xuất và giá cả như thế nào? - Tổn thất phúc lợi do độc quyền gây ra - Phân biệt giá của doanh nghiệp độc quyền: phân tích tình huống. Chính sách chính phủ đối với các doanh nghiệp độc quyền 	<p>[3] Chương 15. Trang 336-362.</p> <p>[1] Chương 6. Trang 95-115.</p>	<p>CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9</p>
Hành vi của doanh nghiệp: cạnh tranh độc quyền			
14	<ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh bằng sản phẩm khác biệt - Quảng cáo - Độc quyền nhóm 	<p>[3] Chương 16. Trang 372-413.</p> <p>[1] Chương 3. Trang 31-70</p>	<p>CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9</p>
Thị trường nhân tố sản xuất			
15	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường các yếu tố sản xuất: trường hợp yếu tố là lao động - Cầu lao động - Cân bằng trên thị trường lao động - Các yếu tố sản xuất khác: đất và vốn 	<p>[3] Chương 18-19. Trang 423-441.</p> <p>[1] Chương 8. Trang 138-170</p>	<p>CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8</p>

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế vĩ mô

Mã học phần: 000651

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	35	10	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: toán cao cấp

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn kinh tế tổng hợp

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn kinh tế tổng hợp

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng.

MT2: Phân tích sự biến động của nền kinh tế đóng trong dài hạn.

MT3: Phân tích sự biến động của nền kinh tế mở trong dài hạn.

MT4: Lựa chọn mô hình phân tích kinh tế trong ngắn hạn

• Về kỹ năng

MT5: Sử dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản.

MT6: Giải thích sự biến động của các chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế

MT7: Giải thích sự biến động của nền kinh tế cũng như tác động của chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Có thái độ phân tích khách quan, nghiêm túc đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô.

MT9: Có ý thức được kinh tế học vĩ mô là nền tảng kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên môn khác.

MT10: Tinh thần tập thể và ý thức trách nhiệm các nhân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Kinh tế học vi mô	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO2	Phân tích được sự biến động của nền kinh tế đóng trong dài hạn	PO2, PO3, PO14
MT1 MT3	CO3	Phân tích được sự biến động của nền kinh tế mở trong dài hạn	PO2, PO3, PO14
MT1 MT4	CO4	Biết lựa chọn mô hình phân tích kinh tế trong ngắn hạn	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT5	CO5	Biết vận dụng kinh tế học vĩ mô làm nền tảng kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên môn khác	PO2, PO3, PO5, PO14
Kỹ năng			
MT7 MT9	CO6	Áp dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản.	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
MT7 MT8 MT9 MT10	CO7	Giải thích sự biến động của các chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế và tác động của chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9 MT10	CO8	Có thái độ phân tích khách quan, nghiêm túc đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, công thức và cách thức sử dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương trình kinh tế, các mô hình kinh tế cách phân tích sự vận động và tương tác của chúng trong nền kinh tế trong dài hạn. Sau cùng, sinh viên được tiếp cận các mô hình kinh tế cơ bản để phân tích nguyên nhân biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Trắc nghiệm . Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Trần Trung chuyên, Nguyễn Tri Khiêm. Kinh tế học vĩ mô. Giáo trình. 2017. Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Goodwin, Neva. J. Harris, J. A. Nelson, B. Roach, và M. Torras. 2014. Macroeconomics. M.E.Sharpe. New York. [339. G657]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Tổng quan về kinh tế học vĩ mô		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học vĩ mô. Lạm phát và giảm phát. Chu kỳ kinh tế - Ưu nhược điểm của cơ chế thị trường. Công cụ điều tiết vĩ mô 	[2] Chương 1. Trang 3-55 Chương 10: Trang 215-251	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	2. Đo lường tổng sản lượng quốc gia		
2-3	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở xây dựng và chỉnh sửa công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. - Hệ thống tài khoản quốc gia và hệ thống sản xuất vật chất - Thu nhập quốc nội (GDP) và thu nhập quốc dân (GNP) - GDP danh nghĩa, GDP thực và chỉ số điều chỉnh GDP - Sự khác biệt giữa chỉ số điều chỉnh GDP và CPI 	[2] Chương 10. Trang 215-234. [1] Chương 1. Trang 11-26.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	3. Cân bằng nền kinh tế trong dài hạn		
4-5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng cung hàng hóa và cung vốn - Tổng cầu hàng hóa và cầu vốn - Cân bằng thị trường hàng hóa của nền kinh tế - Cân bằng thị trường vốn của nền kinh tế - Phân tích tác động của lãi suất đối với trạng thái cân bằng 	[2] Chương 12, 13. Trang 259-294.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 1. Phân tích so sánh các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giữa các nước.		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	4. Thất nghiệp		
6-7	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại thất nghiệp - Toàn dụng lao động và mô hình tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên - Các nguyên nhân thất nghiệp 	[2] Chương 15. Trang 331-351. [1] Chương 2. Trang 11-26.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	5. Tiền, lạm phát và cầu tiền của nền kinh tế		
8-9	<ul style="list-style-type: none"> - Phương trình định lượng tiền - Đẳng thức Fisher - Hàm cầu tiền thực 	[2] Ch 16 và 17. Tr 359-401. [1] Ch 2. Tr 11-26.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 2. Áp dụng phương trình định lượng tiền và công thức Fisher để suy ra hàm cầu tiền		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	6. Mô hình nền kinh tế mở		
10-11	<ul style="list-style-type: none"> - Lưu chuyển vốn và hàng hóa quốc tế. - Mô hình phân tích sự vận động của dòng lưu chuyển vốn quốc tế. - Mô hình phân tích sự vận động của dòng 	[2] Chương 18. Trang 285-302.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	lưu chuyển hàng hóa quốc tế. - Tác động của chính sách đến dòng lưu chuyển vốn và hàng hóa quốc tế.	[1] Chương 4. Trang 51-69.	
7. Mô hình tổng cung – tổng cầu trong ngắn hạn			
12-13	- Mô hình tổng cầu, tổng cung trong ngắn hạn - Mô hình phân tích biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn Bài tập 3. Áp dụng mô hình tổng cung và tổng cầu để ước tính mức định lượng tổng sản lượng	[2] Chương 20. Trang 469-500. [1] Chương 5. Trang 73-91.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8. Mô hình IS - LM			
14-15	- Mô hình IS. Mô hình LM - Cân bằng nền kinh tế trong ngắn hạn	[1] Chương 6. Trang 95-115.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. - Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị học

Mã học phần: 000780

Hệ đào tạo: Đại học chính qui

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = giờ giảng lý thuyết T = bài tập P = thực hành D = thảo luận/seminar	L	T	P	D	45 + 90 = 135
	30	0	0	15	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thuộc Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được một số khái niệm cơ bản: tổ chức, quản trị, nhà quản trị, cấp bậc quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức.

MT2: Hiểu được các chức năng quản trị trong tổ chức.

MT3: Nắm được các kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị và những vai trò cơ bản của nhà quản trị trong một tổ chức.

MT4: Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức.

* Về kỹ năng

MT5: Tự phân tích được các tình huống quản trị và ra quyết định để giải quyết tình huống.

MT6: Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7 : Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.

MT8: Trung thực, tin cậy, trách nhiệm, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000780	Quản trị học	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được một số khái niệm cơ bản: tổ chức, quản trị, nhà quản trị, cấp bậc quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức.	PO2, PO5, PO13
MT1	CO2	Hiểu được quá trình quản trị thông qua các chức năng quản trị.	PO2, PO5, PO13
MT1 MT2	CO3	Biết đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.	PO9, PO12
MT4 MT5	CO4	Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức.	PO6
Kỹ năng			
MT5 MT6	CO5	Nắm được các kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị và những vai trò cơ bản của nhà quản trị trong một tổ chức	PO2, PO3, PO5, PO13
MT7 MT8	CO6	Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, tự nghiên cứu, giao tiếp và làm việc nhóm	PO2, PO3, PO5, PO13
MT2 MT5	CO7	Áp dụng phương pháp dùng trong tuyển dụng, tổ chức, quyết định quản trị, lãnh đạo và đánh giá nhân viên.	PO9, PO13
MT6 MT7	CO8	Có kỹ năng làm việc nhóm, động viên nhân viên, và giải quyết mâu thuẫn, truyền thông áp dụng trong quản trị hiệu quả.	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7 MT8	CO9	Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.	PO12, PO13, PO14
MT7 MT8	CO10	Có suy nghĩ hiệu quả trong phân tích các vấn đề của một tổ chức, doanh nghiệp.	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Quản trị học trang bị cho người học hiểu biết và những kiến thức cơ bản về quản trị, các khái niệm về quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Môn học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho người học về quá trình thông đạt và quản trị, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng bài trình bày kết quả làm việc nhóm. Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4,	10

				CO5, CO6	
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Bài thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học. NXB Lao Động – Xã Hội. 2010 [658.001 D307]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dũng, Lê Quang Khôi. 2011. Quản trị học: Bài tập và nghiên cứu tình huống, NXB Lao Động. [658.4.076 D107]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Những vấn đề chung về quản trị tổ chức		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức - Khái niệm về quản trị - Các chức năng cơ bản của quản trị - Sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức - Nhà quản trị <ul style="list-style-type: none"> . Nhà quản trị và cấp bậc quản trị . Các vai trò của nhà quản trị . Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị - Khoa học và nghệ thuật quản trị 	[1] Chương 1. Những vấn đề chung về quản trị tổ chức.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	2. Sự phát triển của các tư tưởng quản trị		
2	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử ra đời và phát triển các tư tưởng quản trị - Trường phái quản trị cổ điển - Trường phái tâm lý-xã hội trong quản trị - Trường phái định lượng trong quản trị - Các khảo hướng trong quản trị <ul style="list-style-type: none"> . Khảo hướng quá trình . Khảo hướng hệ thống . Khảo hướng ngẫu nhiên - Một số mô hình của quản trị hiện đại 	[1] Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Thảo luận nhóm.		
	3. Môi trường hoạt động của tổ chức		
3-4	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và phân loại môi trường <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm môi trường . Phân loại môi trường . Ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức 	[1] Chương 3.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại môi trường <ul style="list-style-type: none"> . Môi trường vĩ mô . Môi trường vi mô . Môi trường nội bộ - Kỹ thuật phân tích SWOT 		
	Thảo luận nhóm	Có hướng dẫn và tham gia của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	4. Quyết định quản trị		
5-6	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và phân loại quyết định quản trị <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm . Phân loại . Chức năng và yêu cầu đối với QĐQT - Quá trình ra QĐQT <ul style="list-style-type: none"> . Các bước của quá trình ra QĐQT . Các mô hình và công cụ hỗ trợ QĐQT - Quá trình tổ chức thực hiện quyết định - Nâng cao hiệu quả của quá trình ra QĐQT 	[1] Chương 4.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	5. Chức năng hoạch định		
7-8	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và vai trò của hoạch định <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm hoạch định . Vai trò của hoạch định . Các loại hoạch định - Quá trình hoạch định - Mục tiêu, nền tảng của hoạch định - Hoạch định tác nghiệp 	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	6. Chức năng tổ chức		
9-10	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, vai trò của chức năng tổ chức - Xây dựng cơ cấu tổ chức <ul style="list-style-type: none"> . Yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế CCTC . Các nguyên tắc xây dựng CCTC . Các quan điểm thiết kế CCTC . Các yêu cầu khi thiết kế CCTC . Các giai đoạn hình thành CCTC . Các mô hình CCTC - Phân quyền và uỷ quyền trong QT 	[1] Chương 6. [2] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	7. Chức năng điều khiển		
11-12	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, vai trò của chức năng điều khiển. Các khái niệm lãnh đạo và PCLĐ <ul style="list-style-type: none"> . Phân loại PCLĐ . Lựa chọn PCLĐ - Động viên <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm động viên . Các lý thuyết về động viên . Ứng dụng thuyết động viên trong QT - Thông tin <ul style="list-style-type: none"> . Vai trò của thông tin . Nâng cao hiệu quả của thông tin 	[1] Chương 7.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

	- Quản trị xung đột		
	8. Chức năng kiểm tra		
13- 14	- Khái niệm và nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm tra - Các bước của tiến trình kiểm tra - Các loại hình kiểm tra - Các công cụ kiểm tra	[1] Chương 8	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Marketing căn bản

Mã học phần: 000715

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	45	0	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu những kiến thức cơ bản nhất của Marketing, phân tích và nắm bắt được nhu cầu, hành vi của khách hàng, các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp sẽ đáp ứng được những gì trên cơ sở thỏa mãn giá trị mong đợi của khách hàng;

MT2: Thực hiện được việc phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu, khách hàng mục tiêu và định vị sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường;

MT3: Thiết kế chiến lược Marketing hỗn hợp bao gồm: Sản phẩm, giá, phân phối và các hoạt động chiêu thị cho doanh nghiệp;

MT4: Thực hiện một đề án nghiên cứu, thu thập thông tin, trình bày các kết quả đạt được nhằm hoàn thiện các hoạt động Marketing trong doanh nghiệp.

• Về kỹ năng

MT5: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một chiến lược Marketing mix;

MT6: Phát triển kỹ năng sáng tạo, phân tích dự đoán nhu cầu thị trường và khách hàng;

MT7: Hình thành kỹ năng lập luận, tổ chức và làm việc nhóm thuyết trình trước công chúng.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có ý thức và trách nhiệm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá một chiến lược marketing của một doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Marketing căn bản	0	2	2	3	3	2	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	2	3	3	3	2	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT6 MT9	CO1	Tổng quan về marketing, nội dung cơ bản của hoạt động Marketing và hệ thống Marketing.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT2 MT6 MT9	CO2	Nghiên cứu thị trường và phân tích hành vi tiêu dùng	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT7	CO3	Chiến lược sản phẩm	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT3 MT4	CO4	Chiến lược giá	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7	CO5	Chiến lược phân phối	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14

MT5 MT8	CO6	Chiến lược chiêu thị	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Kỹ năng			
MT5 MT8	CO7	Năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một chiến lược Marketing mix	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT8	CO8	Kỹ năng phân tích dự đoán nhu cầu thị trường và khách hàng	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO9	Có trách nhiệm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá một chiến lược marketing của một doanh nghiệp	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Marketing căn bản cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, tầm quan trọng của Marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu, môi trường và thông tin về Marketing, nắm được kiến thức môn Marketing, sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích hành vi khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức quan trọng trong việc phân tích, xây dựng chiến lược Marketing mix bao gồm sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Có ý thức và thái độ tích cực khi tham gia buổi học.
- Thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	5 5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
3	Thuyết trình	25	Theo thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
4	Bài thi kết thúc HP	50	Bài thi tự luận. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Mai Trang, Nguyễn Đình Thọ. 2009. Nguyên lý Marketing. NXB Lao Động [658.8001 Tr106].

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đinh Tiên Minh (chủ biên), Quách Thị Bửu Châu, Nguyễn Văn Trung, Đào Hoài Nam. 2012. Giáo trình Marketing căn bản. NXB Lao Động [658.8001 M312].

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Tổng quan về Marketing		
1-2	- Sự ra đời và phát triển của Marketing. - Vai trò và chức năng của Marketing trong thực tiễn kinh doanh. - Marketing hỗn hợp. - Nội dung cơ bản của hoạt động Marketing và hệ thống Marketing.	[1] Chương 1. [2] Chương 1, 2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Nghiên cứu thị trường và phân tích hành vi người tiêu dùng.		
3-4-5	- Nghiên cứu thị trường mục tiêu.		CO1, CO2, CO3,

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân khúc thị trường. - Xác định nhu cầu tiêu dùng hiện tại và dự báo nhu cầu thị trường. - Phân tích hành vi người tiêu dùng. 	<p>[1] Chương 2.</p> <p>[2] Chương 1, 2</p>	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Chiến lược sản phẩm		
6-7-8	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạch định sản phẩm và phát triển sản phẩm. - Chu kỳ đời sống sản phẩm - Chiến lược sản phẩm. - Vấn đề nhãn hiệu – thương hiệu - Vấn đề bao bì sản phẩm. 	<p>[1] Chương 3</p> <p>[2] Chương 3</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Bài tập: Phân tích chiến lược sản phẩm của một sản phẩm thực tế trên thị trường.		
	Chiến lược giá		
9-10	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu định giá - Các phương pháp định giá. - Những nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá. 	[1] Chương 4	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Bài tập: Phân tích chiến lược giá của một sản phẩm thực tế trên thị trường.		
	Chiến lược phân phối		
11-12	<ul style="list-style-type: none"> - Tầm quan trọng của nhà phân phối và nhà trung gian. - Các chức năng của quá trình phân phối. - Nhà buôn sỉ - Nhà buôn lẻ - Đại lý môi giới - Hệ thống kênh phân phối. 	[1] Chương 5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Bài tập: Phân tích chiến lược phân phối của một sản phẩm thực tế trên thị trường.		
	Chiến lược chiêu thị, cổ động bán hàng		
13-14-15	<ul style="list-style-type: none"> - Tầm quan trọng và ý nghĩa của chiêu thị. - Sự pha trộn chiêu thị. - Phương pháp xác định khoản chi phí dành riêng cho chiêu thị. - Quảng cáo. - Khuyến mãi, chiêu hàng, đẩy mạnh tiêu thụ. - Chào hàng cá nhân – Marketing trực tiếp. - Tuyên truyền – quan hệ công chúng. 	[1] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Bài tập: Phân tích chiến lược chiêu thị của một sản phẩm thực tế trên thị trường.		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nguyên lý kế toán

Mã học phần: 0101000735

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	10	0	5	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kế toán

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp kế toán.

MT2 Vận dụng kiến thức để thực hiện các công việc của kế toán trong một doanh nghiệp từ khâu lập chứng từ cho đến lập báo cáo tài chính.

- Về kỹ năng

MT3 Ứng dụng quy trình hạch toán và các hình thức kế toán vào các hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp

MT4 Hiểu được đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán, các phương pháp kế toán như phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5 Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp như trung thực, khách quan, thận trọng, bảo mật trong nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000735	Nguyên lý kế toán	0	2	2	3	0	2	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	2	2	2	2	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp kế toán.	PO2, PO3
MT2	CO2	Vận dụng kiến thức để thực hiện các công việc của kế toán trong một doanh nghiệp từ khâu lập chứng từ cho đến lập báo cáo tài chính..	PO4, PO5, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT3	CO3	Ứng dụng quy trình hạch toán và các hình thức kế toán vào các hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp	PO9, PO10
MT4	CO4	Hiểu được đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán, các phương pháp kế toán như phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính	PO8, PO9, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp như trung thực, khách quan, thận trọng, bảo mật trong nghề nghiệp	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nguyên lý kế toán là môn học cơ sở của chuyên ngành kế toán và là môn bổ trợ cho môn học chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Quản trị văn phòng) môn học nghiên cứu Bản chất, đối tượng của hạch toán kế toán, nghiên cứu tài sản, nguồn hình thành tài sản và quá trình vận động của tài sản thông qua hệ thống các phương pháp khoa học: phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Nguyễn Minh Tiến, Hồ Thị Khánh Thành 2019. *Giáo trình Nguyên lý kế toán*. NXB Đại Học Cần Thơ.

- Tài liệu tham khảo

[2] Võ Văn Nhị (chủ biên); Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải,...[et al.] (Biên soạn), 2018. *Nguyên lý kế toán*. NXB Tài chính. [657.076Nh300]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1-2	Chương 1. Tổng quan về Kế toán 1.1. Định nghĩa. 1.2. Nhiệm vụ chung của kế toán 1.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán. 1.4. Phân loại kế toán 1.5. Yêu cầu đối với kế toán. 1.6. Các nguyên tắc của kế toán 1.7. Đối tượng kế toán. 1.8. Kỳ kế toán 1.9. Các phương pháp kế toán	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3-4	Chương 2. Tổng hợp-cân đối kế toán 2.1. Khái niệm. 2.2. Các bảng tổng hợp và cân đối kế toán 2.3. Bảng cân đối kế toán. 2.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5-6	Chương 3. Tài khoản và ghi sổ kép 3.1. Tài khoản kế toán. 3.2. Ghi sổ kép 3.3. Kết chuyển tài khoản. 3.4. Hạch toán tổng hợp và hạch toán chi phí 3.5. Quan hệ giữa bảng cân đối kế toán và tài khoản kế toán 3.6. Bảng cân đối tài khoản	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7-8	Chương 4. Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu 4.1. Kế toán quá trình cung cấp. 4.2. Kế toán quá trình sản xuất 4.3. Kế toán quá trình tiêu thụ và tính kết quả kinh doanh Chương 5. Chứng từ kế toán 5.1. Khái niệm. 5.2. Các yếu tố cơ bản của chứng từ 5.3. Phân loại chứng từ. 5.4. Nguyên tắc lập chứng từ 5.5. Ký chứng từ kế toán.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	5.6. Trình tự luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán 5.7. Sử dụng, quản lý, in và phát hành biểu mẫu chứng từ kế toán Chương 6. Sổ sách và các hình thức kế toán 6.1. Sổ kế toán 6.2. Hình thức kế toán		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (trương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật kinh tế

Mã học phần: 000692

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: toán cao cấp

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn luật thương mại

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Luật thương mại, Khoa Luật.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Mô tả được hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập các loại hình doanh nghiệp;

MT2: Hiểu được đặc điểm, cơ cấu tổ chức của các loại thương nhân;

MT3: Có khả năng phân tích và đánh giá những khác biệt cũng như những ưu, nhược điểm của các loại doanh nghiệp để lựa chọn loại hình kinh doanh phù hợp;

MT4: Hiểu và áp dụng được những quy định pháp luật về hợp đồng thương mại;

MT5: Phân biệt được tranh chấp thương mại và tranh chấp dân sự; hiểu rõ các phương thức giải quyết tranh chấp từ đó lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng trường hợp cụ thể;

MT6: Nắm được các kỹ năng cần thiết để tham gia vào tiến trình giải quyết tranh chấp;

MT7: Hiểu những quy định pháp luật về phá sản;

MT8: Nắm được trình tự thủ tục phá sản, thủ tục phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

• Về kỹ năng

MT9: Phát huy khả năng phân tích, đánh giá vấn đề một cách toàn diện, khách quan;

MT10: Trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tổ chức công việc, báo cáo chuyên nghiệp, phản ứng vấn đề và làm việc nhóm;

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT11: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức tổ chức, kỷ luật và tác phong tốt;

MT12: Có ý thức trách nhiệm trong công việc, nghiêm túc, đúng đắn khi nghiên cứu, giải quyết vấn đề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000692	Luật kinh tế	0	2	2	3	3	2	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	2	2	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Mô tả được hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập các loại hình doanh nghiệp	PO2, PO4, PO5
MT3 MT4	CO2	Hiểu được đặc điểm, cơ cấu tổ chức của các loại thương nhân	PO2, PO4, PO5, PO7
MT5	CO3	Có khả năng phân tích và đánh giá những khác biệt cũng như những ưu, nhược điểm của các loại doanh nghiệp để lựa chọn loại hình kinh doanh phù hợp.	PO2, PO4, PO5, PO7, PO10, PO12, PO16
MT5 MT6	CO4	Biết và áp dụng được những quy định pháp luật về hợp đồng thương mại	PO2, PO4, PO5, PO7
MT7 MT8	CO5	Phân biệt được tranh chấp thương mại và tranh chấp dân sự; hiểu rõ các phương thức giải quyết tranh chấp từ đó lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng trường hợp	PO2, PO3, PO6, PO7, PO8, PO9, PO11,
Kỹ năng			
MT9 MT10	CO6	Nắm được các kỹ năng cần thiết để tham gia vào tiến trình giải quyết tranh chấp Hiểu những quy định pháp luật về phá sản Nắm được trình tự thủ tục phá sản, thủ tục phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12	CO7	Vận dụng những kiến thức đã được nghiên cứu để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về các loại thương nhân, về hợp đồng thương mại, về các hình thức giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong đó, phần pháp luật về doanh nghiệp giúp sinh viên hiểu và nắm vững những vấn đề về thành lập, giải thể, về đặc điểm, cơ cấu tổ chức các loại hình doanh nghiệp như Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân. Bên cạnh đó, những vấn đề về giao kết

hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, đề nghị giao kết hợp đồng, chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng cũng được truyền tải đến sinh viên. Mặt khác, những quy định về giải quyết tranh chấp thương mại bằng các hình thức như Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài thương mại và Tòa án cũng được đề cập đến. Phần nội dung cuối cùng giúp sinh viên hiểu những quy định pháp luật về phá sản như nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, trình tự thủ tục phá sản, thứ tự phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO2, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Luật Thương Mại và Văn Bản Hướng Dẫn Thi Hành. 2014. NXB Hồng Đức. [346.59707 L504]

11. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
3	Khái quát chung về Thương nhân	[1] Chương 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
6	Thành lập, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp	[1] Chương 2.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp		
3	Mục 1: Công ty TNHH hai thành viên trở lên Mục 2: Công ty TNHH một thành viên Mục 3: Công ty cổ phần Mục 4: Công ty hợp danh Mục 5: Doanh Nghiệp tư nhân	[1] Chương 3.	CO2, CO5, CO6,
6	Pháp luật về Hộ Kinh doanh và Hợp tác xã Mục 1: Pháp luật về Hộ kinh doanh Mục 2: Pháp luật về Hợp tác xã	[11] Chương 4	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
	Kiểm tra giữa kỳ		
3	Pháp luật về Hợp đồng trong hoạt động thương mại	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Pháp luật về giải quyết tranh chấp		
6	Mục 1: Khái quát chung về các hình thức giải quyết tranh chấp Mục 2: Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại Mục 3: Giải quyết tranh chấp bằng Tòa án	[1] Chương 6.	CO2, CO3, CO6, CO7
3	Pháp luật về phá sản	[1] Chương 7	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: âm thanh chất lượng

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lý thuyết tài chính – tiền tệ

Mã học phần: 000710

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn tài chính ngân hàng

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn tài chính ngân hàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến vấn đề tiền tệ, hệ thống tài chính và chính sách tiền tệ

MT2: Ứng dụng kiến thức để nhận biết thực trạng các vấn đề về tiền tệ, hệ thống tài chính và chính sách tiền tệ trong một chừng mực nhất định.

MT3: Giải thích, phân tích một cách cơ bản các hiện tượng xảy ra trong nền kinh tế tiền tệ như biến động lãi suất, lạm phát... Trên cơ sở đó, đưa ra một số khuyến nghị chính sách phù hợp.

• Về kỹ năng

MT4: Kỹ năng phân tích các khái niệm cơ bản về tiền tệ và hệ thống tài chính;

MT5: Kỹ năng phân tích được điểm giống - khác giữa các hình thái tiền tệ, ưu - nhược điểm của từng hình thái tiền tệ;

MT6: Kỹ năng phân tích được những vấn đề cơ bản về cơ cấu tổ chức, chức năng, vai trò của hệ thống định chế tài chính trung gian, trong đó tập trung vào ngân hàng thương mại;

MT7: Kỹ năng phân tích được những lý luận cơ bản về lưu thông tiền tệ như: Ngân hàng Trung ương, Cung - Cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ.

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc;

MT9: Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề tài chính tiền tệ làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000710	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	0	2	3	3	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	0	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT4	CO1	Hiểu được sự tác động khách quan ra đời của tiền, phát triển của tiền, chức năng và vai trò của tiền tệ	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT3	CO2	Nắm vững khái niệm, cách phân loại, nguyên nhân gây ra lạm phát và các biện pháp kiềm chế lạm phát	PO2, PO3, PO4, PO14
MT1 MT2	CO3	Phân tích được sự khác biệt giữa thị trường tài chính và các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính	PO2, PO3, PO4, PO14
MT1 MT2	CO4	Nắm vững khái niệm, bản chất và vai trò của NSNN; việc Nhà nước điều hành và sử dụng ngân sách để điều tiết nền kinh tế vĩ mô	PO2, PO3, PO4, PO11, PO14
MT1 MT2 MT4	CO5	Phân tích được các yếu tố hình thành nên lãi suất, phân loại các loại lãi suất trên thị trường	PO2, PO3, PO5, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Phân tích được các nghiệp vụ chủ yếu của các NHTM, phân biệt sự khác nhau giữa NHTM và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng	PO2, PO3, PO4, PO6
MT1 MT2 MT4 MT6	CO7	Phân tích các công cụ CSTT trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế Việt Nam và thế giới	PO2, PO3, PO14
Kỹ năng			
MT7 MT9	CO8	Vận dụng được kiến thức về tài chính tiền tệ để giải quyết các vấn đề kinh tế tài chính liên quan	PO2, PO3, PO4, PO14

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT9	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề tài chính tiền tệ làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính	PO11, PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính - tiền tệ như: tổng quan về tài chính – tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt	CO1, CO2, CO3, CO4,	5

	cần	10	động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO5, CO6	5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Đăng Dờn. 2009. *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*. Đại học Kinh tế TP HCM. NXB Đại học quốc gia TP HCM. [332.4076 D464]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phan Thị Cúc, Đoàn Văn Huy. 2012. *Giáo trình lý thuyết Tài chính – Tiền tệ Phần 1*. NXB Phương Đông. [332.401 C506]

[3] Lê Văn Tề. 2011. *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*. NXB Phương Đông. [332.401 T250]

[4] Đặng thị Việt Đức, Vũ Quang Kết, Phan Anh Tuấn. 2016. *Lý thuyết tài chính tiền tệ*. NXB Thông Tin và Truyền Thông. [332.401 Đ552]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Bản chất, chức năng và đặc trưng của tài chính		
1-2	- Sự ra đời và phát triển của tài chính - Bản chất, chức năng, đặc trưng của tài chính - Khái niệm, cấu thành hệ thống tài chính	[1] Chương 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Khái niệm, chức năng và các chế độ tiền tệ		
2	- Sự ra đời và phát triển của tiền tệ - Khái niệm và chức năng của tiền tệ - Các chế độ tiền tệ. Cung và cầu tiền tệ - Lạm phát. Biện pháp kiềm chế lạm phát	[1] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	Bài tập 1. Giải các bài tập xác định lượng cung tiền thực và số nhân tiền		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Tổng quan về tín dụng		
4-5	- Sự ra đời và phát triển của tín dụng - Khái niệm, chức năng và vai trò tín dụng - Các hình thức của tín dụng	[1] Chương 8.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Tổng quan về lãi suất		
6	- Khái niệm lãi suất. Phân loại lãi suất - Phương pháp xác định lãi suất	[1] Chương	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	- Các nhân tố quyết định lãi suất tiền tệ - Cấu trúc rủi ro và cấu trúc kỳ hạn	8.	CO7, CO8
7	Bài tập 2. Giải các bài tập liên quan đến lãi đơn và lãi kép		
8-9	Những lý luận cơ bản về tài chính công		
	- Sự ra đời và phát triển của tài chính công - Khái niệm, đặc điểm của tài chính công - Chức năng và vai trò của tài chính công - Ngân sách nhà nước - Các định chế ngoài ngân sách - Chính sách tài khóa	[1] Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Tổng quan về tài chính doanh nghiệp		
10	- Bản chất, vai trò tài chính doanh nghiệp - Cấu trúc tài chính doanh nghiệp - Cơ chế tài trợ - Thu nhập và lợi nhuận	[1] Chương 3.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
11	Bài tập 3. Giải các bài tập liên quan đến luồng tiền, thu nhập của doanh nghiệp		CO5, CO6, CO7, CO8
	Những lý luận cơ bản về tài chính trung gian		
12	- Khái niệm, đặc điểm, vai trò định chế tài chính trung gian - Một số định chế tài chính trung gian chủ yếu	[1] Chương 4.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
13	Kiểm tra giữa kỳ		
	Tài chính quốc tế		
14	- Cơ sở hình thành phát triển của tài chính quốc tế - Kinh doanh tỷ giá hối đoái - Vai trò của tỷ giá hối đoái - Hình thành tỷ giá theo quan hệ cung cầu - Các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái - Hệ thống chế độ tỷ giá hối đoái - Cán cân thanh toán - Các định chế tài chính quốc tế	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
15	Bài tập 4. Giải các bài tập liên quan đến tỷ giá, cán cân thanh toán		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế lượng

Mã học phần: 000645

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	27	9	9	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: toán cao cấp; lý thuyết, xác suất thống kê.

Học phần học trước: kinh tế vi mô; kinh tế vĩ mô

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Xác định các mối quan hệ tuyến tính giữa các biến số kinh tế.

MT2 Ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất và phát hiện các vi phạm các giả định của mô hình hồi quy tuyến tính.

MT3 Ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến và cách sử dụng biến dummies.

MT4 Ước lượng mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là biến nhị phân hay bị chặn.

- Về kỹ năng

MT5 Chọn mô hình và phương pháp phù hợp để ước lượng các mối quan hệ của các biến số kinh tế.

MT6 Sử dụng các phần mềm SPSS, STATA, hoặc EVIEW để ước lượng mô hình hồi quy.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7 Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8 Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000645	Kinh tế lượng	0	2	1	0	0	1	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	2	2	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Biết được cách ước lượng và kiểm định các mối quan hệ của các biến kinh tế	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO2	Biết cách ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính và các giả định, đặc tính của mô hình	PO2, PO3, PO14
MT1 MT5	CO3	Biết xây dựng các mô hình kinh tế giản đơn	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT6	CO4	Biết sử dụng các công cụ phần mềm máy tính để ước lượng các mô hình và kiểm định giả thuyết về quan hệ giữa các biến số kinh tế	PO2, PO3, PO5, PO14
MT1 MT2 MT4 MT5	CO5	Phát hiện các trường hợp không phù hợp của mô hình và cách khắc phục trong ứng dụng mô hình hồi quy	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Kỹ năng			
MT1 MT2 MT5	CO6	Vận dụng được kiến thức về thống kê trong việc xây dựng và ước lượng mô hình quan hệ của các biến số kinh tế.	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7 MT8	CO7	Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên.	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Kinh tế lượng trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ứng dụng các kỹ thuật thống kê vào việc ước lượng, kiểm định và dự báo các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế. Học phần còn giúp xây dựng các mô hình kinh tế cho các nghiên cứu thực nghiệm trong kinh tế - kinh doanh và sử dụng phần mềm máy tính để ước lượng và kiểm định mô hình.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thực hành trên máy tính. Ứng dụng phần mềm phân tích số liệu	Giúp sinh viên biết sử dụng phần mềm SPSS, STATA trong phân tích số liệu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5

Bài tập cá nhân, kiểm tra giữa kỳ	30	Phân tích số liệu trên máy sử dụng phần mềm Stata hay SPSS. Chất lượng sản phẩm giao nộp Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Trần Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Tri Khiêm. Kinh tế lượng. Giáo trình. 2017. Thư viện ĐH NCT

- Tài liệu tham khảo

[2] Bùi Duy Phú. 2014. Giáo trình kinh tế lượng. NXB Giáo Dục. [310.1 Ph500]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1-2	Chương 1. Giới thiệu về kinh tế lượng 1.1. Mục tiêu của kinh tế lượng 1.2. Quan hệ nhân quả và giả định về các yếu tố khác không đổi. 1.3. Quy trình nghiên cứu thực nghiệm trong kinh tế. 1.4. Cấu trúc số liệu trong kinh tế. 1.5. Ôn lại về phân phối xác suất và thực hiện các kiểm định thống kê: kiểm định dung phân phối chuẩn, t, F, chi bình phương. 1.6. Phân tích ANOVA	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3-4	Chương 2. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn 2.1. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn 2.2. Các giả định của mô hình hồi quy tuyến tính 2.3. Ước lượng bình phương bé nhất 2.4. Kiểm định các giả thuyết về hệ số hồi quy.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 1. Thực hiện các kiểm định về khác nhau của trung bình. Phân tích hồi quy tuyến tính đơn		
5-6 7-8	Chương 3. Mô hình hồi quy đa biến 3.1. Xây dựng mô hình hồi quy đa biến 3.2. Ước lượng mô hình và kiểm định các giả thuyết liên quan	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	3.3. Sử dụng biến dummies để kiểm định các giả thuyết về hệ số chặn và hệ số hồi quy 3.4. Phương sai sai số thay đổi 3.5. Ảnh hưởng của phương sai sai số thay đổi. Cách khắc phục trường hợp phương sai sai số thay đổi. 3.6. Phương sai sai số không độc lập – tự tương quan. Ảnh hưởng của tự tương quan 3.7. Cách khắc phục trường hợp tự tương quan. Đa cộng tuyến. Ảnh hưởng của đa cộng tuyến và cách khắc phục.		
9	Bài tập 2. Thực hiện phân tích hồi quy đa biến trên máy tính	[1]	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
10-11	Thực hành phân tích số liệu trên máy tính	Thực hành phân tích ANOVA, hồi quy trên phần mềm Stata	
12	Kiểm tra giữa kỳ	[1]	
13-14	Chương 4. Mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là biến gián đoạn 4.1. Mô hình hồi quy Logit 4.2. Mô hình hồi quy Tobit		CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
15	Chương 5. Phân tích số liệu chuỗi thời gian 5.1. Đặc điểm số liệu chuỗi thời gian 5.2. Mô hình tương quan chuỗi 5.3. Mô hình tự hồi quy	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Hệ thống thông tin quản lý**

Mã học phần: 000615

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	21	09	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: Tin học căn bản; quản trị học

Học phần học trước: Không Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn QTKD

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

MT1: Xác định những nội dung cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp.

MT2: Xác định các cơ sở thông tin quản trị doanh nghiệp.

MT3: Xác định các phương pháp xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp.

MT4: Thiết kế hệ thống thông tin quản trị và nhiệm vụ cụ thể của từng quy trình này.

MT5: Trình bày các tính toán kinh tế - tài chính trong hệ thống thông tin doanh nghiệp.

❖ Về kỹ năng

MT6: Ứng dụng các kiến thức đã học hỗ trợ ra quyết định của doanh nghiệp trên cơ sở thông tin quản trị;

MT7: Giải quyết các tình huống thường gặp trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Có tác phong chuyên nghiệp; Học tập sáng tạo, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

MT9: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT10: Hiểu rõ tầm quan trọng của thông tin đối với công tác quản trị doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Hệ thống thông tin quản lý	0	3	3	3	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	3	3	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được những vấn đề cơ bản về Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	PO2
MT2	CO2	Hiểu được cơ sở tổ chức thông tin doanh nghiệp	PO5
MT3	CO3	Biết được và vận dụng được các phương pháp xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO3, PO5
MT2 MT3 MT4	CO4	Hiểu và thiết kế được hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO5, PO9, PO10
MT5	CO5	Hiểu và vận dụng được các tính toán kinh tế - tài chính trong hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO4, PO11
MT5	CO6	Biết được các hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO3, PO9
Kỹ năng			
MT6 MT7	CO7	Vận dụng được kiến thức về tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp để xây dựng bộ máy quản lý doanh nghiệp và quy trình thông tin doanh nghiệp	PO4, PO7, PO10, PO11
MT2 MT3 MT4 MT5	CO8	Vận dụng các lý thuyết về quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp để thiết kế hệ thống thông tin cho một doanh nghiệp cụ thể	PO9, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9 MT10	CO9	Hiểu rõ tầm quan trọng của thông tin đối với công tác quản trị doanh nghiệp, từ đó có các quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Người học sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và giúp sinh viên có thể thiết kế một hệ thống thông tin có hiệu quả nhằm phục vụ cho nhà quản trị doanh nghiệp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO3, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu ở nhà

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập cá nhân	10	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7, CO8	10
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Thi tự luận. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

[1]. Ngô Minh Vương (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Sang, Nguyễn Thành Sơn, Dương Thị Thùy Vân. 2018. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin. Đại học Quốc gia TP HCM. [004.21 V561]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Những vấn đề cơ bản về Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp		
1	- Khái niệm, vai trò của hệ thống thông tin	[1]. Chương	CO1, CO2, CO3,

	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đối với thông tin; Phân loại thông tin - Những trở ngại trong việc thông tin - Hướng đến một hệ thống thông tin hiệu quả - Lịch sử hình thành và phát triển HTTT 	1 Trang 17-37	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Cơ sở tổ chức hệ thống thông tin Doanh nghiệp			
2-3	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình thông tin quản trị - Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp - Cơ sở dữ liệu - Thảo luận nhóm, giải quyết bài tập tình huống 	[1]. Chương 2 và 3 Trang 38-107	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Phương pháp xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp			
4-5	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thu thập, tiếp cận thông tin - Phương pháp phân tích hệ thống thông tin 	[1]. Chương 4 Trang 110-137	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Thảo luận nhóm, giải quyết bài tập			
Thiết kế hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp			
6-7	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện thiết kế hệ thống thông tin - Các bước cần thực hiện khi thiết kế hệ thống - Thảo luận nhóm, giải quyết bài tập 	[1]. Chương 4 Trang 110-137	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Kiểm tra giữa kỳ		
Cách tính kinh tế - tài chính trong hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp			
8-9	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan về các tính toán tài chính trong hệ thống thông tin - Ứng dụng cách tính kinh tế - tài chính trong việc ra quyết định trong doanh nghiệp 	[1]. Chương 5 Trang 138-168	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Các hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin hoạch định chiến lược - Hệ thống thông tin nhân sự, sản xuất - Hệ thống thông tin marketing, tài chính 	[1]. Chương 5 và 6 Trang 138-196	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nghiên cứu Marketing

Mã học phần: 000725

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Marketing căn bản, Lý thuyết xác suất thống kê**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**

Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: **Quản trị kinh doanh**

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Biết được các bước của tiến trình nghiên cứu Marketing;

MT2: Xây dựng được đề cương và cách tiếp cận nghiên cứu marketing;

MT3: Nắm được các kỹ thuật thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp;

MT4: Tổ chức tiến hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin thị trường một cách khoa học;

MT5: Viết báo cáo kết quả nghiên cứu marketing phục vụ cho quá trình ra quyết định kinh doanh.

• Về kỹ năng

MT6: Nâng cao kỹ năng giao tiếp, đàm phán thông qua công việc phỏng vấn, thu thập số liệu và báo cáo kết quả;

MT7: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo và quản trị thời gian để có thể tổ chức và sắp xếp thời gian hoàn thành một dự án nghiên cứu.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Rèn luyện tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và khách hàng trong tương lai, xây dựng lòng tin và đạo đức trong nghiên cứu khi tiến hành một dự án nghiên cứu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000725	Nghiên cứu Marketing	0	2	2	3	3	2	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	2	3	3	3	2	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Biết được các bước của tiến trình nghiên cứu Marketing.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT1 MT2 MT3	CO2	Nắm được các kỹ thuật thu thập phân tích số liệu thứ cấp và sơ cấp	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT1 MT2 MT3 MT4	CO3	Tổ chức tiến trình nghiên cứu một dự án	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT4 MT5	CO4	Viết báo cáo nghiên cứu marketing	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7	CO5	Năng lực thu thập thông tin, phân tích, bình luận, đánh giá một nghiên cứu Marketing	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Kỹ năng			
MT7	CO6	Kỹ năng phân tích dự đoán nhu cầu thị trường và khách hàng	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7	CO7	Năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một chiến lược Marketing mix	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Trách nhiệm đối với bản thân và khách hàng trong tương lai, xây dựng lòng tin và đạo đức trong nghiên cứu khi tiến hành một dự án nghiên cứu	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nghiên cứu Marketing là môn học cung cấp những kiến thức về tiến trình của một dự án nghiên cứu marketing: xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu; Chọn mẫu và các vấn đề liên quan, tiến trình thu thập dữ liệu, thiết kế bản câu hỏi, chuẩn bị dữ liệu và phân tích dữ liệu, một số tình huống thực hành nghiên cứu marketing, viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8.
Bài tập nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Có ý thức và thái độ tích cực khi tham gia buổi học.
- Thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7, CO8	10
3	Thuyết trình	25	Theo thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
4	Bài thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] David J. Luck, Ronald S. Rubin. Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến (biên soạn). 2009. Nghiên cứu marketing. NXB Lao Động – Xã Hội. [658.8007 D251]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn thị Mai Trang. 2011. Nghiên cứu Marketing. NXB Lao Động – Xã hội. [658.8007 Th400]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Tổng quan về nghiên cứu Marketing		
1	- Định nghĩa, vai trò nghiên cứu Marketing. - Nguồn cung cấp dịch vụ Marketing. - Tiến trình nghiên cứu Marketing.	[1] Chương 1. [2] Chương 1, 2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu.		
2-3	- Tầm quan trọng của xác định vấn đề nghiên cứu. Tiến trình xác định vấn đề và tiếp cận vấn đề nghiên cứu. Định nghĩa, phân loại thiết kế nghiên cứu. Nguồn sai số	[1] Chương 2. [2] Chương 1, 2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Chọn mẫu và các vấn đề liên quan		
4	- Các vấn đề liên quan điều tra mẫu. Sai số điều tra mẫu. Phương pháp chọn mẫu.	[1] Chương 3 [3] Chương 2	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
5	Bài tập: Xác định một vấn đề NC MKT và thiết kế chọn mẫu.		
	Tiến trình thu thập dữ liệu		
6-7	- Phân loại dữ liệu. Dữ liệu thứ cấp, sơ cấp. - Các phương pháp điều tra và đánh giá so sánh các phương pháp điều tra.	[1] Chương 4 [2] Chương 3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Thiết kế bản câu hỏi		
8-9	- Số đo và thang đo. Bảng câu hỏi và các hình thức quan sát. Xác định thông tin cần biết. Hình thức phỏng vấn, nội dung câu hỏi	[1] Chương 5 [2] Chương 4	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
10	Bài tập nhóm		
	Chuẩn bị dữ liệu và phân tích dữ liệu		
11-12-13	- Kiểm tra chỉnh lý, mã hóa dữ liệu - Phân tích thống kê mô tả, phân tích hồi quy, phân tích nhân tố, bảng chéo	[1] Chương 6. [2] Chương 5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Một số tình huống nghiên cứu marketing		
14-15	- Nghiên cứu sản phẩm, giá cả sản phẩm, hiệu quả quảng cáo, viết báo cáo		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thiết lập & Thẩm định Dự án đầu tư

Mã học phần: 000814

Số tín chỉ: 3. Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	30	15	0	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Quản trị học, Marketing căn bản, Quản trị tài chính

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

MT1: Hiểu được khung phân tích dự án đầu tư: Xác định dự án, tiền khả thi, khả thi, quyết định triển khai thực hiện dự án.

MT2: Nắm vững kỹ thuật chiết khấu dòng tiền và các ứng dụng trong phân tích quản trị tài chính.

MT3: Hiểu rõ các quan điểm thẩm định dự án, đặc biệt nhấn mạnh quan điểm các nhà đầu tư tức quan điểm ngân hàng và quan điểm chủ đầu tư.

MT4: Hiểu rõ kỹ thuật phân tích rủi ro của dự án.

❖ Về kỹ năng

MT5: Phân tích được các nội dung cơ bản về các yếu tố đầu vào, tổ chức nhân sự và thị trường đầu ra của sản phẩm dịch vụ của một dự án đầu tư.

MT6: Tính toán vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và phân tích rủi ro tài chính của một dự án đầu tư, sử dụng phần mềm excel và crystal ball để phân tích tài chính dự án đầu tư.

MT7: Xây dựng ngân lưu theo quan điểm kinh tế và phân tích các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án đầu tư

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Nhận thức tầm quan trọng của việc thiết lập và thẩm định dự án nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong các lĩnh vực kinh tế.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO14
0101000814	Thiết lập & Thẩm định DADT	0	2	3	0	1	2	1	
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	
		1	1	1	2	1	1	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được khái niệm đầu tư và cách thức phân loại đầu tư, khái niệm dự án đầu tư và vì sao cần phải có dự án trước khi đầu tư	PO2, PO3, PO14
MT1	CO2	Hiểu được trình tự và các bước của quá trình lập dự án đầu tư, nội dung cơ bản trong một dự án đầu tư, trách nhiệm và công việc của mỗi cá nhân khi tham gia vào lập dự án đầu tư	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO3	Phân tích được tình hình kinh tế - xã hội, thị trường của dự án	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Phân tích được các yếu tố kỹ thuật, khối lượng vốn và tổ chức nhân lực của dự án	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT4	CO5	Tính toán được các chỉ tiêu cơ bản trong phân tích tài chính dự án như thời gian hoàn vốn, hiện giá thu nhập thuần, tỷ suất sinh lợi nội bộ, điểm hòa vốn...	PO2, PO3, PO5, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Phân tích được lợi ích kinh tế - xã hội do dự án mang lại dưới góc độ của chủ đầu tư và góc độ quản lý vĩ mô nhà nước	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO7	Phân tích được độ nhạy và các rủi ro cho dự án đầu tư cụ thể	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Kỹ năng			

MT7 MT9	CO8	Vận dụng được kiến thức về phân tích kinh tế - xã hội, thị trường, kỹ thuật, nhân lực và tài chính để thẩm định dự án đầu tư	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT9	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của việc thiết lập và thẩm định dự án nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong các lĩnh vực kinh tế.	PO12, PO13, PO14

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học tập trung vào việc cung cấp cho người học các quan điểm về đầu tư và dự án đầu tư; phân tích các yếu tố về thị trường đầu ra, đầu vào, nguồn nhân lực và phân tích tài chính của một dự án đầu tư; cách thức tiên hành lập dự án và nội dung thẩm định dự án đầu tư thông qua các chỉ tiêu tài chính và thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Thi tự luận. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Đỗ Phú Trần Tình. 2011. Giáo trình Lập & thẩm định dự án đầu tư. NXB Giao Thông Vận Tải. [332.6 T312]

[1] Phước Minh Hiệp, Lê Thị Vân Đan. 2011. Giáo trình Lập & thẩm định dự án đầu tư. NXB Lao động Xã hội. [332.63.076 H307]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Khái quát về đầu tư và dự án đầu tư		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và phân loại đầu tư - Khái niệm dự án đầu tư - Sự cần thiết phải thiết lập dự án đầu tư 	[1] Chương 1. Trang 13-22	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	2. Phương pháp lập dự án đầu tư		
2	<ul style="list-style-type: none"> - Chu kỳ dự án - Trình tự và nội dung của quá trình soạn thảo dự án đầu tư - Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi 	[1] Chương 2. Trang 23-34.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	3. Phân tích tổng quát tình hình kinh tế - xã hội và thị trường của dự án		
3-4	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tình hình kinh tế - xã hội có liên quan đến dự án - Phân tích tình hình kt-xh của dự án xây dựng chung cư cho công nhân tại khu công nghiệp VSIP - Phân tích thị trường của dự án - Phân tích thị trường của dự án nhà văn hóa sv Đh Qg TP HCM 	[1] Chương 3. Trang 35-50.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 1. Phân tích thị trường của một dự án đầu tư mà sv tự chọn		CO1, CO2, CO3,

			CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4. Phân tích kỹ thuật và tổ chức nhân lực của dự án			
5-6-7	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích kỹ thuật của dự án – Phương pháp tính khối lượng vốn đầu tư của dự án – Phân tích tổ chức nhân lực dự án – Phân tích kỹ thuật & tổ chức nhân lực dự án bệnh viện P&P – Đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Tân Hội 1 	[1] Chương 4. Trang 51-114.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Kiểm tra giữa kỳ		
5. Phân tích tài chính của dự án đầu tư			
9-11	<ul style="list-style-type: none"> – Vai trò của phân tích tài chính của dự án – Lập báo cáo tài chính dự kiến cho từng năm, giai đoạn dự án – Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính của dự án 	[1] Chương 5. Trang 115-158.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 2. Phân tích tài chính của các dự án mẫu		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
6. Phân tích lợi ích kinh tế - xã hội của dự án			
12	<ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm về hiệu quả kt- xã hội – Mục tiêu, vai trò và các tiêu chuẩn đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội của dự án đầu tư – Phương pháp đánh giá lợi ích kt - xã do dự án mang lại – Sự khác nhau giữa phân tích hiệu quả tài chính với phân tích hiệu quả kt-xh của dự án đầu tư 	[1] Chương 6. Trang 159-167.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
7. Phân tích độ nhạy và rủi ro của dự án đầu tư			
13	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá độ an toàn về mặt tài chính của dự án – Phân tích độ nhạy của dự án – Phân tích dự án trong trường hợp còn nhiều khả năng và rủi ro – Phân tích dự án trong trường hợp có trượt giá và lạm phát 	[1] Chương 7. Trang 168-181.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8. Thẩm định dự án đầu tư			
14-15	<ul style="list-style-type: none"> – Một số lý luận chung về thẩm định dự án đầu tư – Phương pháp thẩm định dự án đầu tư – Nội dung thẩm định dự án đầu tư 	[1] Chương 8. Trang 182-235.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

	- Thẩm quyền chấp thuận và cấp giấy chứng nhận đầu tư		
--	---	--	--

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực hành nghề nghiệp 1

Mã học phần: 000832

Hệ đào tạo: Đại học chính qui **Ngành đào tạo:** Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 2 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 60

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	03	00	57	0	300

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh.

2. Thông tin về các giảng viên/đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

- MT1: Xác định được chức năng, nhiệm vụ cụ thể của tất cả các bộ phận trong đơn vị.
- MT2: Biết được các quy định, nội quy của đơn vị.
- MT3: Hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, tác phong trong công sở.
- MT4: Hiểu được quy trình quản trị thực tế tại các đơn vị.
- MT5: Xác định được vấn đề tồn tại ở các đơn vị. Từ đó đưa ra giải pháp khắc phục hiệu quả.
- MT6: Tổng hợp được các kiến thức của ngành quản trị kinh doanh trong công tác quản trị doanh nghiệp.

❖ Về kỹ năng

- MT7: Ứng dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp cho một vấn đề cụ thể.

- MT8: Vận dụng các phương pháp luận để thu thập thông tin, số liệu và khảo sát các đối tượng có liên quan.

❖ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT9: Hình thành tác phong chuyên nghiệp; Học tập sáng tạo, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.
- MT10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.
- MT11: Hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000832	Thực hành nghề nghiệp 1	0	3	3	3	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	3	3	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT4	CO1	Hiểu và xác định được quy trình vận hành, sản xuất của đơn vị. Từ đó ứng dụng vào hoạt động cải tiến quy trình của đơn vị	PO2, PO5, PO7, PO14
MT1 MT2 MT3	CO2	Hiểu rõ các quy định của đơn vị, chấp hành theo quy định; sống có trách nhiệm với công việc và xã hội	PO12
Kỹ năng			
MT6 MT7	CO3	Biết và vận dụng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ trong văn hóa công sở	PO8, PO13
MT6	CO4	Tự tin trong công việc liên quan đến quản trị kinh doanh, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, hiểu biết văn hóa của đơn vị	PO9, PO10, PO11, PO14
MT6 MT7 MT8	CO5	Hiểu và ứng dụng kiến thức về quản trị kinh doanh để xác định vấn đề tồn tại trong đơn vị. Từ đó đề xuất giải pháp cải tiến	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6, PO7, PO8, PO11, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10 MT11	CO6	Nhận thức tầm quan trọng của hoạt động học tập tại đơn vị. Hình thành tác phong công sở. Tự tin trong công việc và hình thành ý thức học tập suốt đời.	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” là học phần bắt buộc, người học phải liên hệ với các đơn vị đang hoạt động trong nền kinh tế để vào học tập thực tế; tìm hiểu hoạt động sản xuất, kinh doanh; xác định vấn đề đơn vị đang gặp phải và đưa ra giải pháp phù hợp. Học phần này giúp người học tổng hợp tất cả các kiến thức đã được học và liên hệ với thực tiễn, tiếp xúc với môi trường thực tế đang hoạt động. Từ đó góp phần nâng cao ý thức học tập và định hướng cho tương lai của người học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Bài báo cáo học phần	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: nghe giảng viên phổ biến về quy định, hình thức, nội dung thực hiện học phần.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các đề tài có liên quan.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài.
- Liên hệ đơn vị thực tập: sinh viên phải tìm đơn vị thực tập để thực hiện đề tài.
- Có tinh thần và thái độ nghiên cứu nghiêm túc, làm việc theo kế hoạch đã được quy định.
- Chủ động gặp gỡ và trao đổi với giáo viên hướng dẫn về đề cương, bản nháp, bản chính thức của bài báo cáo.
- Hoàn thành bài báo cáo: sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo theo kế hoạch.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Cấu trúc – Hình thức trình bày	25	- Quy định trình bày chuyên đề, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp của Trường. - Theo Rubric đánh giá học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” của Khoa Kinh tế.	CO3	10
2	Nội dung đề tài	60	- Chất lượng sản phẩm giao nộp. - Theo Rubric đánh giá học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” của Khoa Kinh tế.	CO1, CO2, CO4, CO5	10
3	Thái độ	15	- Theo Rubric đánh giá học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” của Khoa Kinh tế.	CO3, CO6	10

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO HỌC PHẦN "THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP 1" NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
1	Cấu trúc - Hình thức	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức thiếu logic. Có vài đoạn trong bài có tính mạch lạc nhưng thiếu tính thống nhất. Có nhiều lỗi đáng kể. Hình thức trình bày không đúng quy định của Trường, còn nhiều lỗi chính tả; nhiều lỗi đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo chưa đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức mạch lạc, tương đối hợp lý. Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý nhưng còn một số chỗ chưa thống nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức phù hợp, trình bày theo cấu trúc quy định. Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức phù hợp, logic, trình bày theo cấu trúc quy định, phù hợp với đề tài. Hình thức trình bày đúng quy định của Trường; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý; Cách đặt tên các bảng biểu, hình ảnh phù hợp. 	2.5	
2	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> Không thể hiện được mục tiêu của đề tài; Chưa xác định được các vấn đề tồn tại của đơn vị. Không xác định được phương pháp nghiên cứu cho đề tài. Đối tượng nghiên cứu không phù hợp với đề tài. Chưa tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Chưa phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề tồn tại của đơn vị. Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. Đối tượng nghiên cứu chưa hoàn toàn phù hợp với đề tài. Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. Đối tượng nghiên cứu phù hợp với đề tài. Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày đầy đủ mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. Xác định phương pháp nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. Đối tượng nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. Tổng hợp được đầy đủ các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp 	6.0	

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
		<p>môi trường vi mô, vĩ mô.</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích vấn đề không dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp không phù hợp đối với đơn vị. Vấn đề nghiên cứu không đáp ứng được mục tiêu đặt ra. 	<p>luận. Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa phù hợp. Từ đó đưa ra các giải pháp chưa thật sự phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được một phần mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. 	<p>nguyên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được khá đầy đủ mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. Đánh giá được một phần thực trạng của đơn vị. Từ đó đề xuất phương án cải tiến phù hợp. 	<p>hoàn toàn phù hợp với đề tài nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được đầy đủ mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. Đánh giá đúng thực trạng của đơn vị. Từ đó đề xuất phương án cải tiến phù hợp. 		
3	Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực hành đánh giá chưa cao về người học; Thái độ không tích cực khi đến đơn vị học tập. Không liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Không sửa bài theo góp ý của Giảng viên. Nộp bài báo cáo trễ hạn quy định. Không nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá tốt về người học; Thái độ khá tích cực khi đến đơn vị thực tập. Có liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Có sửa bài theo góp ý của Giảng viên nhưng sửa sơ sài. Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá tốt về người học; Thái độ tích cực khi đến đơn vị thực tập. Có liên hệ thường xuyên với Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Có sửa bài theo góp ý của Giảng viên. Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định. Nhận thức khá cao về tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá rất tốt về người học; Có thái độ rất tích cực khi đến đơn vị thực tập. Chịu khó học hỏi. Liên hệ thường xuyên với Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Chỉnh sửa bài báo cáo theo đúng ý kiến góp ý của giảng viên. Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định. Nhận thức rất tốt về tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị. 	1.5	

10. Học liệu

Căn cứ vào đề tài, sinh viên lựa chọn tài liệu tham khảo cho phù hợp với đề tài.

11. Nội dung chi tiết học phần

- Giảng viên hướng dẫn và sinh viên thống nhất chọn đề tài cho phù hợp với lĩnh vực mà người học có khả năng thực hiện.
- Các đề tài sinh viên lựa chọn bao gồm tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế có liên quan đến chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Đơn vị học tập thực tế: Đa dạng các loại hình doanh nghiệp; các đơn vị, các tổ chức, các cơ quan, ban ngành.

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu.
- Phương tiện: tăng âm.
- Sinh viên phải nộp bài báo cáo khi kết thúc học phần.

13. Thời gian thực hiện học phần

Trong học kỳ 7 của chương trình đào tạo. Thời gian cụ thể theo kế hoạch của Khoa.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hành vi tổ chức

Mã học phần: 000613

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Ứng dụng trong việc phân công công việc sao cho phù hợp với từng cá nhân trong tổ chức;

MT2: Ứng dụng các kỹ năng làm việc với con người;

MT3: Giải thích được các biến ảnh hưởng đến hành vi cá nhân và hành vi nhóm;

MT4: Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa lãnh đạo thành công và lãnh đạo hiệu quả.

• Về kỹ năng

MT5: Áp dụng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm vào thực tế;

MT6: Vận dụng các kiến thức về lãnh đạo tình huống để đưa ra quyết định hiệu quả;

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Cảm thông trước những ứng xử không hay của mọi người trong tổ chức do ảnh hưởng của những đặc tính riêng của họ.

MT8: Luôn bình tĩnh khi giải quyết một vấn đề phát sinh do mâu thuẫn giữa các cá nhân trong tổ chức.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Hành vi tổ chức	0	2	2	2	2	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	2	2	3	3	2	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT6	CO1	Tiếp cận khoa học về hành vi, kỹ năng làm việc với con người.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT2 MT6	CO2	Hành vi cá nhân và hành vi nhóm	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT7	CO3	Hệ thống phân cấp các nhu cầu	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT3 MT4	CO4	Tìm hiểu phong cách – con đường dẫn tới thành công.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7	CO5	Xác định tính hiệu quả	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT8	CO6	Lãnh đạo theo tình huống và đưa ra các quyết định hợp lý	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Kỹ năng			
MT5 MT8	CO7	Áp dụng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm vào thực tế	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT8	CO8	Vận dụng các kiến thức về lãnh đạo tình huống để đưa ra quyết định hiệu quả	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO9	Luôn bình tĩnh khi giải quyết một vấn đề phát sinh do mâu thuẫn giữa các cá nhân trong tổ chức	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Các nội dung chính được giảng dạy trong học phần này gồm cách tiếp cận về khoa học hành vi, cơ sở hành vi cá nhân và hành vi nhóm, hệ thống phân cấp nhu cầu, lãnh đạo theo tình huống và đặc điểm phong cách của các nhà lãnh đạo, xác định tính hiệu quả của lãnh đạo và cách thức ra quyết định hiệu quả.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9.
Bài tập nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Có ý thức và thái độ tích cực khi tham gia buổi học.
- Thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	5 5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
3	Thuyết trình	25	Theo thang điểm của giảng viên	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
4	Bài thi tự luận kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

Tài liệu học tập

[1] Mark Earls. Tâm lý bầy đàn - Khám phá bản chất con người để thay đổi hành vi đám đông: How to change mass behaviour by harnessing our true nature. 2012. Hoàng Trung, Minh Thu (Dịch giả). NXB Tổng Hợp. [658.8 E12]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Tiếp cận khoa học hành vi		
1-3	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về hành vi và hành vi tổ chức. - Phân tích mô hình hành vi tổ chức. - Lịch sử phát triển của khoa học hành vi. - Những vấn đề cần thay đổi, về quản lý. - Kỹ năng làm việc với con người. - Cơ sở của hành vi cá nhân, hành vi nhóm. 	[1] Chương 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Hệ thống phân cấp các nhu cầu		
4-5	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phân cấp nhu cầu của Maslow. - Bản chất, nhân cách của con người. - Phẩm chất quan trọng của nhân cách. - Động cơ thúc đẩy của người lao động. - Dự đoán hành vi của con người. 	[1] Chương 2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Tìm hiểu phong cách – con đường dẫn đến thành công		
6	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm phong cách của con người. - Lãnh đạo theo tình huống. 	[1] Chương 3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Xác định tính hiệu quả		
7-8	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả quản trị và hiệu quả lãnh đạo. - Tạo ra các quyết định có hiệu quả 	[1] Chương 4.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Lãnh đạo theo tình huống và đưa ra các quyết định hợp lý		
9-10	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra các quyết định có hiệu quả. - Ra quyết định và quyền hạn nhà lãnh đạo. 	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị tài chính

Mã học phần: 000792

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Kinh tế học và lý thuyết tài chính tiền tệ

Học phần học trước: Không **Học phần học song hành: Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kế toán – Tài Chính

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kế toán – Tài Chính

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Xác định đối tượng của quản lý tài chính doanh nghiệp;

MT2: Phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp;

MT3: Đo lường rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư;

MT4: Tính toán chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp;

MT5: Đánh giá tính khả thi của dự án.

• Về kỹ năng

MT6: Tổng hợp và phân tích các thông tin tài chính của doanh nghiệp.

MT7: Lựa chọn các quyết định tài chính.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Có phẩm chất đạo đức, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính trong doanh nghiệp.

MT9: Trung thực, khách quan trong việc thực hiện và giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Quản trị tài chính	0	3	1	3	1	2	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	1	3	3	2	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Xác định đối tượng của quản lý tài chính doanh nghiệp	PO2, PO3, PO4, PO5
MT2, MT6 MT7	CO2	Phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp	PO2, PO3, PO4, PO7, PO11, PO12, PO14
MT3, MT6 MT7	CO3	Đo lường rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư	PO2, PO3, PO4, PO7, PO9, PO11
MT4, MT6 MT7	CO4	Tính toán chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp	PO2, PO4, PO7, PO9, PO10, PO11
MT5, MT6 MT7	CO5	Đánh giá tính khả thi của dự án	PO2, PO4, PO5, PO7, PO9, PO10, PO11
Kỹ năng			
MT6 MT7	CO6	Tổng hợp và phân tích các thông tin tài chính của DN và lựa chọn các quyết định tài chính	PO7, PO10, PO11, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9	CO7	Có phẩm chất đạo đức, chấp hành tốt các qui định nhà nước và có ý thức cộng đồng. Đồng thời, chủ động sáng tạo và khách quan trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính DN.	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp

Đối với phần tổng quan sinh viên sẽ được nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định

Đối với phần quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đây là một trong ba quyết định quan trọng nhất của công tác quản trị tài chính và là quyết định tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Ở phần này chúng ta sẽ nghiên cứu những cơ sở của việc ra quyết định đầu tư dài hạn, cách thiết lập dòng ngân lưu, tính toán suất chiết khấu và những vấn đề thường gặp phải khi xây dựng dòng tiền trong thực tiễn.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Tài liệu học tập

[1] Eugene F. Brigham. Joel F. Houston. Nguyễn Thị cảnh (chủ biên dịch). 2017. Quản trị Tài chính. NXB Hồng Đức. [658.15 B855]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Khái quát về quản trị tài chính		
1	- Quản trị tài chính là gì? - Mục tiêu của công ty - Vai trò của giám đốc tài chính	[1] Chương 1. Trang 1-4.	CO1

	- Các hình thức tổ chức doanh nghiệp		
	2. Phân tích các báo cáo tài chính		
2-3	- Giới thiệu các báo cáo tài chính công ty - Phân tích các tỷ số tài chính - Các ứng dụng của phân tích tài chính	[1] Chương 2. Tr 7-21.	CO2, CO6
	Bài tập 1. Tính toán các tỷ số và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp		
	3. Giá trị thời gian của tiền tệ		
4-5	- Lãi đơn, lãi kép - Giá trị thời gian của một khoản tiền - Giá trị thời gian của một dòng tiền - Lãi suất danh nghĩa và lãi suất hiệu dụng - Các khoản nợ trả dần	[1] Chương 3. Trang 24-35.	CO3, CO6
	Bài tập 2. Vận dụng tính toán giá trị của khoản tiền và dòng tiền theo thời gian		
	4. Định giá trái phiếu và cổ phiếu		
6-8	- Định giá trái phiếu + Trái phiếu không tính lãi + Trái phiếu có thời hạn và trả lãi định kỳ + Trái phiếu vô thời hạn và trả lãi định kỳ - Định giá cổ phiếu + Cổ phiếu ưu đãi + Cổ phiếu phổ thông	[1] Chương 4. Trang 37-46.	CO4, CO6
	Bài tập 3. Vận dụng lý thuyết giá trị thời gian của tiền tệ để tính giá các loại trái phiếu và cổ phiếu		
	Kiểm tra giữa kỳ		
	5. Lợi nhuận và rủi ro		
9-10	- Khái niệm về lợi nhuận và rủi ro - Lợi nhuận và rủi ro của một cổ phiếu - Lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư - Rủi ro thị trường của một cổ phiếu - Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM)	[1] Chương 5. Trang 48-60.	CO4, CO6
	Bài tập 4. Tính lợi nhuận và đo lường rủi ro của cổ phiếu và danh mục đầu tư		
	6. Chi phí sử dụng vốn		
11-12	- Khái niệm về chi phí sử dụng vốn - Chi phí sử dụng vốn vay - Chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi, lợi nhuận giữ lại, cổ phần mới phát hành - Chi phí sử dụng vốn bình quân trọng số - Chi phí sử dụng vốn cận biên	[1] Chương 6. Trang 62-70.	CO4, CO6
	Bài tập 5. Vận dụng lý thuyết tính chi phí trong việc sử dụng vốn cho hoạt động SXKD		
	7. Ngân sách vốn và quyết định đầu tư		
13-15	- Các loại dự án đầu tư trong doanh nghiệp - Quy trình phân tích, ra quyết định đầu tư - Ước lượng dòng tiền trong dự án đầu tư - Các chỉ tiêu tài chính đánh giá dự án - Lựa chọn dự án trong điều kiện giới hạn ngân sách đầu tư - So sánh các dự án có chu kỳ khác nhau	[1] Chương 7. Trang 71-95.	CO5, CO6
	Bài tập 6. Vận dụng lý thuyết giá trị thời gian của tiền tệ để ước tính dòng tiền và sử dụng các chỉ tiêu nhằm đánh giá tính khả thi của các dự án		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thương mại điện tử (E-Commerce)

Mã học phần: 000847

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	20	10	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Có được kiến thức cơ bản về thương mại điện tử.

MT2: Biết thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua các phương tiện điện tử bao gồm marketing, bán hàng, phân phối và thanh toán.

• Về kỹ năng

MT3: Kỹ năng hình thành và đánh giá ý tưởng các hệ thống thương mại điện tử.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000847	Kinh tế học vi mô	0	0	3	0	3	1	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	2	1	0	0	3	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Có kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, nắm vững các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các cơ hội và bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Trình bày được vai trò và sự tác động của thương mại điện tử trong xã hội.	PO3, PO5
	CO2	Có kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, nắm vững các phương thức bán hàng, marketing trên web; đấu giá, cộng đồng ảo và web portal	PO3, PO5
	CO3	Có kiến thức về môi trường của thương mại điện tử, các vấn đề liên quan đến pháp luật, đạo đức và thuế	PO3, PO5
	CO4	Trình bày được các công nghệ sử dụng trong thương mại điện tử, an toàn và thanh toán thương mại điện tử.	PO3, PO5
	CO5	Phân tích, hoạch định được mô hình thương mại điện tử tích hợp cho một loại hình doanh nghiệp cụ thể, tư vấn được cho doanh nghiệp sử dụng các hệ thống ERP, SCM, CRM thích hợp	PO3, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường xã hội.	PO7
	CO7	Nhận thức được bối cảnh văn hóa doanh nghiệp	PO7
	CO8	Đánh giá ý tưởng các hệ thống thương mại điện tử	PO7, PO9
	CO9	Thiết kế các hệ thống thương mại điện tử	PO9, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO10	Hiểu cách tổ chức và phân công công việc nhóm đáp ứng yêu cầu dự án	PO13
	CO11	Hiểu cách giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện dự án	PO14
	CO12	Kỹ năng thuyết trình, trình bày báo cáo, tham luận, giao tiếp, thảo luận việc sắp xếp nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên, đọc tài liệu tiếng anh	PO13
	CO13	Phân tích, nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, tư duy sáng tạo, không phiến diện hay tư duy theo lối mòn	PO13
	CO14	Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ khi làm việc, có tinh thần, trách nhiệm, luôn cập nhật thông tin mới	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Thương mại điện tử là một lĩnh vực mới được kết hợp giữa các hình thức kinh doanh thương mại truyền thống với các yếu tố khoa học công nghệ cao. Môn học này cung cấp kiến thức tổng quát về lĩnh vực kinh doanh và thực thi thương mại thông qua các phương tiện điện tử dựa trên nền

tăng công nghệ hiện đại, thương mại điện tử (eCommerce). Giới thiệu các mô hình, cách thức quản lý và triển khai các ứng dụng thương mại trên nền tảng công nghệ hiện tại.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Bài tập nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn..	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO9, CO10, CO11, CO12, CO13, CO14
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO6, CO7, CO8
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO13, CO14

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Làm dự án theo nhóm và thuyết trình dự án tại lớp do giảng viên phân công.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO8, CO9, CO10, CO11, CO12, CO13, CO14	10
3	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

10. Học liệu

Tài liệu học tập

[1] Kenneth C. Laudon, Carol Guercio Traver. 2013. *E-Commerce*. 9th edition. Pearson Education. [658.872 L372].

[2]. Kenneth C. Laudon, Carol Guercio Traver. 2013. *E-Commerce*. 9th edition. Pearson Education. Bản dịch tiếng Việt – Biên dịch: Khoa Kinh tế - ĐH Nam Cần Thơ [658.872 L372].

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Tổng quan về thương mại điện tử		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và đặc trưng của thương mại điện tử - Sự khác biệt của thương mại điện tử và thương mại truyền thống. Lợi ích và tác động của thương mại điện tử - Các điều kiện phát triển thương mại điện tử - Các mô hình thương mại điện tử 	[1] Chương 1. Trang 5 – 30	CO1
	2. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thương mại điện tử		
2	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và vai trò của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong hoạt động TMĐT - Những yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới TMĐT - Những yêu cầu về hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội thực hiện thương mại điện tử - Tạo lập môi trường kinh tế - xã hội cho thực hiện TMĐT - Hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội cho phát triển thương mại điện tử ở nước ta 	[1] Chương 2. Trang 31-50.	CO2, CO3
	3. Cơ sở hạ tầng pháp lý thương mại điện tử		
3	<ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề pháp lý liên quan tới thương mại điện tử - Luật mẫu của UNCITRAL và luật giao dịch điện tử của một số quốc gia - Các văn bản pháp quy về giao dịch điện tử tại Việt Nam 	[1] Chương 3. Trang 51-80	CO2, CO3
	4. Cơ sở mạng của thương mại điện tử		
4	<ul style="list-style-type: none"> - Mạng máy tính - Internet. – Intranet - Extranet 	[1] Chương 4. Trang 81-102.	CO2, CO3, CO4
	5. Trang mạng và cơ sở dữ liệu của thương mại điện tử		
5	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc cơ sở của thương mại điện tử - Trang mạng (website). Cơ sở dữ liệu - Cơ sở dữ liệu khách hàng 	[1] Chương 5. Trang 103-126.	CO3, CO4
	6. An ninh thương mại điện tử		
6	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề an ninh cho các hệ thống thương mại điện tử. Các khía cạnh của an ninh thương mại điện tử - Những nguy cơ đe dọa an ninh thương mại điện tử - Giải pháp công nghệ đảm bảo an ninh TMĐT 	[1] Chương 6. Trang 127-152.	CO3, CO4, CO10
	Bài tập 1 về an ninh thương mại điện tử		
	7. Thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng (B2C)		
7	<ul style="list-style-type: none"> - Thương mại điện tử B2C - Mô hình thương mại điện tử B2C - Các công cụ hỗ trợ khách hàng khi mua hàng trực tuyến - Dịch vụ khách hàng và quản trị quan hệ khách hàng 	[1] Chương 7. Trang 153-182.	CO2, CO4, CO5
	8. Thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp (B2B)		
7	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và đặc điểm, phương thức TMĐT B2B. - Xây dựng hệ thống TMĐT giữa các doanh nghiệp 	[1] Chương 8. Tr 183-214.	CO2, CO4, CO5
	9. Sàn giao dịch thương mại điện tử (E-Marketplace)		
8	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về sàn giao dịch thương mại điện tử. Các phương thức giao dịch tại sàn giao dịch TMĐT 	[1] Chương 9. Trang	CO2, CO4, CO5, CO10

	Bài tập 2 về bán hàng qua web	215-230	
	10. Marketing điện tử (E – Marketing)		
8	- Marketing trong thời đại công nghệ thông tin và TMĐT - Nghiên cứu thị trường trên Internet - Quảng cáo trên Internet - Marketing B2B và B2C	[1] Chương 10. Trang 231-262	CO2, CO4, CO5, CO10
	Bài tập 3 về marketing qua web		
	11. Thanh toán trong thương mại điện tử		
9	- Các hệ thống thanh toán truyền thống và hiện đại. Thanh toán điện tử - Các hệ thống thanh toán điện tử cơ bản	[1] Chương 11. Trang 263-308	CO2, CO4, CO5, CO10
	Bài tập 4 về hệ thống thanh cho thương mại điện tử		
	12. Các ứng dụng khác của thương mại điện tử		
9	- Chính phủ điện tử. Dịch vụ du lịch trực tuyến - Dịch vụ việc làm trực tuyến - Thương mại di động (M-Commerce). Xuất bản trực tuyến	[1] Chương 12. Trang 309-338	CO2, CO4, CO5
	10		
	Thuyết trình nhóm về các dự án thương mại điện tử		
	Tổng kết		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị nhân lực

Mã học phần: 000790

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	15	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu và giải thích được ý nghĩa, tầm quan trọng của quản trị nhân sự và các hoạt động quản trị nhân sự.

MT2: Hiểu và phân tích được các hoạt động quản trị nhân sự trong doanh nghiệp như: hoạt động phân tích công việc; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; thù lao lao động; đánh giá thực hiện công việc; kế hoạch hóa nguồn nhân lực; tuyển dụng; tạo động lực cho người lao động trong doanh nghiệp.

MT3: Ứng dụng kiến thức Quản trị nhân sự vào các hoạt động quản trị nhân sự trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

• Về kỹ năng

MT4: Kỹ năng giải thích được ý nghĩa, tầm quan trọng của quản trị nhân sự và các hoạt động quản trị nhân sự.

MT5: Kỹ năng phân tích được các hoạt động quản trị nhân sự trong doanh nghiệp như: hoạt động phân tích công việc; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; thù lao lao động; đánh giá thực hiện công việc; kế hoạch hóa nguồn nhân lực; tuyển dụng; tạo động lực cho người lao động trong doanh nghiệp.

MT6: Kỹ năng ứng dụng kiến thức Quản trị nhân sự vào các hoạt động quản trị nhân sự trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000790	Quản trị nhân lực	0	3	2	1	3	1	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	2	2	3	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được khái niệm, vai trò của quản trị nhân sự trong các hoạt động doanh nghiệp.	PO2, PO3, PO5
MT1 MT4	CO2	Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị nhân sự và yêu cầu của nhân viên chuyên môn nguồn nhân lực	PO2, PO5, PO6
MT1 MT4	CO3	Hiểu được trách nhiệm quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, các mô hình tổ chức quản trị nhân sự, vai trò và quyền hạn của bộ phận chức năng nguồn nhân lực và sự phân chia trách nhiệm quản lý nguồn nhân lực	PO2, PO5, PO6
MT1 MT3	CO4	Hiểu được các trường phái quản trị nguồn nhân lực và sự ứng dụng các trường phái này trong doanh nghiệp	PO2, PO5, PO6
MT2 MT5	CO5	Phân tích được ý nghĩa của phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực trong mối quan hệ với các hoạt động khác của quản trị nhân sự; thiết kế được quy trình phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực và phân bổ nguồn lực để thực hiện công việc này một cách hiệu quả; soạn thảo được bản mô tả công việc, bản tiêu chuẩn thực hiện công việc và bản yêu cầu đối với nhân viên; đưa ra các giải pháp cân đối cung và cầu lao động	PO7, PO8, PO9, PO10
MT3 MT5	CO6	Hiểu và đề xuất được quy trình tuyển mộ và tuyển chọn cho phù hợp với vị trí cần tuyển; phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tuyển mộ, tuyển chọn của doanh nghiệp	PO7, PO8, PO10
MT2	CO7	Hiểu và phân tích được tầm quan trọng, các nguyên tắc	PO10,

MT3 MT5		khi xây dựng hệ thống đánh giá thực hiện công việc và hệ thống lương thưởng. Chỉ ra được bản chất, nội dung, ưu, nhược điểm của các phương pháp đánh giá thực hiện công việc và phương pháp trả lương, thưởng, điều kiện áp dụng trong thực tế; đề xuất quy trình và phương pháp đánh giá thực hiện công việc hiệu quả phù hợp với doanh nghiệp. So sánh sự khác nhau giữa các phương pháp trả lương, ưu, nhược điểm và điều kiện áp dụng	PO11,PO12
MT2 MT3 MT5	CO8	Hiểu và phân tích được vai trò của công tác đào tạo trong doanh nghiệp, ưu nhược điểm của từng phương pháp đào tạo (trong và ngoài công việc), điều kiện áp dụng cũng như xây dựng được một chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp	PO7,PO8,PO10
MT2 MT3 MT5	CO9	Hiểu và phân tích được khái niệm tạo động lực, các học thuyết tạo động lực; ứng dụng được các giải pháp tạo động lực trong doanh nghiệp	PO10, PO11,PO12
MT6 MT7 MT8	CO10	Phân tích thực trạng và kiến nghị các giải pháp nâng cao các hoạt động quản trị nhân sự tại một doanh nghiệp cụ thể bao gồm: phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực, tuyển dụng, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tiền lương thưởng và phúc lợi cho người lao động, tạo động lực cho người lao động	PO12, PO13, PO14
Kỹ năng			
MT6 MT8	C11	Vận dụng được các kiến thức về quản trị nhân lực để ứng dụng trong quản lý doanh nghiệp	PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT8	C12	Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên.	PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần đề cập đến các nội dung về vai trò và tầm quan trọng của quản trị nhân sự, sự phân chia trách nhiệm nhân sự trong tổ chức, phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo, đãi ngộ, tuyển dụng và tạo động lực trong lao động.

Mục tiêu của học phần này là phát triển khả năng của người học trong việc ứng dụng kiến thức quản trị nhân sự để thu hút, xây dựng, sử dụng, phát triển, đánh giá và bảo toàn lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu của tổ chức cả về mặt số lượng và chất lượng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập tình huống	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8
--	---	----------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
2	Bài tập nhóm	10	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thuyết trình nhóm	30	Theo tiêu chí, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. Tự luận	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Trần Kim Dung. 2011. Quản trị nguồn nhân lực. NXB Thống kê. [658.3 D107]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi. 2011. Quản trị nhân lực. NXB Phương Đông. [658.3 D513]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Chương 1: Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực		
1	Vai trò của QTNL. Tổ chức QTNL Các triết lý quản trị nhân sự	[1] Chương 1	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chương 2: Kế hoạch hóa nguồn nhân lực		
2	Khái niệm, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng kế hoạch hóa nguồn nhân lực.	[1] Chương 2 - 3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chương 3: Tuyển mộ và tuyển chọn nguồn nhân lực		
3	Khái niệm, ý nghĩa và yêu cầu của tuyển dụng. Quá trình tuyển mộ	[1] Chương 4 - 5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	Chương 4: Đánh giá thực hiện công việc		
4	Khái niệm, ý nghĩa và vai trò của đánh giá thực hiện công việc. Phương pháp đánh giá thực hiện công việc.	[1] Chương 8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chương 5: Thù lao lao động		
5	Các yếu tố ảnh hưởng. Các tiêu thức lựa chọn khi xây dựng hệ thống thù lao lao động. Xây dựng hệ thống trả lương	[1] Chương 9	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chương 6: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực		
6	Vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các phương pháp đào tạo và phát triển	[1] Chương 7	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chương 7: Tạo động lực trong lao động		
7	Khái niệm, vai trò của tạo động lực lao động. Các học thuyết tạo động lực. Các giải pháp tạo động lực trong lao động	[1] Chương 8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9	Thuyết trình nhóm		
10	Chương 8 : Người lao động và quan hệ lao động		
	Các chương trình quan hệ lao động để xây dựng và duy trì quan hệ lao động tích cực Doanh nghiệp đạo đức.		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. - Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị chiến lược

Mã học phần: 000775

Số tín chỉ: 3. Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	30	15	0	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Quản trị học, Marketing căn bản

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

MT1: Hiểu được khái niệm về quản lý chiến lược và ứng dụng của nó trong tổ chức kinh doanh.

MT2: Mô tả các định nghĩa và thuật ngữ khác nhau được sử dụng trong quản trị chiến lược.

MT3: Giải thích quá trình phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp

❖ Về kỹ năng

MT4: Áp dụng phân tích các ma trận để xây dựng và phát triển các chiến lược.

MT5: Áp dụng phân tích đánh giá chiến lược trên các nghiên cứu trường hợp thực tế (trong bài tập)

MT6: Áp dụng các công cụ phân tích khác nhau để đánh giá năng lực cạnh tranh của tổ chức và ra quyết định chiến lược

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Nhận thức tầm quan trọng của việc hoạch định chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả cạnh tranh cho doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000775	Quản trị chiến lược	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được các khái niệm tổng quan về quản trị chiến lược, phân loại các cấp chiến lược và các loại chiến lược thực tiễn trong kinh doanh	PO2, PO3, PO14
MT1	CO2	Phân tích môi trường bên ngoài bao gồm ngành và các yếu tố kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội và công nghệ. Phân tích môi trường nội bộ về tình trạng hoạt động của các bộ phận chức năng	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO3	Phân tích tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của doanh nghiệp thương mại trong môi trường kinh doanh	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Hoạch định chiến lược kinh doanh, điều tra nghiên cứu để phát hiện khó khăn, thuận lợi bên ngoài và các điểm mạnh, điểm yếu bên trong, từ đó đề ra mục tiêu chiến lược và lựa chọn chiến lược tối ưu	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT4	CO5	Thực hiện chiến lược, chuyển các ý tưởng chiến lược đã được hoạch định thành các hành động cụ thể của tổ chức	PO2, PO3, PO5, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Kiểm tra, đo lường và điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp để tin chắc rằng các mục tiêu và giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu đề ra vẫn đang được hoàn thành	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Kỹ năng			
MT7 MT8	CO8	Vận dụng được kiến thức về môi trường bên trong, bên ngoài của doanh nghiệp, các ma trận hoạch định chiến lược và các loại hình chiến lược để xây dựng và thực thi chiến lược cạnh tranh phù hợp cho doanh nghiệp	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT8	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của việc hoạch định, thực thi và kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Quản trị chiến lược là môn học tập trung vào việc xác định và tìm hiểu các nguồn lực vượt trội, đem lại hiệu quả cho công ty. Trang bị cho người học các khái niệm và khung lý thuyết hữu ích để phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của công ty, đồng thời hướng dẫn người học xây dựng và thực hiện các loại chiến lược kinh doanh khác nhau. Các vấn đề chiến lược được xem xét từ góc độ của một giám đốc điều hành hoặc tổng giám đốc, tập trung vào phương pháp xây dựng các chiến lược hiệu quả và phát triển các nguồn lực cũng như các khả năng cần thiết để đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững trong môi trường cạnh tranh toàn cầu và đầy biến động.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bùi Văn Đanh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi. 2011. Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống. NXB Phương Đông. [658.4012 D107]

[2] Nguyễn Mạnh Hùng. 2013. Giáo trình quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh. NXB Phương Đông. [658.4012 H513]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Giới thiệu về quản trị chiến lược		
1	<ul style="list-style-type: none">-Vai trò của quản trị chiến lược trong các tổ chức hiện đại và đánh giá tầm quan trọng của nó.-Các yếu tố chính trong quá trình hoạch định quản trị chiến lược-Định nghĩa và thuật ngữ trong quản trị chiến lược<ul style="list-style-type: none">• Lợi thế cạnh tranh• Nguồn lực và năng lực• Tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu• Chiến lược	[1] Chương 1. Trang 01-12	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	2. Phân tích môi trường kinh doanh (môi trường bên ngoài)		
2-3	<ul style="list-style-type: none">-Tầm quan trọng và phạm vi phân tích trong kế hoạch của công ty-Phạm vi và ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài trong quản trị chiến lược và xác định các yếu tố môi trường quan trọng-Phân tích đối thủ cạnh tranh và thị trường-Sử dụng các công cụ thích hợp trong việc phân tích môi trường bên ngoài.	[1] Chương 2. Trang 13-20.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	3. Phân tích môi trường kinh doanh (môi trường nội bộ doanh nghiệp)		
4-5	<ul style="list-style-type: none">-Các khái niệm về nguồn lực, năng lực, khả năng chiến lược và thảo luận về mối quan hệ của chúng-Các công cụ và kỹ thuật thích hợp để tiến hành đánh giá nội bộ.	[1] Chương 2. Trang 20-27.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 1. Sử dụng ma trận EFE và IFE để phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp		CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	4. Nội dung chiến lược		
6-7	<ul style="list-style-type: none">-Chiến lược cấp công ty và cấp kinh doanh-Các hình thức chiến lược. Chiến lược tham khảo-Tác động của thị trường tài chính đến chiến lược doanh nghiệp	[1] Chương 5, Chương 6. Trang 58-85.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Kiểm tra giữa kỳ		
	5. Xây dựng và phát triển chiến lược		
9-10	<ul style="list-style-type: none">-Bản chất và phạm vi phát triển chiến lược-Các cơ sở xây dựng chiến lược	[2] Chương 6. Trang 155-212.	CO1, CO2, CO5, CO6,

	–Kỹ thuật phù hợp để xây dựng chiến lược		CO7, CO8
	Bài tập 2. Xây dựng chiến lược cạnh tranh cho một doanh nghiệp start-up		CO7, CO8, CO9
	6. Lựa chọn chiến lược		
11	–Các tiêu chí trong việc lựa chọn chiến lược –Các kỹ thuật phù hợp trong việc lựa chọn chiến lược thay thế –Quy trình hợp nhất và sự lựa chọn	[2] Chương 7. Trang 213-246.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	7. Thực hiện chiến lược		
12-13	–Thiết kế và cấu trúc của tổ chức trong thực hiện chiến lược –Lợi thế và hạn chế của các cấu trúc tập trung, phi tập trung đối với hoạch định và kiểm soát chiến lược –Phân bổ nguồn lực để thực hiện chiến lược –Kế hoạch sử dụng nguồn lực –Các quy trình đánh giá chiến lược	[2] Chương 9. Trang 301-350.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	8. Kiểm tra, đánh giá chiến lược		
14-15	–Những nội dung phải kiểm tra –Đo lường sự thực hiện –So sánh thành tích với tiêu chuẩn –Tìm kiếm nguyên nhân của sai lệch –Tiến hành sửa chữa	[2] Chương 10. Trang 351-375.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị chất lượng

Tên tiếng Anh: Quality management

Mã học phần: 000774

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	20	10	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Có được kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực chất lượng như: quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng.

• Về kỹ năng

MT2: Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề chất lượng.

MT3: Khả năng sử dụng được các phương pháp, kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; xây dựng và áp dụng một số hệ thống quản lý chất lượng.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng đọc hiểu các tài liệu kinh tế (chất lượng) bằng tiếng Anh.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Quản trị chất lượng	0	1	1	0	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	0	0	1	1	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích được vị trí của chất lượng trong xu thế cạnh tranh toàn cầu và tình hình quản trị chất lượng tại Việt Nam.	PO2
	CO2	Trình bày được những vấn đề cơ bản về chất lượng và hệ thống quản lý chất lượng	PO2, PO3, PO5
Kỹ năng			
MT2	CO3	Sử dụng được một số chỉ tiêu và phương pháp về đánh giá chất lượng.	PO5, PO6, PO7, PO8, PO9
	CO4	Có khả năng phân tích chi phí chất lượng	PO5, PO6, PO7, PO8, PO9
	CO5	Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu và trình bày các nội dung chuyên ngành chất lượng	PO12
MT3	CO6	Sử dụng được các phương pháp, kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng.	PO5, PO6, PO7, PO8, PO9
	CO7	Trình bày được cách xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 14001, GMP, ISO 22000...)	PO5, PO6, PO7, PO8, PO9
	CO8	Trình bày được cách xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện (TQM)	PO5, PO6, PO7, PO8, PO9
	CO9	Có khả năng đo lường sự hài lòng của khách hàng trong quản trị chất lượng dịch vụ	PO5, PO6, PO7, PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO10	Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến chất lượng	PO12
	CO11	Hiểu được các thuật ngữ tiếng Anh dùng cho quản lý chất lượng	PO13, PO14
MT4	CO12	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng. Học phần giới thiệu một số chỉ tiêu và phương pháp đánh giá chất lượng trong tổ chức,

đồng thời hướng dẫn sinh viên sử dụng các phương pháp, kỹ thuật và công cụ để quản lý chất lượng. Học phần cung cấp những kiến thức về cách xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 và quản lý chất lượng toàn diện trong các doanh nghiệp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Tiểu luận – báo cáo	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn..	CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Làm tiểu luận theo nhóm và báo cáo tại lớp do giảng viên phân công.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8, CO9	5 5
2	Tiểu luận – báo cáo nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO4, CO5, CO6, CO10, CO11	10
3	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Kim Định. 2010. Quản trị chất lượng. NXB Tài Chính. [658.562 Đ312]

10.2. Tài liệu tham khảo

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	1. KHÁCH HÀNG VÀ THỎA MÃN NHU CẦU KHÁCH HÀNG		
	- Khái niệm và phân loại khách hàng - Nhu cầu khách hàng - Sự thỏa mãn nhu cầu khách hàng - Các phương pháp nghiên cứu nhu cầu và sự thỏa mãn của khách hàng	[1]Chương 1: tr5-tr30 Chương 2: tr31- tr56	CO2, CO9
2	2. CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM		
	- Sản phẩm và phân loại sản phẩm - Chất lượng và vai trò của chất lượng sản phẩm. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm	[1]Chương 3:tr57-tr84	CO2
3	3. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG		
	- Khái niệm và vai trò của quản trị chất lượng - Nguyên tắc và chức năng cơ bản của quản trị chất lượng - Các phương pháp quản trị chất lượng	[1] Chương 10: tr267-tr292	CO1, CO2
4	4. CHI PHÍ CHẤT LƯỢNG		
	- Chi phí chất lượng - Mô hình chi phí chất lượng	[1] Chương 4 tr85-tr126	CO2, CO4
5	5. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG		
	- Hệ thống quản trị chất lượng - Hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000 - Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện TQM	[1] Chương 5 tr127-tr152	CO2, CO7, CO8
6	6. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ		
	- Bản chất của dịch vụ và chất lượng dịch vụ - Mô hình cung ứng dịch vụ - Tiêu chí đánh giá đo lường chất lượng dịch vụ - Quản trị chất lượng dịch vụ	[1] Chương 6: tr153-tr212 Chương 9: tr247-tr266	CO2, CO3
7	7. TIÊU CHUẨN HÓA VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG		
	- Tiêu chuẩn hóa - Các loại tiêu chuẩn hóa và cấp tiêu chuẩn hóa - Đo lường chất lượng - Hệ thống đo lường	[1] Chương 11: tr307-tr340	CO2, CO3, CO7
8	8. CÁC CÔNG CỤ THỐNG KÊ TRONG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG		
	- Bản chất và lợi ích của kiểm soát chất lượng bằng công cụ thống kê. Các công cụ thống kê trong kiểm soát chất lượng	[1] Chương 7: tr189-tr212	CO2, CO6
9	9. ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG		
	- Đảm bảo chất lượng - Cải tiến chất lượng - Một số công cụ cải tiến	[1]Chương 8: tr213-tr246	CO2, CO6
10	10. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM		
	- Khái niệm và vai trò của kiểm tra chất lượng - Phương pháp và các hình thức kiểm tra	[1]Chương 8: tr213-tr246	CO2, CO9
11	Thuyết trình nhóm về các dự án thương mại điện tử		CO5, CO10, CO11
	Tổng kết		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị sản xuất

Mã học phần: 000791

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	36	09	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Xác suất thống kê; Kinh tế lượng; Marketing căn bản.

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

- MT1: Hiểu được các vấn đề cơ bản về quản trị sản xuất.
- MT2: Biết được các quy trình và quyết định công nghệ trong sản xuất.
- MT3: Thiết kế được các sản phẩm, dịch vụ; mặt bằng sản xuất, thiết kế công việc.
- MT4: Hiểu được công tác hoạch định trong quản trị sản xuất như tồn kho, nhu cầu vật tư....
- MT5: Biết được công tác lập tiến độ và kiểm soát các hoạt động trong quản trị sản xuất.

❖ Về kỹ năng

- MT6: Ứng dụng các kiến thức đã học hỗ trợ cho hoạt động thiết kế hệ thống sản xuất và vận hành hệ thống sản xuất.
- MT7: Giải quyết, xử lý các tình huống thường gặp trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- MT8: Có tác phong chuyên nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- MT9: Hiểu rõ được tầm quan trọng của công tác quản trị sản xuất, từ đó có sự quản lý và điều chỉnh lại quy trình sản xuất của doanh nghiệp để sản xuất hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Quản trị sản xuất	0	3	2	3	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	3	3	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Biết được những vấn đề cơ bản về Quản trị sản xuất và các công cụ ra quyết định	PO2
MT2	CO2	Biết được quá trình thiết kế sản phẩm – dịch vụ	PO5
MT2 MT3	CO3	Hiểu được và vận dụng được quy trình và quyết định công nghệ cho quá trình sản xuất	PO5, PO7
MT2 MT3 MT4	CO4	Hiểu được các vấn đề cơ bản về thiết kế mặt bằng, thiết kế công việc, từ đó vận dụng vào thực tế công việc	PO5, PO9, PO10
MT5 MT6	CO5	Biết được các nội dung về vận hành và ứng dụng vào hoạt động sản xuất	PO6, PO10
Kỹ năng			
MT3 MT4 MT5 MT6	CO6	Vận dụng được kiến thức về quản trị sản xuất để thiết kế hệ thống sản xuất cơ bản	PO3, PO4, PO5, PO6, PO7, PO9, PO10
MT7	CO7	Giải quyết các tình huống cụ thể xảy ra trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp	PO6, PO8
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9	CO8	Hiểu rõ tầm quan trọng của quản trị sản xuất trong quản trị doanh nghiệp, từ đó có các quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần quản trị sản xuất sẽ cung cấp một số nội dung cơ bản như: tổng quan về quản trị sản xuất; Thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ; Vận hành hệ thống sản xuất. Môn học sẽ trình bày các kiến thức cơ bản, thiết thực và gắn gũi với các minh họa dựa trên các tình huống thực tế có liên quan để chuyển tải nội dung đến sinh viên. Ngoài ra, các bài tập thực hành và bài tập nhóm sẽ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức môn học được thuận lợi.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng, bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	5
2	Bài tập cá nhân	10	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7	10
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5	10
4	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Đồng Thị Thanh Phương (2011), Quản trị sản xuất và dịch vụ. NXB Lao động - Xã hội. [658.5 Ph561]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1. Tổng quan về quản trị sản xuất		
	- Vai trò, chức năng của quản trị sx và nhà qtri sx trong tổ chức. - Lược sử và các vấn đề, xu hướng quản trị sản xuất hiện đại. - Tổng quan quản trị sản xuất; Chức năng sản xuất và nhà quản trị sản xuất trong tổ chức; Lược sử quản trị sản xuất; Các chủ đề của quản trị sản xuất	[1]. Chương 1 Trang 7-25	CO1
2	Chương 2. Dự báo		
	- Các thành phần của dự báo nhu cầu; - Phương pháp chuỗi thời gian; - Độ chính xác của dự báo; - Phương pháp hồi quy; Kiểm soát dự báo	[1]. Chương 2 Trang 28-64	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3	Chương 3. Quyết định sản phẩm, dịch vụ, công suất, công nghệ và thiết bị		
	- Quyết định về sản phẩm, dịch vụ - Quyết định về công nghệ - Quyết định về công suất - Quyết định về thiết bị	[1]. Chương 3 Trang 90-130	CO1, CO2, CO6
4	Chương 4. Xác định địa điểm của doanh nghiệp		
	- Các bước tiến hành chọn địa điểm - Các nhân tố ảnh hưởng đến chọn địa điểm - Các phương pháp xác định địa điểm	[1]. Chương 3 Trang 150-16	CO3, CO4, CO5, CO6
5	Chương 5. Thiết kế mặt bằng		
	- Các dạng bố trí cơ bản; - Thiết kế mặt bằng theo quy trình; - Thiết kế mặt bằng theo sản phẩm- Cân bằng dây chuyền; Bố trí kết hợp.	[1]. Chương 10 Trang 425-451	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6-7	Chương 6. Thiết kế công việc		
	- Thiết kế công việc; - Phân tích công việc; - Đo lường công việc; - Bài tập thiết kế công việc	[1]. Chương 6 Trang 226-265	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
8	Chương 7. Hoạch định tổng hợp		
	- Hoạch định tổng hợp; - Chiến lược theo nhu cầu; - Chiến lược quản lý nhu cầu; - Hoạch định tổng hợp cho dịch vụ	[1]. Chương 5 Trang 181-203	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
9	Chương 8. Quản trị tồn kho		
	- Các yếu tố của quản trị tồn kho; - Chiến lược theo nhu cầu; - Một số mô hình xác định lượng đặt hàng; - Điểm đặt hàng lại; - Lượng đặt hàng lại với hệ thống tồn kho theo chu kỳ	[1]. Chương 7 Trang 295-327	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
10	Chương 9. Hoạch định nhu cầu vật liệu	[1]. Chương 8 Trang 340-369	

	- Mục tiêu và khả năng ứng dụng hệ thống MRP; Đầu vào của MRP; - Quá trình xử lý của MRP; Đầu ra của MRP; - Hoạch định yêu cầu công suất – CRP ; Hoạch định nguồn lực sản xuất – MRP II		CO5, CO6, CO7
	Chương 10. Lập tiến độ		
11-12	- Mục tiêu của lập tiến độ; - Phân bổ công việc; Lập lịch trình; Kiểm soát tiến độ; - Bài tập lập tiến độ công việc	[1]. Chương 6 Trang 226-265	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
13-15	Thuyết trình nhóm		CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu.
- Phương tiện: tăng âm.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị bán hàng (*Sales Management*).

Mã học phần: 0101000773

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	20	10	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Marketing căn bản**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Quản Trị Kinh Doanh**

2. Thông tin về các giảng viên

Bộ môn Quản Trị Kinh Doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: **Nắm được các lý thuyết cơ bản về bán hàng và quản trị bán hàng;**

MT2: **Áp dụng được các kỹ năng bán hàng vào công việc bán hàng cụ thể;**

MT3: **Tổ chức công tác quản trị bán hàng một cách hiệu quả;**

MT4: **Xây dựng được đội ngũ bán hàng thông thạo và có năng suất;**

MT5: **Quản trị lực lượng bán hàng thành công.**

• Về kỹ năng

MT4: **Nâng cao kỹ năng giao tiếp, thương lượng và đàm phán;**

MT5: Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo, động viên và quản lý thời gian;

MT6: Lập kế hoạch bán hàng cho các doanh nghiệp.

• **Về thái độ**

MT7: Tạo nên tinh thần lạc quan, tự tin và có trách nhiệm đối với khách hàng cũng như đối với công ty, luôn phấn đấu để trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc và thành công;

MT8: Nhạy bén với sự thay đổi và thích ứng với cơ hội của thị trường.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000773	Quản trị bán hàng	0	2	3	2	3	2	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	3	2	2	2	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được một số khái niệm, vai trò, tầm quan trọng về bán hàng và đội ngũ bán hàng	PO2, PO4, PO13, PO14
MT1 MT4 MT6	CO2	Quản lý được cơ hội bán hàng, mối quan hệ và sự tương tác với khách hàng	PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
MT1 MT2 MT6	CO3	Tổ chức được đội ngũ và lập được kế hoạch bán hàng cơ bản và vận hành tổ chức bán hàng	PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
MT3 MT4 MT5	CO4	Nắm được chính sách lương thưởng đối với đội ngũ bán hàng	PO2, PO6, PO8, PO9, PO10, PO13
MT3 MT4, MT5	CO5	Lập được bảng đánh giá kết quả làm việc của đội ngũ bán hàng.	PO2, PO5, PO11, PO12
Kỹ năng			
MT4 MT5	CO6	Vận dụng được kiến thức để nâng cao kỹ năng giao tiếp, thương lượng và đàm phán và lập được kế hoạch bán hàng cho các doanh nghiệp	PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
Thái độ			

MT6 MT7	CO7	Tạo được tinh thần lạc quan, tự tin và có trách nhiệm đối với khách hàng cũng như đối với công ty, luôn phấn đấu để trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc và thành công.	PO12, PO13, PO14
------------	-----	--	------------------

Nội dung tóm tắt của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể nắm được kiến thức và trải nghiệm về bán hàng và quản trị bán hàng, các kỹ năng cần thiết để một người trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc; xây dựng đội ngũ bán hàng thông thạo và có năng suất; và quản trị lực lượng bán hàng.

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sv hiểu và biết vận dụng nội dung môn học vào vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3,	10

3	Thi kết thúc HP.	50	Tự luận. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
---	------------------	----	---	------------------------------	----

10. Tài liệu học tập

[1] James M.Comer, Quản trị bán hàng (2000), Nhà xuất bản thống kê. [658.8 Tr513]

[2] Charles M. Futrell, Fundamentals of selling (2006), Mc Graw-Hill Irwin. [658.81 B346]

11. Nội dung chi tiết học phần

Chương	Nội dung	Số tiết	CĐR của HP
Chương 1	Khái quát về Bán hàng và Quản lý đội ngũ bán hàng	4	
1.1	Vai trò của lực lượng bán hàng trong chiến lược marketing mix		PO2, PO4, PO13, PO14
1.2	Khái niệm và phân loại về khách hàng và bán hàng		PO2, PO4, PO13, PO14
1.3	Tầm quan trọng của nhân viên bán hàng		PO2, PO4, PO13, PO14
1.4	Các bước bán hàng cơ bản		PO2, PO4, PO13, PO14
1.5	Quản lý đội ngũ bán hàng		PO2, PO4, PO13, PO14
1.6	Đạo đức trong bán hàng		PO2, PO4, PO13, PO14
Chương 2	Quản lý cơ hội bán hàng	2	
2.1	Các bước để có được khách hàng mới một cách hiệu quả		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
2.2	Cách xác định cơ hội tối thiểu mà một nhân viên bán hàng theo đuổi		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
2.3	Cách một nhân viên bán hàng có thể quản lý thời gian của mình hiệu quả hơn		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
2.4	Cách quản trị trải nghiệm khách hàng		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
Chương 3	Quản lý mối quan hệ và sự tương tác với khách hàng	2	
3.1	Các bước trong quá trình mua hàng chuyên nghiệp		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
3.2	Xác định các nhân tố mua hàng khác nhau ảnh hưởng lên trung tâm mua hàng		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
3.3	Các bước phát triển mối quan hệ với khách hàng		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
3.4	Các yếu tố quan trọng nhất để có được cam kết cho một mối quan hệ		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14

3.5	Các kỹ năng tương tác với khách hàng		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
Chương 4	Tổ chức đội ngũ và lập kế hoạch bán hàng	4	
4.1	Các cách tổ chức đội ngũ bán hàng khác nhau		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
4.2	Ý nghĩa của chương trình quản lý khách hàng chiến lược		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
4.3	Các nguyên nhân của sự phát triển telemarketing và vấn đề thực hiện nó		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
4.4	Xác định khi nào và tại sao sử dụng đại lý bán hàng		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
4.5	Lập kế hoạch bán hàng		PO2, PO5, PO7, PO9, PO11, PO14
Chương 5	Vận hành tổ chức bán hàng	4	
5.1	Thiết kế các chính sách		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
5.2	Lựa chọn nhân viên bán hàng		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
5.3	Hòa nhập nhân viên bán hàng mới vào tổ chức		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
5.4	Huấn luyện nhân viên bán hàng		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
5.5	Tiêu chuẩn thực hiện bán hàng và hệ thống báo cáo		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
5.6	Động viên và phát triển đội ngũ bán hàng		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
5.7	Giám sát bán hàng		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
Chương 6	Chính sách lương thưởng với đội ngũ bán hàng	2	
6.1	Cân bằng nhu cầu trả lương với nguồn lực của công ty		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
6.2	Lựa chọn phương pháp lương thưởng phù hợp		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14

6.3	Đặt ra các mức độ lương thưởng		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
6.4	Lập kế hoạch trả lương thưởng		PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO13 PO14
Chương 7	Đánh giá kết quả làm việc	2	
7.1	Tiến hành tổng kết kết quả làm việc của đội ngũ bán hàng		PO2, PO5, PO11, PO12
7.2	Các tiêu chuẩn đánh giá nhân viên bán hàng		PO2, PO5, PO11, PO12
7.3	Phân biệt giữa thước đo đầu vào và đầu ra của kết quả bán hàng		PO2, PO5, PO11, PO12
7.4	Tầm quan trọng của kiểm soát chi phí		PO2, PO5, PO11, PO12
7.5	Giá trị của quy trình kiểm soát hành vi đối với nhân viên bán hàng		PO2, PO5, PO11, PO12
7.6	Các ưu thế và bất lợi của việc quản lý theo mục tiêu		PO2, PO5, PO11, PO12
Bài tập	Thực tập bán hàng trên thương trường	20	PO12, PO13, PO14

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị Marketing

Mã học phần: 000788

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Marketing căn bản, Lý thuyết xác suất thống kê

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Biết được các bước của tiến trình hoạt động quản trị marketing và quy trình các bước thực hiện hoạt động marketing;

MT2: Biết được quá trình và các công cụ lập kế hoạch marketing cho sản phẩm/thị trường cụ thể, nội dung và quy trình đưa ra các quyết định marketing cụ thể;

MT3: Nắm được cách phân tích môi trường marketing;

MT4: Biết được phương pháp hoạch định các chiến lược marketing bao gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối;

MT5: Nắm được các nội dung quản trị giá, kênh phân phối, truyền thông marketing tích hợp

MT6: Biết được phương pháp tổ chức thực hiện kế hoạch và chiến lược marketing và cách đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing.

• Về kỹ năng

MT7: Nâng cao kỹ năng giao tiếp, đàm phán thông qua công việc phỏng vấn, thu thập số liệu và báo cáo kết quả;

MT8: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo và quản trị thời gian để có thể tổ chức và sắp xếp thời gian hoàn thành một dự án nghiên cứu.

• **VỀ NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM**

MT8: Rèn luyện tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và khách hàng trong tương lai, xây dựng lòng tin và đạo đức trong nghiên cứu khi tiến hành một dự án nghiên cứu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000788	Quản trị Marketing	0	2	2	3	3	2	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	2	3	3	3	2	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Biết được các bước của tiến trình quản trị marketing.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT1 MT2 MT3	CO2	Nắm được các kỹ thuật phân tích môi trường marketing và lựa chọn thị trường mục tiêu	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT1 MT2 MT3 MT4	CO3	Biết được hệ thống tổ chức quản trị marketing	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT4 MT5	CO4	Biết được phương pháp đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7 MT8	CO5	Năng lực thu thập thông tin, phân tích, bình luận, đánh giá kế hoạch quản trị marketing	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Kỹ năng			
MT7	CO6	Kỹ năng phân tích dự đoán nhu cầu thị trường và khách hàng	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7 MT8	CO7	Năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một chiến lược Marketing	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Trách nhiệm đối với bản thân và khách hàng trong tương lai, xây dựng lòng tin và đạo đức trong tiến hành hoạt động marketing	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Quản trị Marketing là môn học cung cấp những kiến thức về tiến trình phân tích chiến lược marketing: phân tích môi trường marketing; Phân tích đối thủ cạnh tranh, phân đoạn thị trường, để đưa ra các chiến lược phát triển sản phẩm, định vị sản phẩm, và quản trị sản phẩm. Các phương pháp quản trị kênh phân phối, kênh truyền thông marketing tích hợp. Các phương pháp đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8.
Bài tập nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Có ý thức và thái độ tích cực khi tham gia buổi học.
- Thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7, CO8	10
3	Thuyết trình	25	Theo thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
4	Bài thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

10. Học liệu

10.2. Tài liệu học tập

[1] Phạm Thị Huyền, Trương Đình Chiến. 2012. *Giáo trình Quản trị marketing*. NXB Giáo dục Việt nam. [658.8 H527]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Dương Hữu Hạnh. 2007. *Quản trị marketing trong thị trường toàn cầu*. NXB Lao động - Xã hội. . [658.83 H107]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
BẢN CHẤT CỦA MARKETING VÀ QUẢN TRỊ MARKETING			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của marketing - Các phương thức quản trị marketing - Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ 	[1] Chương 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
PHÁT TRIỂN CÁC KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC MARKETING			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của kế hoạch hóa và các cấp lập kế hoạch của doanh nghiệp - Nội dung và quá trình lập kế hoạch chiến lược - Lập kế hoạch marketing - Môi quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch marketing 	[1] Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ NGHIÊN CỨU MARKETING			
2	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin marketing hay hệ thống trợ giúp ra quyết định Marketing - Nghiên cứu marketing - Đo lường và dự báo cầu thị trường và lượng bán 	[1] Chương 3	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
Bài tập: Xác định một vấn đề NC MKT.			
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG MARKETING			
3	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc phân tích môi trường marketing - Phân tích môi trường marketing vĩ mô - Phân tích môi trường marketing vi mô hay môi trường cạnh tranh trong ngành - Phân tích môi trường nội bộ - Sử dụng phân tích môi trường marketing trong phân tích SWOT 	[1] Chương 4	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
CÁC KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP			
4	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường tiêu dùng các nhân và hành vi của người tiêu dùng cá nhân - Thị trường và hành vi mua của các tổ chức - Sử dụng kết quả nghiên cứu hành vi mua trong <u>quản trị marketing</u> 	[1] Chương 5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
Bài tập nhóm			
PHÂN TÍCH ĐỐI THỦ CẠNH TRANH VÀ XÁC ĐỊNH LỢI THẾ CẠNH TRANH KHÁC BIỆT			
5	<ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm marketing về cạnh tranh - Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh - Xác định lợi thế cạnh tranh bền vững và sử dụng phân tích cạnh tranh trong quản trị marketing 	[1] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
PHÂN ĐOẠN THỊ TRƯỜNG VÀ LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU			
6	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị thế hiện tại của dn trên thị trường, đối tượng khách hàng hay thị trường cần phân đoạn 	[1] Chương 7	

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân chia thị trường theo các tiêu thức phù hợp - Đánh giá tiềm năng của các đoạn thị trường và phân tích lựa chọn thị trường mục tiêu - Lựa chọn phương thức marketing nhằm khai thác các đoạn thị trường mục tiêu - Hoạch định chiến lược marketing và marketing mix 		
CHIẾN LƯỢC KHÁC BIỆT HÓA VÀ ĐỊNH VỊ			
7	<ul style="list-style-type: none"> - Các chiến lược khác biệt hoá - Định vị và chiến lược định vị 	[1] Chương 8	
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SP MỚI VÀ CHIẾN LƯỢC MARKETING THEO CHU KỲ SỐNG SP			
8	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược phát triển sản phẩm mới - Chiến lược marketing theo chu kỳ sống sản phẩm 	[1] Chương 9	
CHIẾN LƯỢC MARKETING THEO VỊ THẾ CỦA DOANH NGHIỆP TRÊN THỊ TRƯỜNG VÀ THEO ĐUỔI CHUỖI GIÁ TRỊ			
9	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược marketing theo vị thế cạnh tranh - Các chiến lược marketing theo chuỗi giá trị 	[1] Chương 10	
QUẢN TRỊ SẢN PHẨM VÀ THƯƠNG HIỆU			
10	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề cơ bản trong quản trị sản phẩm - Quản trị thương hiệu - Kiểm tra sản phẩm - Tổ chức quản trị sản phẩm và thương hiệu 	[1] Chương 11	
QUẢN TRỊ GIÁ			
11	<ul style="list-style-type: none"> - Định giá bán sản phẩm - Chiến lược giá và phân biệt giá - Các quyết định về thay đổi/điều chỉnh giá 	[1] Chương 12	
QUẢN TRỊ KÊNH PHÂN PHỐI			
11	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc, hoạt động và hình thức tổ chức của hệ thống kênh phân phối - Tổ chức hay thiết kế (xây dựng) kênh phân phối - Quản lý kênh phân phối - Quyết định phân phối hàng hóa vật chất - Các trung gian bán buôn và bán lẻ trong kênh phân phối 	[1] Chương 13	
QUẢN TRỊ KÊNH TRUYỀN THÔNG MARKETING TÍCH HỢP			
12	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của truyền thông marketing tích hợp - Quảng cáo: Kế hoạch hóa và chiến lược - Xúc tiến bán hàng (khuyến mại) - Quan hệ công chúng (PR) - Quản trị bán hàng 	[1] Chương 14	
QUẢN TRỊ MARKETING TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN			
13	<ul style="list-style-type: none"> - Marketing trực tiếp - Internet marketing 	[1] Chương 15	

TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC MARKETING			
14	- Hệ thống tổ chức quản trị marketing - Thực hiện kế hoạch và biện pháp marketing	[1] Chương 16.	
ĐÁNH GIÁ, KIỂM SOÁT VÀ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG MARKETING			
15	- Vai trò và đặc điểm của hoạt động kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh marketing - Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hoạt động marketing - Thực hiện kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh marketing	[1] Chương 17.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh

Mã học phần: 0101000752

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45+ 90 = 135
	30	10	0	5	

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Kế toán quản trị, Phân tích báo cáo tài chính, Kế toán chi phí

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

MT2 Vận dụng kiến thức đã học để nhận thức được bản chất của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh.

- Về kỹ năng

MT3 Sinh viên có kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh.

MT4 Sinh viên có kiến thức chuyên môn về phân tích quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm xác định nguyên nhân tác động, đánh giá kết quả, phát hiện rủi ro từ đó giúp cho các nhà quản lý hoạch định chiến lược phát triển cho doanh nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5 Nhận thức được tầm quan trọng của công việc phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000752	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2	1	3	1	2	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	3	1	0	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Cung cấp kiến thức cơ bản theo hướng tiếp cận kế toán dưới dạng là một chuỗi các quá trình, sự kiện thu nhận, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng	PO1, PO3, PO4, PO5, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10
MT2	CO2	Hiểu rõ các quy trình kinh doanh chính trong đơn vị kinh doanh	PO1, PO3, PO4, PO5, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10
Kỹ năng			
MT3	CO3	Vận dụng những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị kinh doanh.	PO8, PO9, PO10
MT4	CO4	Tìm hiểu, đánh giá và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cho hệ thống thông tin kế toán	PO8, PO9, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này giúp sinh viên thấy được thực chất của quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng, giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng cho thấy nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến

động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
-----------------	----	---	------------------------------	----

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Phạm Văn Dược, Huỳnh Đức Lộng, Lê Thị Minh Tuyết (Chủ biên),.2009. Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Lao động, [658.151D557]

- Tài liệu tham khảo

[2] PGS. TS. Phạm Văn Dược. 2012. Bài tập - Bài giải Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Hồng Đức. [658.151 D557]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1-2	Chương 1. Những vấn đề chung về phân tích hoạt động kinh doanh 1.1. Ý nghĩa, mục tiêu của phân tích hoạt động kinh doanh 1.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh 1.3. Phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh 1.4. Phân loại và tổ chức công tác phân tích hoạt động kinh doanh	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3-4	Chương 2. Phân tích kết quả sản xuất 2.1. Ý nghĩa phân tích kết quả sản xuất 2.2. Phân tích kết quả sản xuất về mặt khối lượng 2.3. Phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng sản phẩm	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5-6	Chương 3. Phân tích giá thành sản phẩm 3.1. Ý nghĩa 3.2. Phân tích chung tình hình giá thành 3.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được 3.4. Phân tích chi phí sản xuất trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm 3.5. Phân tích các khoản mục giá thành	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7-8	Chương 4. Phân tích tiêu thụ và lợi nhuận 4.1. Ý nghĩa 4.2. Phân tích tình hình tiêu thụ 4.3. Phân tích tình hình lợi nhuận Chương 5. Phân tích báo cáo tài chính 5.1. Ý nghĩa phân tích báo cáo tài chính	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	5.2. Nguồn tài liệu & phương pháp phân tích 5.3 Vận dụng các phương pháp phân tích báo cáo tài chính		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kế toán quản trị

Mã học phần: 0101000626

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	30	10	0	5	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Nguyên lý kế toán

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Trình bày được cách tập hợp và phân loại chi phí; trình bày các chỉ tiêu, các ứng dụng của phương pháp phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận

MT2 Trình bày được tiến trình và nội dung các dự toán ở doanh nghiệp

Về kỹ năng

MT3 Thiết kế được bộ máy kế toán quản trị trong đơn vị

MT4 Thiết kế được các phương án kinh doanh ngắn hạn và lập được các dự án kinh doanh

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5 Trung thực, trách nhiệm, tỉ mỉ, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	Kế toán quản trị							

		0	0	0	3	0	2	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	2	2	2	2	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được cách tập hợp và phân loại chi phí; trình bày các chỉ tiêu, các ứng dụng của phương pháp phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận	PO4
MT2	CO2	Trình bày được tiến trình và nội dung các dự toán ở doanh nghiệp	PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Thiết kế được bộ máy kế toán quản trị trong đơn vị	PO9, PO10, PO12, PO13
MT4	CO4	Thiết kế được các phương án kinh doanh ngắn hạn và lập được các dự án kinh doanh	PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Trung thực, trách nhiệm, tỉ mỉ, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.	PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kế toán quản trị bao gồm những nội dung sau: giới thiệu tổng quan về kế toán quản trị, phân loại chi phí, mô hình phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận và ứng dụng của mô hình trong việc đưa ra các quyết định quản trị, hệ thống dự toán ngân sách hoạt động hàng năm.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia làm bài tập.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

- **Tài liệu chính**
[1] Đoàn Ngọc Quế và cộng sự, 2015. *Kế toán quản trị*. NXB Kinh tế TP.HCM. [658.151 Q507]
- **Tài liệu tham khảo**
[2] Huỳnh Lợi, 2012. *Kế toán quản trị*. NXB Phương Đông. [657.9 L462]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1-2	<p>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ</p> <p>1.1. Khái quát về tổ chức và công việc của nhà quản trị</p> <p>1.2. Bản chất kế toán và kế toán quản trị</p> <p>1.3. Doanh nghiệp và tổ chức kế toán quản trị doanh nghiệp</p> <p>Chương 2 : PHÂN LOẠI CHI PHÍ</p> <p>2.1. Khái quát về chi phí</p> <p>2.2. Phân loại chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh</p>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3-4	<p>Chương 3. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HOẠT ĐỘNG HÀNG NĂM</p> <p>3.1. Tổng quan về dự toán</p> <p>3.2. Định mức chi phí</p> <p>3.3. Hệ thống dự toán ngân sách hoạt động hàng năm</p>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
5-6	<p>Chương 4: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA CHI PHÍ – KHỐI LƯỢNG – LỢI NHUẬN</p> <p>4.1. Những khái niệm cơ bản thể hiện mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận</p> <p>4.2. Ứng dụng mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>4.3. Một số hạn chế và ứng dụng mở rộng phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận</p>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7-8	<p>Chương 5. THÔNG TIN THÍCH HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN</p> <p>5.1. Nhận diện thông tin thích hợp</p> <p>5.2. Mô hình phân tích thông tin thích hợp</p> <p>5.3. Ứng dụng thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh ngắn hạn</p> <p>Chương 6. THÔNG TIN THÍCH HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH DÀI HẠN</p> <p>6.1. Tổng quan về đầu tư dài hạn</p> <p>6.2. Thời giá tiền tệ và những ảnh hưởng đến vốn đầu tư dài hạn</p> <p>6.3. Thông tin thích hợp cho quyết định vốn đầu tư dài hạn</p>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kế toán tài chính

Mã học phần: 000628

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kế toán tài chính

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kế toán Tài chính

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Trang bị cho sinh viên hệ thống lí luận cơ bản về kế toán tài chính đã được áp dụng tại Việt Nam.

MT2: Hiểu được các nội dung cơ bản của hệ thống kế toán tài chính nói chung và các quy định cụ thể của kế toán Việt Nam hiện nay nói riêng.

MT3: Giúp cho sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp theo nhiều cấp độ khác nhau.

• Về kỹ năng

MT4: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.

MT5: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung Vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

MT6: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung các khoản phải thu tại doanh nghiệp

MT7: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung hàng tồn kho tại doanh nghiệp.

MT8: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung tài sản cố định doanh nghiệp.

MT9: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp.

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Có khả năng làm việc độc lập, xử lý và giải quyết tình huống, làm việc nhóm thông qua thuyết trình và giải bài tập, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT11: Nhận thức tầm quan trọng của các phân hành kế toán trong doanh nghiệp.

5. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
	Kế toán tài chính	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
2		2	2	3	3	2	2		
PO8		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14		
1		2	3	3	1	1	2		

6. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4	CO1	Hiểu và nhận thức được sự cần thiết của công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp.	PO1, PO2, PO3
MT1 MT2 MT3 MT5	CO2	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung Vốn bằng tiền tại doanh nghiệp	PO1, PO2, PO4, PO5, PO6
MT1 MT2 MT3 MT6	CO3	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung các khoản phải thu tại doanh nghiệp	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
MT1 MT2 MT3 MT7	CO4	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung hàng tồn kho tại doanh nghiệp.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
MT1 MT2 MT3 MT8	CO5	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung tài sản cố định doanh nghiệp.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
MT1 MT2 MT3 MT9	CO6	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp.	PO1, PO4, PO5, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12

Kỹ năng			
MT10 MT11	CO7	Vận dụng được kiến thức về các nội dung trong học phần để xử lý công việc thực tế trong doanh nghiệp.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10 MT11	CO8	Nhận thức tầm quan trọng của các nội dung công việc kế toán.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Hiểu rõ về các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán và nhiệm vụ của kế toán viên đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp cũng như biết cách định khoản các đối tượng kế toán liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với học phần này, sinh viên nắm được những kiến thức về kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, kế toán hàng tồn kho, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên có thể tự tin đảm trách được một số phần hành kế toán tương ứng.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
2	Thuyết trình nhóm, bài tập cá nhân	15	Chất lượng của buổi thuyết trình, giải các bài tập tại lớp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài tập kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi tự luận kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Hồ Thị Khánh Thành. Giáo trình Kế toán tài chính. 2016. Thư viện Đại học Nam Cần Thơ. TK.01457

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Xuân Nam. 2015. Kế toán tài chính. Tập 1. NXB Tài Chính. [657.48 N104.T1]

[3] Trần Xuân Nam. 2015. Kế toán tài chính. Tập 2. NXB Tài Chính. [657.48 N104.T2]

[4] Võ Văn Nhị. 2012. Bài tập kế toán tài chính. NXB Kinh Tế Tp. HCM. [657.076 Nh300]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp		
1	- Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán - Nội dung của tổ chức công tác kế toán	[2] Chương 1. Tr 7-30. [1]Chương1. Tr 1-22.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Kế toán vốn bằng tiền trong DN		
2-5	- Kế toán tiền mặt - Kế toán tiền gửi ngân hàng - Kế toán tiền đang chuyển - Kế toán ngoại tệ	[2] Chương 2. Trang 31-50. [1] Chương 2. Trang 23-55.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Kế toán các khoản phải thu và ứng trước		
6-7	- Kế toán Thanh toán với người mua - Kế toán Thuế GTGT được khấu trừ - Kế toán Các khoản phải thu khác - Kế toán Tạm ứng - Kế toán Chi phí trả trước - Kế toán Thế chấp, cầm cố, ký quỹ, ký cược - Kế toán Dự phòng phải thu khó đòi	[2] Chương 3. Trang 51-90. [1] Chương 3. Trang 55-94.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Kế toán các loại hàng tồn kho trong DN		

8-10	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán Nguyên vật liệu - Kế toán công cụ dụng cụ - Kế toán thành phẩm - Kế toán hàng gửi bán đại lý - Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho 	<p>[2] Chương 4. Trang 91-137.</p> <p>[1] Chương 4. Trang 95-134.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Kiểm tra giữa kỳ		
	Kế toán Tài sản cố định trong DN		
11-13	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quát về tài sản cố định - Hạch toán ban đầu và sổ sách kế toán về TSCĐ - Kế toán TSCĐ đi thuê - Kế toán khấu hao TSCĐ - Kế toán sửa chữa, nâng cấp TSCĐ 	<p>[2] Chương 5 Trang 138-195.</p> <p>[1] Chương 5. Trang 135-180.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Kế toán tiền lương, trích theo lương và tình hình thanh toán với người lao động		
14-15	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán tiền lương - Các hình thức tiền lương - Quỹ tiền lương, quỹ BHXH, quỹ BHYT, kinh phí công đoàn, BHTN - Phương pháp kế toán 	<p>[2] Chương 6. Trang 285-302.</p> <p>[1] Chương 6. Trang 181-199.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh Văn Chuyên Ngành 1 (Quản Trị Kinh Doanh)

Mã học phần: 0101000582

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: Anh Văn Căn Bản 1, 2, 3

Học phần học trước: Không Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh Tế

2. Thông tin về các giảng viên: Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

3.1 Về kiến thức

- MT1: Hiểu các câu và các cụm từ thường dùng trong giao tiếp cơ bản (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý, việc làm) (PO1)
- MT2: Hiểu và phân biệt được các tình huống văn hóa của các nước nói tiếng Anh (PO2)
- MT3: Biết cách phát âm rõ ràng các từ quen thuộc nhằm đạt được mục đích giao tiếp (PO3)

3.2 Về kỹ năng

- MT4: Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản và thường gặp về các vấn đề quen thuộc trong các tình huống kinh doanh (PO4)
- MT5: Làm quen với các tình huống trong tổ chức, quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng, marketing, kế hoạch kinh doanh và vốn trong quản trị ở trong nước cũng như nước ngoài (PO5).
- MT6: Làm việc độc lập và nhóm độc lập trong các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (PO6)

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.
- MT8: Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các lĩnh vực để tăng việc học và ứng dụng tiếng Anh một cách hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000582	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	0	2	3	2	1	2	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	2	3	2	2	2	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân biệt được các loại động từ ở quá khứ	PO13
MT1, MT3	CO2	Phân tích được cách nhấn trọng âm trong từ và câu	PO13
MT3	CO3	Phân biệt được các âm gần giống nhau	PO13
MT1, MT2	CO4	Biết và phân biệt được tính cách chung của các nước nói tiếng Anh để phân vùng và quản lý xuyên văn hóa.	PO5, PO6
Kỹ năng			
MT1 MT4, MT5	CO5	Giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc trong cuộc sống cũng như trong các tình huống kinh doanh.	PO13, PO15
MT1, MT2, MT4, MT5	CO6	Phân biệt được sự khác nhau trong những nền văn hóa của các nước trong các tình huống giao tiếp trong kinh doanh.	PO13
MT1, MT4, MT5	CO7	So sánh và liên hệ trong các tình huống giao tiếp trong kinh doanh.	PO8, PO13
MT6	CO8	Sử dụng tiếng Anh lưu loát, rõ ràng trong làm việc nhóm và độc lập trong các tình huống trong kinh doanh.	PO8, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1, MT4, MT5	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các tình huống học tập và làm việc: phỏng vấn xin việc, quản lý dây chuyền sản xuất...	PO12, PO13, PO14,
MT3	CO10	Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát âm trong tiếng Anh	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Chuyên Ngành 1 (AVCN) là học phần thứ nhất trong hệ thống các học phần Anh văn chuyên ngành (AVCN) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là English for Business Studies Student's Book: A Course for Business Studies and Economics Students (third edition) của NXB Đại học Cambridge. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 10, trong đó bao gồm 10 đơn vị bài học (10 Units) và 2 đơn vị

bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
Làm việc nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO4, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	5
2	Bài tập cá nhân	15	Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	kiểm tra giữa kỳ	15	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

[1] Ian Mackenzie, English for Business Studies Student's Book: A Course for Business Studies and Economics Students, Cambridge University Press, 2010 [428.24 M176]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Unit 1: Management + Grammar (G): Present simple review, Past simple. + Vocabulary (V): functions of management, what makes a good manager. + Pronunciation (P): sentence stress + Main content: (1) Consider what functions of management are; (2) Discuss what makes a good manager	Bài 1, trang 10-14	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	Unit 2: Work and Motivation + G: Present simple & Past simple review + V: motivation + P: sentence stress cont. + Main content: (1) Discuss the importance of motivation; (2) Compare and then summarize various theories of motivation; (3) Consider the best way to motivate people in specific situations.	Bài 2, trang 15-20	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	Unit 3: Company Structure + G: Present continuous, Past continuous + V: Company structure + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the different ways organizing work; (2) Discuss potential conflicts between different departments in a company; (3) Compare the differences between large and small companies.	Bài 3, trang 21-25	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Unit 4: Managing Across Culture + G: Modal verbs: can, must ... + V: Cultural types, Name of the countries + P: sentence stress & word stress	Bài 4, trang 26-29	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	+ Main content: (1) Consider the importance of cultural differences for people working across cultures. (2) Discuss the conflict between globalization and localization.		
5	Unit 5: Recruitment + G: Present perfect, relative clauses + V: Recruitment: vacancy, CV... + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the different stages of recruitment; (2) Discuss what makes a good CV/ resume and covering letter; (3) Compare good and bad practice in preparing a CV and covering letter	Bài 5, trang 30-37	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
6	Unit 5: Recruitment Cont. + G: Present perfect, relative clauses + V: Recruitment: vacancy, CV... + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the different stages of recruitment; (2) Discuss what makes a good CV/ resume and covering letter; (3) Compare good and bad practice in preparing a CV and covering letter	Bài 5, trang 30-37	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
7	Unit 6: Women in Business + G: Simple future + V: Women in business issues: leadership ranks, critical mass... + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the different stages of recruitment; (2) Discuss what makes a good CV/ resume and covering letter; (3) Compare good and bad practice in preparing a CV and covering letter.	Bài 6, trang 38-41	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Unit 6: Women in Business Cont. + G: Simple future + V: Women in business issues: leadership ranks, critical mass... + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the importance of women in business; (2) Discuss attitudes towards women in business today.	Bài 6, trang 38-41	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9	Review for midterm test + Review grammar (Unit 1 – Unit 6) + Review Vocabulary(Unit 1 – Unit 6)	Bài ôn giảng viên soạn từ Unit 1 – Unit 6	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Midterm test (reading, grammar, vocabulary)		CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
11	Unit 7: The Difference Sectors of The Economy + G: Question words: How many, What... + V: Sectors of The Economy, activities in business process: assembling, marketing products... + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the different sectors of the economy; (2) Discuss changes that have taken place in the different sectors of the economy.	Bài 7, trang 42-46	

12	Unit 8: Production + G: Passive (Simple present & Simple past) + V: Production: plant, supply chain... + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss the process of industrial production; (2) Consider the global impact of international supply chains	Bài 8, trang 47-50	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
13	Unit 9: Logistics + G: Relative clauses cont. + V: Logistics terms: pull strategies, etc. + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Compare different strategies for stock control and manufacturing; (2) Discuss potential supply chain risks	Bài 9, trang 51-55	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
14	Unit 10: Quality + G: Review Grammar. + V: Quality terms: reliability, durability, etc. + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss different managerial approaches to quality; (2) Consider how companies try to ensure quality.	Bài 10, trang 56-59	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
15	Review for final test + Review grammar (Unit 1 – Unit 10) + Review Vocabulary(Unit 1 – Unit 10)	Bài ôn giảng viên soạn từ Unit 1 – Unit 10	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh Văn Chuyên Ngành 2 (Quản Trị Kinh Doanh)

Mã học phần: 000586

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: Anh Văn Căn Bản 1, 2, 3

Học phần học trước: Anh văn chuyên ngành 1 **Học phần học song hành:** Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh Tế

2. Thông tin về các giảng viên: Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

3.1 Về kiến thức

MT1: Hiểu các câu và các cụm từ thường dùng trong giao tiếp cơ bản (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý, việc làm) (PO1)

MT2: Hiểu và phân biệt được các tình huống văn hóa của các nước nói tiếng Anh (PO2)

MT3: Biết cách phát âm rõ ràng các từ quen thuộc nhằm đạt được mục đích giao tiếp (PO3)

3.2 Về kỹ năng

MT4: Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản và thường gặp về các vấn đề quen thuộc trong các tình huống kinh doanh (PO4)

MT5: Làm quen với các tình huống trong tổ chức, quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng, marketing, kế hoạch kinh doanh và vốn trong quản trị ở trong nước cũng như nước ngoài (PO5).

MT6: Làm việc độc lập và nhóm độc lập trong các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (PO6).

3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các lĩnh vực để tăng việc học và ứng dụng tiếng Anh một cách hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000586	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	0	3	3	3	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	2	2	2	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân biệt được các loại động từ ở hiện tại, quá khứ và tương lai	PO13
MT1, MT3	CO2	Phân tích được cách nhấn trọng âm trong từ và câu	PO13
MT3	CO3	Phân biệt được các âm gần giống nhau	PO13
MT1, MT2	CO4	Biết và phân biệt được tính cách chung của các nước nói tiếng Anh để phân vùng được các quản lý xuyên văn hóa.	PO3, PO6, PO13
Kỹ năng			
MT1, MT4, MT5	CO5	Giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc trong cuộc sống cũng như trong các tình huống kinh doanh như: hội họp, hẹn lịch...	PO2, PO3, PO6, PO8, PO13
MT1, MT2, MT4, MT5	CO6	Phân biệt được sự khác nhau trong những nền văn hóa của các nước trong các tình huống giao tiếp trong kinh doanh.	PO8, PO13
MT1, MT4, MT5	CO7	So sánh và liên hệ trong các tình huống giao tiếp trong kinh doanh.	PO8, PO13
MT6	CO8	Sử dụng tiếng Anh lưu loát, rõ ràng trong làm việc nhóm và độc lập trong các tình huống trong kinh doanh.	PO6, PO8, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1, MT4, MT5	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các tình huống học tập và làm việc: phỏng vấn xin việc, quản lý marketing quảng cáo...	PO12, PO13
MT3	CO10	Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát âm trong tiếng Anh	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Chuyên Ngành 2 (AVCN) là học phần thứ hai trong hệ thống các học phần Anh văn chuyên ngành (AVCN) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy.

Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là sự kết hợp của các hai bộ giáo trình English for Business Studies Student's Book: A Course for Business Studies and Economics Students (third edition) của NXB Đại học Cambridge và English for Work: Everyday Business English của NXB Longman. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 12, trong đó bao gồm 12 đơn vị bài học (12 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
Làm việc nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO4, CO9, CO10

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	5 5

2	Bài tập cá nhân	15	Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	kiểm tra giữa kỳ	15	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

[1] Ian Mackenzie. English for Business Studies Student's Book: A Course for Business Studies and Economics Students. Cambridge University Press. 2010.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Unit 1: Types of Business Organizations + Grammar (G): Simple present, Modal verb + Vocabulary (V): types of business organizations + Pronunciation (P): sentence stress + Main content: Consider of Business organization	Bài 6, trang 43-57 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	Unit 2: Marketing and Advertisement + G: Simple present, Modal verb, Comparison + V: Marketing and advertisement + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the product life cycle and the role of marketing; (2) Discuss pricing and distribution strategies; (3) Analyse the different kinds of sales promotions	Bài 12,13, trang 64-72 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	Unit 3: Stocks and shares + G: Tenses, Relative clauses + V: Stocks and shares + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the uses of stocks and shares and ways of talking about price changes; (2) Discuss different possible investments	Bài 17, trang 86-90 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Unit 4: Takeovers, mergers and buyouts + G: Tenses, Relative clauses Cont. + V: Takeovers, mergers and buyouts related terms + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the reasons for takeovers, mergers and buyout, and competition laws; (2) Discuss whether dominant companies are bad for competition	Bài 21, trang 105-108 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
5	Unit 5: Central banking, money and taxation + G: common verb-noun combinations: charge interests, give services, etc. + V: Banks and financial institutions, kinds of taxes + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss banking products and services and different types of banks; (2) Discuss the subprime crisis and microfinance	Bài 14, trang 73-76 [1].	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
6	Unit 6: Exchange rates + G: Simple Present + V: Countries and the currencies + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Consider the cause of exchange rate fluctuations; (2) Discuss the desirability of a tax on currency transactions.	Bài 26, trang 128-131 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
7	Unit 7: Money matters + G: relative clauses: which, who... + V: kinds of money + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss about types and functions of money in business.	Bài 8, trang 74-80 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Unit 8: The business cycle + G: Tenses & Passive + V: Cycle of business + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss what causes the business cycle; (2) Discuss the effects of business cycle on economy.	Bài 23, trang 114-118 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9	Review for midterm test + Review grammar (Unit 1 – Unit 8) + Review Vocabulary (Unit 1 – Unit 8)	Bài ôn giảng viên soạn từ Unit 1 – Unit 8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Midterm test (reading, grammar, vocabulary)		CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
11	Unit 9: A company visit & meetings + G: Preposition cont., Present perfect + V: Showing direction, transportation + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Learn how to introduce the company and make a tour to visit another company.	Bài 2, trang 13-22 [1]	
12	Unit 10: Business Etiquette + G: Passive revision + V: Ethics and behaviors in business in Vietnam and in some English speaking countries + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss the best way to be successful in business conversation.	Bài 5, trang 31-40 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
13	Unit 11: On the phone + G: Preposition, Simple Present, Simple future + V: Time, Days, Phone + P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss how to make good impression on the phone when calling or receiving phone call from customers.	Bài 1, trang 5-12 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
14	Unit 12: Job Interviews + G: Revision all tenses + V: Tips and expressions before going to the interview	Bài 4, trang 24-30 [1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	+ P: sentence stress & word stress + Main content: (1) Discuss how to make good impression in the first job interview.		
15	Review for final test + Review grammar (Unit 1 – Unit 12) + Review Vocabulary(Unit 1 – Unit 12)	Bài ôn giảng viên soạn từ Unit 1 – Unit 12	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế

Mã học phần: 000756

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Hiểu biết phương pháp khoa học khi tiến hành nghiên cứu vấn đề trong quản trị kinh doanh;

MT2 Xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

MT3 Thiết kế tiến trình thực hiện nghiên cứu;

MT4 Thu thập thông tin và xử lý số liệu;

MT5 Trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Về kỹ năng

MT6 Vận dụng kiến thức để hình thành vấn đề nghiên cứu;

MT7 Có khả năng xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học;

MT8 Hoàn thiện kỹ năng viết và kỹ năng thuyết trình một nghiên cứu khoa học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT9 Nhận thức và giải quyết vấn đề trong quản trị kinh doanh dựa trên tư duy khoa học;

MT10 Có đạo đức trong nghiên cứu;

MT11 Cộng tác trong nghiên cứu/làm việc nhóm một cách hữu hiệu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000756	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	0	3	3	1	2	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	2	3	3	2	3	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT6 MT9	CO1	Tổng quan về NCKH, phân loại các dạng nghiên cứu khoa học, các bước thực hiện nghiên cứu khoa học, các tiêu chuẩn của một nghiên cứu tốt.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT2 MT6 MT9	CO2	Cách lập luận quan trọng trong nghiên cứu khoa học.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT7	CO3	Cách thực hiện đề cương NCKH, xây dựng giả thuyết, cách lược khảo và trích dẫn tài liệu.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT3 MT4	CO4	Phân biệt các loại số liệu, thang đo, phương pháp thu thập dữ liệu, cách phân tích và xử lý số liệu.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7	CO5	Cách viết báo cáo, cấu trúc một báo cáo nghiên cứu, các yêu cầu đối với một báo cáo nghiên cứu.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT8	CO6	Cách thuyết trình báo cáo nghiên cứu, xây dựng và báo cáo đề cương nghiên cứu.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Kỹ năng			
MT5 MT8 MT11	CO7	Vận dụng được kiến thức để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14

MT10	CO8	Biết và nhận thức được các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học.	PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10 MT11	CO9	Biết cách triển khai một nghiên cứu khoa học trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề mà doanh nghiệp, cá nhân quan tâm	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần nhằm giúp cho sinh viên có hiểu biết về việc thực hiện một nghiên cứu khoa học. Phần đầu của học phần trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong quản trị kinh doanh. Phần tiếp theo sẽ tập trung vào các đo lường trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu. Cuối cùng, học phần giới thiệu về cách xây dựng một đề cương nghiên cứu cách viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

- Bài tập: Hoàn thành từng phần đề cương theo sự hướng dẫn và phân công của giáo viên.

- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Bài tập cá nhân, kiểm tra giữa kỳ	30	Chất lượng sản phẩm giao nộp Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Đề cương nghiên cứu	50	Theo thang điểm tiêu chí đánh giá RUBRICS của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

[1] Nguyễn Đình thọ, 2011. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. NXB Lao động – Xã hội. [658.57 Th400].

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1. Tổng quan về nghiên cứu khoa học 1.1. Khái niệm, phân loại nghiên cứu khoa học. 1.2. Phân loại các dạng NCKH. 1.3. Các bước thực hiện NCKH. 1.4. Các tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức của một NCKH.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	Chương 2. Tư duy khoa học trong nghiên cứu 2.1. Những nguyên tắc cốt lõi của nghiên cứu. 2.2. Cách lập luận quan trọng trong nghiên cứu. 2.3. Các yếu tố quan trọng trong nghiên cứu.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3-4-5	Chương 3. Đề cương nghiên cứu 3.1. Xây dựng cơ sở lý thuyết. Xây dựng mô hình nghiên cứu. Xây dựng giả thuyết 3.2. Lược khảo và trích dẫn tài liệu.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Bài tập 1: Ứng dụng thực hiện đề cương nghiên cứu sơ bộ với một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.		
6-7	Chương 4. Thu thập và phân tích dữ liệu 4.1. Các loại số liệu. Thang đo trong nghiên cứu 4.2. Phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu Bài tập 2: Hoàn thành mục tiêu phương pháp nghiên cứu và phương pháp thu thập dữ liệu với các mục tiêu nghiên cứu đã đề xuất.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8-9-10	Chương 5. Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu 5.1. Các yêu cầu đối với một báo cáo nghiên cứu. 5.2. Cấu trúc một báo cáo nghiên cứu 5.3. Thuyết trình báo cáo nghiên cứu. 5.4. Xây dựng và báo cáo đề cương nghiên cứu	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị hành chính văn phòng

Mã học phần: 000770

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	15	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

• Về kiến thức

MT1: Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về quản trị hành chính văn phòng.

MT2: Vận dụng được các nghiệp vụ cơ bản trong công tác quản trị hành chính văn phòng.

• Về kỹ năng

MT3: Kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng như: tiến trình xử lý công văn, thu thập xử lý thông tin, hoạch định tổ chức các cuộc hội họp, các chuyến công tác

MT4: Kỹ năng làm việc hành chính văn phòng trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp...

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT6: Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000770	Quản trị HCVP	0	1	0	0	2	1	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	3	3	2	2	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về quản trị hành chính văn phòng	PO2, PO5, PO6
MT2	CO2	Vận dụng được các nghiệp vụ cơ bản trong công tác quản trị hành chính văn phòng.	PO2, PO7, PO8
Kỹ năng			
MT3	CO3	Kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng như: tiến trình xử lý công văn, thu thập xử lý thông tin, hoạch định tổ chức các cuộc hội họp, các chuyên công tác	PO7, PO8, PO9, PO10
MT4	CO4	Kỹ năng làm việc hành chính văn phòng trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp...	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên.	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, nhấn mạnh đến hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Đồng thời qua môn học sinh viên còn được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản 2 trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4,
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4

Bài tập tình huống	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3,CO4	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3,CO4	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
4	Thi kết thúc HP. TỰ luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An. 2011. Quản trị hành chính văn phòng, NXB Tổng hợp TP. HCM. [658.4 Ph561]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Vương Thị Kim Thanh. 2009. Quản trị hành chính văn phòng, NXB Thống kê. [658.4 Th107]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng Quản trị hành chính văn phòng Tổ chức bộ máy văn phòng	[1] CHƯƠNG 1	CO1, CO2, CO3, CO4
2	QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG Quản trị thời gian. Quản trị thông tin, hồ sơ	[1] Ch. 2	CO1, CO2, CO3, CO4
3 - 4	MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CƠ BẢN CỦA VĂN PHÒNG Hoạch định, tổ chức các cuộc họp Hoạch định, sắp xếp các chuyến đi công tác	[1] CHƯƠNG 3 :	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5 - 6	TỔ CHỨC CÔNG TÁC LỄ TÂN Lễ tân và vai trò của công tác lễ tân. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động lễ tân. Hoạt động đón tiếp khách tại cơ quan. Tiếp khách qua điện thoại Lễ tân hội nghị và tiệc chiêu đãi	[1] CHƯƠNG 4 :	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7 - 8	SOẠN THẢO VÀ QUẢN LÝ VĂN BẢN Tổ chức công tác văn thư. Nguyên tắc soạn thảo văn bản. Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính. Giải quyết và quản lý văn bản	[1] CHƯƠNG 5:	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9 - 10	CÔNG TÁC LƯU TRỮ Khái niệm, vai trò, tính chất của công tác lưu trữ Công tác thu thập bổ sung tài liệu lưu trữ Công tác chỉnh lý tài liệu lưu trữ Xác định giá trị tài liệu. Tiêu chuẩn Thống kê và kiểm tra tài liệu. Bảo quản tài liệu lưu trữ Tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ	[1] CHƯƠNG 6 :	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thị trường chứng khoán

Mã học phần: 000824

Số tín chỉ: 2 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	10	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn tài chính ngân hàng

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn tài chính ngân hàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành và hoạt động của SGĐCK nói chung và của Việt Nam nói riêng.

MT2: Nắm vững các kiến thức, kỹ thuật cơ bản của phân tích và định giá một số loại chứng khoán như : cổ phiếu và trái phiếu

MT3: Ứng dụng thực hiện giao dịch trên thị trường chứng khoán. Có thể thực hiện phân tích cơ bản và kỹ thuật các cổ phiếu trong quá trình đầu tư vào thị trường.

• Về kỹ năng

MT4: Kỹ năng phân tích các khái niệm cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các phương thức, điều kiện phát hành chứng khoán các hình thức niêm yết chứng khoán;

MT5: Kỹ năng phân biệt được các hình thức tổ chức và phương thức giao dịch chứng khoán cũng như phân biệt và hiểu được các quy định khi giao dịch chứng khoán;

MT6: Kỹ năng hiểu, phân tích và nhận định được tình hình biến động thị trường, có khả năng phân tích cơ bản trong đầu tư chứng khoán;

MT7: Kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giúp các chủ thể trong nền kinh tế thực hiện việc huy động vốn qua các kênh phát hành.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc;

MT9: Nhận thức tầm quan trọng của các công cụ như cổ phiếu, trái phiếu và các khía cạnh về thị trường tài chính, hệ thống tài chính,... làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, chứng khoán về sau.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000824	Thị trường chứng khoán	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu những nội dung cơ bản về thị trường vốn và thị trường chứng khoán	PO2, PO3, PO4, PO14
MT1	CO2	Nắm vững khái niệm, cách phân loại, đặc điểm, lợi nhuận và rủi ro của các loại trái phiếu	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO3	Nắm vững khái niệm, cách phân loại, đặc điểm, lợi nhuận và rủi ro của các loại cổ phiếu	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Phân tích được sự khác biệt giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT4	CO5	Nắm vững lịch sử hình thành, khái niệm, đặc điểm và các thành viên tham gia trên thị trường chứng khoán	PO2, PO3, PO4, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Nắm vững phương thức hoạt động và giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán	PO2, PO3, PO6, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO7	Phân tích lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư vào các công cụ trên thị trường chứng khoán	PO2, PO3, PO6, PO14
Kỹ năng			
MT7 MT9	CO8	Vận dụng được kiến thức về thị trường chứng khoán để thực hiện việc huy động vốn qua các kênh phát hành	PO2, PO3, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của công cụ như cổ phiếu,	PO13, PO14

MT9		trái phiếu và các khái niệm về thị trường tài chính, hệ thống tài chính,... làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, chứng khoán về sau.	
-----	--	---	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Thị trường chứng khoán đề cập đến những cơ sở lý luận và thực tiễn về thị trường chứng khoán, chứng khoán và phát hành chứng khoán, các hình thức tổ chức và giao dịch trên thị trường chứng khoán, Sau khi học xong học phần này người học có những kiến thức nền tảng về chứng khoán và thị trường chứng khoán để tiếp tục cho việc nghiên cứu và học tập các kiến thức chuyên sâu thuộc chuyên ngành tài chính – kế toán – ngân hàng, có khả năng công tác tại các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, các công ty cổ phần và có khả năng hiểu, đánh giá, lựa chọn tham gia các hoạt động đầu tư tài chính một cách chủ động.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt	CO1, CO2, CO3, CO4,	5

	cần	10	động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO5, CO6	5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bùi Kim Yên. 2009. *Giáo trình Thị trường chứng khoán*. NXB Giao thông vận tải. [332.642 Y254]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Tổng quan thị trường chứng khoán		
1-2	- Sự ra đời và hình thành TTCK - Khái niệm, vai trò TTCK - Các hành vi tiêu cực trên TTCK - Phân loại TTCK - Các chủ thể tham gia trên TTCK - Nguyên tắc hoạt động của TTCK	[1] Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chứng khoán và phát hành chứng khoán		
2	- Chứng khoán nợ - trái phiếu - Chứng khoán vốn – cổ phiếu - Chứng khoán phái sinh - Chứng chỉ quỹ đầu tư - Phát hành chứng khoán	[1] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	Bài tập 1. Giải các bài tập định giá trái phiếu và cổ phiếu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	
	Các định chế tài chính trên thị trường CK		
4-5	- Công ty chứng khoán. Khái niệm - Chức năng của công ty chứng khoán - Các mô hình tổ chức cty CK - Quỹ đầu tư. Công ty cổ phần	[1] Chương 3,9,10.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
6	Kiểm tra giữa kỳ		
	Sở giao dịch chứng khoán		
7	- Khái niệm, vai trò của sở giao dịch CK - Mô hình tổ chức của sở GDCK - Những nguyên tắc hoạt động cơ bản của sở giao dịch CK - Phương thức hoạt động và giao dịch trên sở	[1] Chương 7.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	giao dịch chứng khoán. - Sàn giao dịch HOSE, Sàn giao dịch HNX		
8 - 9	Phân tích và đầu tư chứng khoán		
	- Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư CK - Chiến lược đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư - Giới thiệu về các phương pháp phân tích CK - Phân tích cơ bản. Phân tích kỹ thuật.	[1] Chương 11.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Bài tập 3. Giải các bài tập liên quan đến lợi nhuận của nhà đầu tư thông qua việc mua bán các công cụ trên thị trường chứng khoán		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Khởi tạo doanh nghiệp

Mã học phần: 000668

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	15	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Lý giải lý do cần thiết phải khởi nghiệp, nhận biết những đặc trưng và tố chất cần có của một doanh nhân;

MT2: Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của khởi nghiệp;

MT3: Vận dụng ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh;

MT4: Xác định tính khả thi của dự án kinh doanh;

MT5: Nhận biết loại hình doanh nghiệp và các thủ tục đăng ký kinh doanh.

• Về kỹ năng

MT6: Thu thập thông tin, tư duy logic, xử lý, đánh giá, phân tích;

MT7: trình bày, thuyết trình, biện hộ, phản biện;

MT8: Tổ chức kế hoạch kinh doanh.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT9: Tinh thần doanh nhân, có trách nhiệm trong công việc, tác phong làm việc chuyên nghiệp, đạo đức trong kinh doanh.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000668	Khởi tạo doanh nghiệp	0	2	3	3	2	2	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	2	3	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT6 MT9	CO1	Tổng quan về khởi sự doanh nghiệp, sự cần thiết phải khởi sự doanh nghiệp.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT2 MT6 MT9	CO2	Tổ chất và đặc điểm cá nhân của doanh nhân, các kỹ năng cần thiết của một doanh nhân.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT7	CO3	Hình thành ý tưởng kinh doanh, thực hành tìm ý tưởng kinh doanh. Bài học kinh nghiệm từ các doanh nhân thành đạt.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT3 MT4	CO4	Phân tích thị trường, lập kế hoạch marketing, kế hoạch nhân sự, kế hoạch vốn khởi nghiệp.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT7	CO5	Lập kế hoạch doanh thu và chi phí, đánh giá tính hiệu quả và khả thi của dự án.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT5 MT8	CO6	Lựa chọn loại hình doanh nghiệp, thực hiện đăng ký kinh doanh.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Kỹ năng			
MT5 MT8	CO7	Thu thập thông tin, tư duy logic, xử lý, đánh giá, phân tích.	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
MT8	CO8	Trình bày, thuyết trình, biện hộ, phản biện	PO2, PO3, PO5, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO9	Đạo đức trong kinh doanh, có tinh thần doanh nhân và có trách nhiệm trong công việc.	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về khởi sự doanh nghiệp, đánh giá cơ hội, tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giải thích các nội dung của bài giảng sau mỗi buổi học.
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết.
- Thực hiện thảo luận cá nhân/nhóm và hoàn thành bài tập nhóm
- Chuẩn bị bài báo cáo nhóm
- Thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
3	Thuyết trình	25	Theo thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
4	Bài tiểu luận kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

10. Học liệu

Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Ngô Quang Thuận, Trần Anh Minh. 2017. Quản trị khởi nghiệp. NXB Hồng Đức. [650.1 D307]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Cơ sở để khởi tạo doanh nghiệp		
1-2-3-	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cần thiết phải khởi sự doanh nghiệp. - Tổ chất và đặc điểm của một doanh nhân. - Các kỹ năng cần thiết của một doanh nhân - Hình thành ý tưởng kinh doanh khả thi - Thử nghiệm ý tưởng kinh doanh 	[1] Chương 1, 2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.
	Bài tập thực hành: Thực hành tìm ý tưởng kinh doanh		
	Lập kế hoạch kinh doanh		
4-5-6	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc, nội dung và hình thức của bản kế hoạch kinh doanh dành cho người khởi sự. - Phân tích thị trường - Lập kế hoạch marketing; nhân sự - Lập kế hoạch vốn khởi sự - Lập kế hoạch doanh thu và chi phí - Đánh giá tính hiệu quả và khả thi của dự án 	[1] Chương 2,3,4,5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập: Thực hành lập kế hoạch và đánh giá tính hiệu quả và khả thi của dự án.		
	Lựa chọn loại hình doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh		
7-8-9	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn loại hình doanh nghiệp - Thực hiện đăng ký kinh doanh 	[2] tài liệu tập huấn có liên quan.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Bài tập thực hành lựa chọn loại hình doanh nghiệp và mô phỏng thực hiện đăng ký kinh doanh		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Văn hóa doanh nghiệp & Đạo đức kinh doanh

Mã học phần: 0101000605

Số tín chỉ: 2 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	24	6	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Biết các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, và xây dựng đạo đức kinh doanh

MT2: Hiểu được các dạng văn hoá doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hoá doanh nghiệp, xây dựng văn hoá doanh nghiệp và văn hoá trong hoạt động kinh doanh.

• Về kỹ năng

MT3: Có thể đánh giá các chuẩn mực đạo đức với các mối quan hệ bên trong lẫn bên ngoài đơn vị. Từ đó có thể thiết lập hệ thống chuẩn mực đạo đức cho doanh nghiệp.

MT4: Biết cách gây dựng niềm tin, và xây dựng hệ thống văn hóa cho tổ chức, doanh nghiệp với các môn học khác trong khối kiến thức chuyên ngành.

• Về thái độ:

MT5: Hiểu được tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp trong hoạt động của nền kinh tế nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Biết vận dụng yếu tố đạo đức kinh doanh và văn hóa trong quản trị doanh nghiệp và xây dựng quy chuẩn trong kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000605	Văn hóa doanh nghiệp & Đạo đức kinh doanh	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được khái niệm, vai trò đạo đức trong kinh doanh	PO2, PO3, PO14
MT1	CO2	Các chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO3	Các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ nền kinh tế toàn cầu	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2 MT4	CO5	Văn hóa doanh nghiệp và các vấn đề về biểu hiện, các nhân tố hình thành văn hóa doanh nghiệp	PO2, PO3, PO5, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: phong cách quản lý, hệ thống tổ chức, chương trình đạo đức	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
MT1 MT2 MT4 MT6	CO7	Văn hóa doanh nghiệp thể hiện qua các hoạt động xây dựng thương hiệu, marketing, đàm phán, thương lượng....	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Kỹ năng			
MT4 MT6	CO8	Vận dụng được kiến thức về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp vào thực tiễn.	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1 MT6	CO9	Nhận thức và ứng dụng quan trọng của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp vào thực tiễn hoạt động, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu và hoạt động bền vững	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Dựa trên nền tảng kiến thức về kinh tế (kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô), người học được

trang bị thêm kiến thức về văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh để có thêm cái nhìn khái quát, bản chất hoạt động kinh doanh. Đây là cơ sở vừa để đánh giá, vừa để ứng dụng hiệu quả vào hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. Tự luận	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

11. Học liệu

[1] Phạm Quốc Toàn. 2017. Đạo đức kinh doanh & văn hóa doanh nghiệp. NXB Lao Động – Xã Hội. [174.4 T406]

[2] Nguyễn Mạnh Quân. 2011. Đạo đức kinh doanh & văn hóa công ty. Đại Học Kinh Tế Quốc Dân. [658 Q121]

12. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc, tham khảo	CDR của HP
1	Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh Các khái niệm	[1] Chương 1	CO1, CO2, CO3
	Sự phát triển của đạo đức kinh doanh ở phương Tây hiện đại		
	Ý nghĩa của việc nghiên cứu đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp		
2	Sự xuất hiện của vấn đề đạo đức trong kinh doanh Vấn đề đạo đức trong kinh doanh là gì?	[1] Chương 2	
	Nguồn gốc của vấn đề đạo đức		
	Nhận diện các vấn đề đạo đức		
	Các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	[1] Chương 3	
	- Nghĩa vụ kinh tế, pháp lý, đạo đức, nhân văn		
	- Các cách tiếp cận việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		
3	Nghiên cứu hành vi đạo đức kinh doanh Quyết định liên quan đến đạo đức kinh doanh Cách tiếp cận với quá trình ra quyết định về đạo đức	[1] Chương 4	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Quá trình ra quyết định về đạo đức trong kinh doanh		
	Các tác nhân của quá trình ra quyết định - nhân tố “đầu vào”	[1] Chương 5	
	Mức độ bức xúc của vấn đề đạo đức		
	Trạng thái ý thức đạo đức của cá nhân		
	Văn hóa doanh nghiệp		
4	Phân tích hành vi đạo đức (Algorithm) Các tiếp cận với các quyết định về đạo đức theo algorithm đạo đức	[1] Chương 6	
	Các nhân tố cơ bản của Algorithm đạo đức		
	Xác minh các nhân tố cơ bản của Algorithm thông qua một số tình huống đạo đức điển hình		
	Kiểm tra giữa kỳ		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5 - 6	Văn hóa doanh nghiệp Khái niệm, đặc điểm Văn hóa doanh nghiệp thể hiện “tính cách” của doanh nghiệp	[1] Chương 7	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Tính chất “mạnh”, “yếu” của văn hóa doanh nghiệp		
	Bản chất của văn hóa doanh nghiệp Vai trò chiến lược của văn hóa doanh nghiệp		
	Quản lý bằng giá trị - MBV		

	Biểu trưng của văn hóa doanh nghiệp Các biểu trưng trực quan của văn hóa doanh nghiệp. Các biểu trưng phi trực quan của văn hóa doanh nghiệp. Xác minh văn hóa doanh nghiệp	[1] Chương 8	
7	Các dạng văn hóa DN		
	Biểu trưng của văn hóa doanh nghiệp		
8	Vận dụng trong quản lý – Tạo lập văn hóa doanh nghiệp Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp Bản sắc văn hóa doanh nghiệp Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp	[1] Chương 9	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Hoàn thiện hệ thống tổ chức Lựa chọn mô hình tổ chức Các quan điểm tổ chức định hướng môi trường Các quan điểm tổ chức định hướng con người Cách tiếp cận của quản lý thực hành	[1] Chương 10	
9 - 10	Xây dựng phong cách quản lý Các quan điểm về vai trò của quản lý Năng lực lãnh đạo và quyền lực của người quản lý. Phong cách lãnh đạo Vận dụng trong quản lý Thiết lập hệ thống triển khai đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp Hệ thống các chuẩn mực hành vi, tiêu chuẩn cam kết đạo đức. Các chương trình đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp. Hệ thống thanh tra đạo đức	[1] Chương 11	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo

Mã học phần: 000916

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	21	09	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Tâm lý học căn bản; Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh.

Học phần học trước: Quản trị học; Quản trị nguồn nhân lực

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn QTKD

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

MT1: Xác định những nội dung cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp.

MT2: Xác định các cơ sở thông tin quản trị doanh nghiệp.

MT3: Xác định các phương pháp xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp.

MT4: Thiết kế hệ thống thông tin quản trị và nhiệm vụ cụ thể của từng quy trình này.

MT5: Trình bày các tính toán kinh tế - tài chính trong hệ thống thông tin doanh nghiệp.

❖ Về kỹ năng

MT6: Ứng dụng các kiến thức đã học hỗ trợ ra quyết định của doanh nghiệp trên cơ sở thông tin quản trị;

MT7: Giải quyết các tình huống thường gặp trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Có tác phong chuyên nghiệp; Học tập sáng tạo, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

MT9: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT10: Hiểu rõ tầm quan trọng của thông tin đối với công tác quản trị doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000916	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	0	3	3	3	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	3	3	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được những vấn đề cơ bản về Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	PO2
MT2	CO2	Hiểu được cơ sở tổ chức thông tin doanh nghiệp	PO5
MT3	CO3	Biết được và vận dụng được các phương pháp xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO3, PO5
MT2 MT3 MT4	CO4	Hiểu và thiết kế được hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO5, PO9, PO10
MT5	CO5	Hiểu và vận dụng được các tính toán kinh tế - tài chính trong hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO4, PO11
MT5	CO6	Biết được các hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp	PO3, PO9
Kỹ năng			
MT6 MT7	CO7	Vận dụng được kiến thức về tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp để xây dựng bộ máy quản lý doanh nghiệp và quy trình thông tin doanh nghiệp	PO4, PO7, PO10, PO11
MT2 MT3 MT4 MT5	CO8	Vận dụng các lý thuyết về quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp để thiết kế hệ thống thông tin cho một doanh nghiệp cụ thể	PO9, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9 MT10	CO9	Hiểu rõ tầm quan trọng của thông tin đối với công tác quản trị doanh nghiệp, từ đó có các quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Người học sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và giúp sinh viên có thể thiết kế một hệ thống thông tin có hiệu quả nhằm phục vụ cho nhà quản trị doanh nghiệp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO3, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu ở nhà

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
2	Bài tập cá nhân	10	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7, CO8	10
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Thi tự luận. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

[1]. Ngô Minh Vương (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Sang, Nguyễn Thành Sơn, Dương Thị Thùy Vân. 2018. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin. Đại học Quốc gia TP HCM. [004.21 V561]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
Những vấn đề cơ bản về Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, vai trò của hệ thống thông tin - Yêu cầu đối với thông tin; Phân loại thông tin - Những trở ngại trong việc thông tin - Hướng đến một hệ thống thông tin hiệu quả - Lịch sử hình thành và phát triển HTTT 	[1]. Chương 1 Trang 17-37	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Cơ sở tổ chức hệ thống thông tin Doanh nghiệp			
2-3	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình thông tin quản trị - Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp - Cơ sở dữ liệu - Thảo luận nhóm, giải quyết bài tập tình huống 	[1]. Chương 2 và 3 Trang 38-107	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Phương pháp xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp			
4-5	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thu thập, tiếp cận thông tin - Phương pháp phân tích hệ thống thông tin 	[1]. Chương 4 Trang 110-137	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Thảo luận nhóm, giải quyết bài tập			
Thiết kế hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp			
6-7	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện thiết kế hệ thống thông tin - Các bước cần thực hiện khi thiết kế hệ thống - Thảo luận nhóm, giải quyết bài tập 	[1]. Chương 4 Trang 110-137	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Kiểm tra giữa kỳ		
Cách tính kinh tế - tài chính trong hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp			
8-9	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan về các tính toán tài chính trong hệ thống thông tin - Ứng dụng cách tính kinh tế - tài chính trong việc ra quyết định trong doanh nghiệp 	[1]. Chương 5 Trang 138-168	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Các hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin hoạch định chiến lược - Hệ thống thông tin nhân sự, sản xuất - Hệ thống thông tin marketing, tài chính 	[1]. Chương 5 và 6 Trang 138-196	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thanh toán quốc tế

Mã học phần: 000811

Số tín chỉ: 3. Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: toán cao cấp

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kế toán – Tài Chính

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kế toán – Tài Chính

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

• Về kiến thức

MT1: Nắm được kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế và nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế;

MT2: Biết được cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương;

MT3: Biết được nội dung các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán, các chứng từ thương mại dùng trong thanh toán quốc tế và vận dụng chúng trong thực tế;

MT4: Biết vận dụng các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán, các chứng từ thương mại trong thực tế;

• Về kỹ năng

MT5: Có thể thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại;

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức tổ chức, kỷ luật và tác phong tốt;

MT7: Có khả năng tự rèn luyện về chuyên môn và phát huy tinh thần tập thể để ứng phó các vấn đề phát sinh;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000811	Thanh toán quốc tế	0	2	2	3	3	2	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	2	2	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được khái niệm, đặc điểm của hoạt động thanh toán quốc tế hay hoạt động thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền tệ cho các hàng hóa và dịch vụ có yếu tố nước ngoài....	PO2, PO4, PO5
MT2 MT3	CO2	Hiểu được vai trò thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương	PO2, PO4, PO5, PO7
MT4	CO3	Biết các cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế.	PO2, PO4, PO5, PO7, PO10, PO12
MT5	CO4	Biết được các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế	PO2, PO4, PO5, PO7
MT6	CO5	Biết được các loại chứng từ thanh toán quốc tế	PO8, PO9, PO11
Kỹ năng			
MT5 MT6 MT7	CO6	Vận dụng được các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán, các chứng từ thương mại chủ yếu dùng trong thanh toán quốc tế.	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7	CO7	Thấy được vai trò quan trọng của hoạt động thanh toán quốc tế đối với nền kinh tế, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các ngân hàng thương mại.	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung chính của học phần Thanh Toán Quốc Tế trình bày những vấn đề có liên quan đến tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các chứng từ chủ yếu trong thanh toán quốc tế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	một cách khoa học, logic.	
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO2, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Trần Hoàng Ngân (chủ biên). 2018. Giáo trình thanh toán quốc tế, NXB Kinh tế Tp. HCM. [382.174 Ng121]

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thị Hồng Hải (Chủ biên). 2013. Giáo trình thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương. NXB Thống kê. [382.1.075 T305]

[3] Nguyễn Đăng Dờn (Chủ biên). 2010. Thanh toán quốc tế. NXB Đại Học Quốc Gia Tp. HCM. [382.174 Th107]

[4] Lê Văn Tề. 2009. Thanh toán quốc tế. NXB Lao động – Xã hội. [382.17 T250]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
------	----------	----------	------------

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Tổng quan về thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối		
1	<p>Khái niệm và vai trò của thanh toán quốc tế</p> <p>Khái niệm. Quá trình hình thành.</p> <p>Vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế</p> <p>Tỷ giá hối đoái - Cách biểu hiện tỷ giá. Cách tính tỷ giá chéo. Phân loại tỷ giá.</p> <p>Các chế độ tỷ giá.</p> <p>Các yếu tố tác động đến tỷ giá hối đoái</p>	[1] Ch 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	2. Các phương tiện thanh toán quốc tế		
2-3	<p>Khái niệm</p> <p>Hối phiếu thương mại</p> <p>Giới thiệu nội dung ULB.</p> <p>Định nghĩa hối phiếu. Tính chất của hối phiếu.</p> <p>Phân loại hối phiếu. Quy định về việc thành lập hối phiếu. Một số nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu</p> <p>Lệnh phiếu: Định nghĩa. Tính chất. Nội dung của lệnh phiếu</p> <p>Séc trong thanh toán quốc tế Giới thiệu nội dung ULC. Định nghĩa. Nguyên tắc ký phát và thanh toán bằng séc. Những nội dung bắt buộc trên séc.</p> <p>Phân loại séc</p> <p>Thẻ thanh toán Khái niệm. Những đặc tính kỹ thuật chủ yếu. Các loại thẻ thanh toán</p>	[1] Ch 2.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài tập 1. Vận dụng phân loại các phương tiện thanh toán		
	3. Các chứng từ trong thanh toán quốc tế		
4-5	<p>Chứng từ vận tải: Chứng từ vận tải đường biển.</p> <p>Chứng từ vận tải đường hàng không.</p> <p>Chứng từ vận tải đa phương thức.</p> <p>Chứng từ vận tải bằng container.</p> <p>Chứng từ vận tải bằng các phương tiện khác</p> <p>Chứng từ hàng hóa:</p> <p>Hóa đơn thương mại. Giấy chứng nhận xuất xứ.</p> <p>Giấy chứng nhận chất lượng. Giấy chứng nhận số lượng. Phiếu đóng gói. Một số loại chứng từ khác</p> <p>Chứng từ bảo hiểm</p>	[1] Chương 3.	CO2, CO5, CO6,
	4. Các phương thức thanh toán quốc tế đơn giản		
6-7	<p>Nghiệp vụ chuyển tiền (Remittance)</p> <p>Khái niệm. Các bên tham gia chuyển tiền. Các hình thức chuyển tiền. Quy trình nghiệp vụ</p> <p>Phương thức thanh toán ứng trước tiền hàng (Cash in Advance)</p> <p>Khái niệm. Quy trình thanh toán. Nhận xét</p> <p>Phương thức thanh toán ghi sổ (Open account)</p> <p>Khái niệm. Quy trình thanh toán. Nhận xét</p> <p>Phương thức thanh toán CAD (Cash Against Documents)</p> <p>Khái niệm. Quy trình thanh toán. Nhận xét</p>	[2] Chương 4.	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
	Bài tập 2. Thực hiện một nghiệp vụ thanh toán		
8-9	Kiểm tra giữa kỳ		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
5. Phương thức thanh toán nhờ thu (Collection of payment)			
10-11	Giới thiệu qui chế thanh toán nhờ thu URC 522 Định nghĩa nhờ thu Các bên tham gia thanh toán Nội dung chỉ thị nhờ thu Các hình thức nhờ thu và quy trình thanh toán Nghịệp vụ nhờ thu hàng xuất Nghịệp vụ nhờ thu hàng nhập	[1] Chương 5.	CO2, CO4, CO5, CO7
12	Bài tập vận dụng		
6. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (Documentary credit)			
13-15	Giới thiệu nội dung UCP 500 Định nghĩa phương thức thanh toán tín dụng chứng từ Thư tín dụng: Khái niệm. Tính chất. Nội dung Thành phần tham gia quá trình thanh toán Quyền hạn và trách nhiệm của các bên tham gia thanh toán Quy trình nghiệp vụ thanh toán Các loại thư tín dụng Nghịệp vụ tín dụng chứng từ trong thanh toán hàng xuất Nghịệp vụ tín dụng chứng từ trong thanh toán hàng nhập	[1] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: âm thanh chất lượng

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Thuế**

Mã học phần: 000829

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kế toán đại cương**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt** **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kế toán – Tài Chính

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kế toán – Tài Chính

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu các vấn đề chung về thuế: Sự ra đời và phát triển của thuế, các đặc điểm cơ bản của nó, vai trò của thuế trong nền kinh tế;

MT2: Hiểu được sắc thuế, hệ thống thuế và phân loại hệ thống thuế;

MT3: Hiểu và vận dụng các nguyên tắc, nguyên lý và phương pháp đánh thuế đối với hàng hóa dịch vụ, thu nhập và tài sản;

MT4: Hiểu và nắm được những vấn đề cơ bản về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XK, NK. Phạm vi áp dụng, căn cứ tính, phương pháp tính thuế và các thủ tục đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế XK, NK hiện nay ở Việt Nam;

MT5: Hiểu rõ lý luận cơ bản về thuế TNDN, thuế TNCN.

• Về kỹ năng

MT6: Vận dụng hiểu biết về các vấn đề liên quan đến phương pháp tính thuế TNDN, TNCN và đặc biệt là nắm rõ thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế TNDN, thuế TNCN ở Việt Nam.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức tổ chức, kỷ luật và tác phong tốt

MT8: Với những kiến thức cơ bản về lý thuyết thuế và các loại thuế phổ biến ở Việt Nam, nâng cao ý thức tuân thủ thuế. Phát hiện những bất cập của chính sách thuế để đề xuất góp phần bổ sung hoàn thiện chính sách thuế hiện hành ở Việt Nam.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000829	Thuế	0	2	2	3	3	2	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	2	2	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu rõ vai trò của thuế trong nền kinh tế.	PO2, PO4, PO5
MT2 MT3	CO2	Hiểu được sắc thuế, hệ thống thuế và phân loại hệ thống thuế.	PO2, PO4, PO5, PO7
MT4 MT5	CO3	Biết được các nguyên tắc, nguyên lý và phương pháp đánh thuế đối với hàng hóa dịch vụ, thu nhập và tài sản	PO2, PO4, PO5, PO7, PO10, PO12
MT5	CO4	Biết được những vấn đề cơ bản về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu	PO2, PO4, PO5, PO7
MT5	CO5	Biết được những vấn đề cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân	PO2, PO3, PO6, PO7, PO8, PO9, PO11
Kỹ năng			
MT6	CO6	Vận dụng hiểu biết về các vấn đề liên quan đến phương pháp tính thuế và các thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế.	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức tầm quan trọng của kế toán quản trị từ đó có thái độ và nhận thức đúng đắn, có ý thức, tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể để ứng phó các tình huống và hình thành tư duy sáng tạo trong doanh nghiệp.	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phân trình bày những vấn đề chung về nguồn gốc xuất hiện, bản chất, vai trò của thuế, phạm vi ảnh hưởng của thuế trong môi trường cạnh tranh và môi trường độc quyền.

Phần hai của học phân trình bày những qui định hiện hành về các loại thuế ở Việt Nam bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ và các loại phí và lệ phí khác.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO2, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Phan Hiền Minh. 2009. Giáo trình thuế - Nghiệp vụ và bài tập. NXB Thống kê. [336.2.076 M312]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Võ Văn Nhị. 2011. Thuế và kế toán thuế 2011 (áp dụng cho các doanh nghiệp VN). NXB Giao thông vận tải. [657.46 Nh 300]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Tổng quan về thuế		
1	Khái niệm. Nguồn gốc và lịch sử phát triển của thuế. Lịch sử phát triển của hệ thống thuế ở Việt Nam. Phân loại. Các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế. Vai trò của thuế trong nền kinh tế	[1] Ch 1. Trang 13-24.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	2. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)		
2-3	Tổng quan về thuế giá trị gia tăng. Khái niệm. Sơ lược về lịch sử ra đời và phát triển của thuế GTGT. Ưu – nhược điểm của thuế GTGT Thuế GTGT ở Việt Nam Đối tượng nộp thuế. Đối tượng không thuộc diện nộp thuế. Phương pháp tính thuế. Đăng ký, kê khai, nộp thuế. Quyết toán thuế. Hoàn thuế	[1] Ch 2. Trang 28-59.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài tập 1. Vận dụng phân loại các loại thuế		
	3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)		
4	Khái niệm. Đối tượng chịu thuế. Đối tượng nộp thuế. Các trường hợp không thuộc diện nộp thuế. Phương pháp tính thuế. Những trường hợp đặc biệt. Kê khai, nộp thuế. Quyết toán thuế. Hoàn thuế. Chế độ miễn giảm thuế TTĐB	[1] Chương 3. Trang 66-131	CO2, CO5, CO6,
	4. Thuế xuất nhập khẩu		
5-6	Khái quát về thuế xuất nhập khẩu. Đối tượng chịu thuế. Đối tượng nộp thuế. Các trường hợp không thuộc diện nộp thuế. Phương pháp tính thuế. Kê khai, nộp thuế. Miễn thuế, xét miễn giảm thuế. Hoàn thuế.	[1] Chương 4. Trang 162-193.	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Truy thu thuế		
	Bài tập 2. Vận dụng kê khai thuế		
	Kiểm tra giữa kỳ		
	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
7	<p>Khái quát về thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối tượng nộp thuế. Đối tượng không thuộc diện nộp thuế. Phương pháp tính thuế. Đăng ký, kê khai và nộp thuế. Quyết toán thuế. Miễn và giảm thuế. Chuyển số lỗ trong kinh doanh</p>	[1] Chương 5 Trang 169-186.	CO2, CO4, CO5, CO7
	Bài tập 3. Vận dụng phân loại thuế		
	6. Thuế môn bài		
8-9	<p>Khái quát về thuế môn bài. Đối tượng nộp thuế. Mức thuế môn bài. Kê khai và nộp thuế</p>	[1] Chương 6. Trang 233-262.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Bài tập 4. Vận dụng thực tế		
	7. Thuế thu nhập cá nhân		
10-11	<p>Khái quát về thuế thu nhập cá nhân. Đối tượng nộp thuế. Đối tượng tính thuế. Đối tượng không thuộc diện nộp thuế. Phương pháp tính thuế. Đăng ký, kê khai và nộp thuế. Quyết toán thuế. Miễn thuế và giảm thuế.</p>	[1] Ch 7. Tr. 268-302.	CO2, CO3, CO6, CO7
	8. Phí và lệ phí		
12	<p>Khái niệm. Phân biệt thuế, phí và lệ phí. Lệ phí trước bạ Đối tượng chịu lệ phí trước bạ. Đối tượng nộp lệ phí trước bạ. Những trường hợp không nộp lệ phí trước bạ. Phương pháp tính lệ phí trước bạ. Kê khai và nộp lệ phí trước bạ</p>	[1] Ch 8. Tr 304-331.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: âm thanh chất lượng

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quan hệ công chúng

Mã học phần: 0101001588

Số tín chỉ: 2 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 30	T 0	P 0	O 0	 30 + 90 = 120

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên: Giảng viên Bộ môn Marketing, Truyền thông đa phương tiện

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1: Hiểu rõ về quan hệ công chúng (PR) và các hoạt động thực tiễn của PR (lĩnh vực marketing – thương hiệu)

MT2: Có khả năng thực thi nhiệm vụ/công tác xây dựng – thực thi kế hoạch PR (với chiến dịch, chương trình PR cụ thể)

***Về kỹ năng**

MT3: Có khả năng đo lường, đánh giá quá trình xây dựng – thực thi kế hoạch PR cụ thể.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4: Nhận thức rõ trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp; thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc;

MT5: Phát triển năng lực và phẩm chất cá nhân, khả năng học tập tích cực

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001588	Quan hệ công chúng	0	0	0	2	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	2	3	3	2	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Mô tả được quan hệ công chúng, công tác hoạch định PR và tầm quan trọng của “xây dựng kế hoạch chiến dịch – chương trình PR	PO1, PO2, PO3
MT1	CO2	Giải thích được qui trình xây dựng kế hoạch PR và (nội dung) các bước thực hiện cụ thể trong qui trình này	PO3, PO4, PO5, PO6
MT1	CO3	Lý giải được các công cụ phân tích – hoạch định chiến lược/ kế hoạch PR.	PO5, PO6, PO7
MT1 MT2	CO4	Phát triển được năng lực giao tiếp, truyền thông chiến lược và kế hoạch hành động một cách hiệu quả đến đối tượng hữu quan và mục tiêu.	PO5, PO6, PO7, PO8
Kỹ năng			
MT3	CO5	Vận dụng nhuần nhuyễn được các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề và khám phá, phát triển bản thân.	PO9, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4 MT5	CO6	- Nhận thức được trách nhiệm cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong việc xây dựng và/hoặc thực thi kế hoạch PR. - Phát triển được thái độ tích cực, phát triển bản thân thông qua quá trình “thực thi nhiệm vụ” xây dựng và/hoặc thực thi kế hoạch PR	PO9, PO10, PO11, PO12, PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này giới thiệu những nguyên tắc cơ bản của Quan hệ công chúng (Public Relations - PR), giúp cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về PR mà từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn. Tập trung vào các nội dung lớn: Tầm quan trọng của PR trong tổ chức. Đạo đức trong PR; Tóm lược những lý thuyết cơ bản về PR và nghiên cứu PR; Quản lý PR,...

Các công cụ cơ bản của PR và kỹ năng ứng dụng: viết tin - bài, trình bày và giao tiếp cá nhân, đánh giá tài trợ và tổ chức các sự kiện của doanh nghiệp, ... thực thi công tác PR nói riêng và marketing nói chung một cách hiệu quả.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Giới thiệu những kiến thức về thương hiệu, quản trị thương hiệu	CO1
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO3, CO4, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo cặp nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Bài tập: làm bài tập trên lớp và hoàn thành phần bài giảng viên giao về nhà
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên), PR – Lý luận & ứng dụng, NXB Lao động – Xã hội 2014.

[2] Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên), PR – Kiến thức cơ bản và đạo đức nghề nghiệp, NXB Lao động – Xã hội 2007.

[3] Lưu Văn Nghiêm, Quản trị quan hệ công chúng (sách chuyên khảo), NXB ĐH Kinh tế quốc dân 2015.

[4] Lê Minh Toàn, Quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông, NXB Chính trị Quốc gia 2009.

11. Nội dung chi tiết học phần

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1-2	Chương 1. Khái quát PR và nghề PR - Giới thiệu về môn học PR - Lược sử hình thành và phát triển của PR - Định nghĩa Công chúng, công luận/ dư luận xã hội và quan hệ công chúng (PR) - Phân biệt PR với một số hình thức truyền thông liên quan	[1] [2] [3] [4]	CO1, CO2, CO3
3-4	Chương 2. Cơ sở lý thuyết về PR và nghiên cứu PR - Cơ sở xã hội học, tâm lý học và lý thuyết về tổ chức - Cơ sở lý thuyết truyền thông và nghệ thuật thuyết phục - Tiếp cận “mô hình” thông tin – truyền thông đại chúng - Nghiên cứu trong PR	[1] [2] [3] [4]	CO3, CO4, CO5
5	Chương 3. Quản lý PR - Quản lý PR chiến lược - Lập kế hoạch chiến lược PR	[1] [2] [3] [4]	CO3, CO4, CO5
6	Chương 3. Quản lý PR (tiếp theo) - Quản lý vấn đề và rủi ro - Quản lý khủng hoảng (truyền thông)	[1] [2] [3] [4]	CO3, CO4, CO2
7	Chương 4. Hoạt động PR thực tiễn - PR với báo chí. - PR nội bộ. - PR với giới đầu tư.	[1] [2] [3] [4]	CO3, CO4, CO5
8	Chương 5. Kỹ năng PR - Tài trợ (Các dạng tài trợ; Lợi ích và lý do tài trợ; Các lĩnh vực tài trợ, đánh giá một chương trình tài trợ). - Quy trình tổ chức một sự kiện đặc biệt.	[1] [2] [3] [4]	CO3, CO4, CO5
9	Chương 5. Kỹ năng PR (tiếp theo) - Căn bản về viết và các hình thức viết trong PR.	[1] [2] [3] [4]	CO3, CO4, CO5

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	- Quy trình và kỹ năng viết một tài liệu PR. - Kỹ năng trình bày – thuyết trình và trả lời phỏng vấn.		
10	Báo cáo nhóm và thảo luận - Ôn tập - Tổng kết.	[1] [2]	CO3, CO4, CO5

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Kinh tế quốc tế**

Mã học phần: 000647

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **toán cao cấp**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt** **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Quản trị kinh doanh**

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Kinh tế tổng hợp

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được các lý thuyết về mậu dịch quốc tế

MT2: Hiểu được các chính sách mậu dịch quốc tế;

MT3: Hiểu được nội dung và mục đích của liên kết kinh tế quốc tế

MT4: Biết được sự tương quan giữa liên kết kinh tế và phát triển kinh tế

MT5: Hiểu được sự di chuyển các nguồn lực vốn và lao động quốc tế

MT6: Hiểu được sự vận hành của thị trường ngoại hối và tỉ giá hối đoái

MT7: Hiểu được cán cân thanh toán quốc tế

MT8: Hiểu được hệ thống tài chính và tiền tệ thế giới;

• Về kỹ năng

MT9: Phân tích được tác động của thương mại quốc tế với phát triển kinh tế.

MT10: Phân tích được phản ứng của doanh nghiệp trước sự thay đổi tỷ giá hối đoái

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT11: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức tổ chức, kỷ luật và tác phong tốt

MT12: Có khả năng tự rèn luyện về chuyên môn và phát huy tinh thần tập thể để ứng phó các vấn đề phát sinh.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000647	Kinh tế quốc tế	0	2	2	3	3	2	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	2	2	1

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Hiểu được nội dung lý thuyết về mậu dịch quốc tế và chính sách mậu dịch	PO2, PO4, PO5
MT3 MT4	CO2	Hiểu được sự tương quan giữa mậu dịch quốc tế và phát triển kinh tế	PO2, PO4, PO5, PO7
MT5	CO3	Hiểu được sự di chuyển nguồn lực sản xuất quốc tế	PO2, PO4, PO5, PO7, PO10, PO12
MT5 MT6	CO4	Hiểu được sự vận hành của thị trường ngoại hối và tỉ giá ngoại hối	PO2, PO4, PO5, PO7
MT7 MT8	CO5	Hiểu được sự vận hành của hệ thống tài chính quốc tế và cán cân thanh toán	PO2, PO3, PO6, PO7, PO8, PO9, PO11
Kỹ năng			
MT9 MT10	CO6	Vận dụng được kiến thức về kinh tế quốc tế và mậu dịch quốc tế trong tính toán tỉ lệ hối đoái	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12	CO7	Nhận thức tầm quan trọng của kinh tế quốc tế và mậu dịch quốc tế để hiểu được phản ứng của doanh nghiệp và ý nghĩa đối với phát triển kinh tế	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp những kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, vận dụng những kiến thức đó phân tích bản chất các vấn đề về buôn bán thương mại quốc tế. Phân tích các chính sách thương mại và khả năng vận dụng vào trong nghiên cứu chính sách, phúc lợi xã hội,...

Môn học này sẽ trình bày các lý thuyết về thương mại và những mô hình kinh tế, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các nền kinh tế và các khu vực kinh tế trên thế giới. Những vấn đề về phân phối và sử dụng tài nguyên giữa các nền kinh tế thông qua con đường trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các yếu tố sản xuất, chuyển đổi tiền tệ và thanh toán giữa các quốc gia.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO2, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP. Tự luận	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thị Thúy Hồng. 2010. Giáo trình kinh tế quốc tế. NXB Giáo dục. [337.1 B312]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Võ Thanh Thu. 2010. Quan hệ kinh tế quốc tế - Cơ sở khoa học của nghiên cứu QHKTQT và tổng quan nền kinh tế thế giới. NXB Lao động xã hội. [337.1 Th500]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Những vấn đề chung về kinh tế quốc tế		
1	Khái quát về kinh tế quốc tế Đặc điểm của mậu dịch quốc tế Những thay đổi trong nền kinh tế hiện đại	[1] Chương 1. Trang 2-35.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	2. Lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế		
2-3	Quan điểm của phái trọng thương Adam Smith về lợi thế tuyệt đối David Ricardo về lý thuyết lợi thế so sánh Haberler với lý thuyết chi phí cơ hội	[1] Ch 2. Trang 40-65.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài đọc. Quy luật lợi thế so sánh thể hiện ở các nước ASEAN		
	3. Lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế		
4	Lý thuyết chuẩn về mậu dịch quốc tế Cung – cầu. Đường cong ngoại thương và tỉ lệ mậu dịch Nguồn lực sản xuất vốn có và lý thuyết Heckscher – Ohlin Bài đọc thêm: Mô hình HOS	[1] Chương 3. Trang 72-98	CO2, CO5, CO6,
	4. Thuế quan – một hình thức hạn chế mậu dịch		
5-6	Những vấn đề chung về thuế quan Phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của thuế quan Lý thuyết về cơ cấu thuế quan Phân tích cân bằng tổng quát về thuế quan Thuế quan tối ưu	[11] Chương 4. Trang 121-142.	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
	Bài đọc thêm. Thuế quan và chính sách thuế quan của Việt Nam		
	Kiểm tra giữa kỳ		
	5. Các hình thức hạn chế khác và đàm phán mậu dịch đa phương		
7	Quota nhập khẩu Những hàng rào mậu dịch phi thuế quan khác Khía cạnh kinh tế chính trị của chủ nghĩa bảo hộ GATT và vòng đàm phán Uruguay Tổ chức mậu dịch thế giới WTO	[1] Chương 5 Trang 150-188.	CO2, CO4, CO5, CO7
	Bài đọc. Các hình thức hạn chế mậu dịch phi thuế quan áp dụng ở Việt Nam Một hạn chế xuất khẩu tự nguyện: Oto Nhật		CO1, CO2, CO3, CO4,
	6. Liên kết kinh tế à sự di chuyển nguồn lực quốc tế		

8-9	Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế Phân tích cân bằng cục bộ Các điều kiện làm gia tăng hiệu quả phúc lợi của một liên hiệp quan thuế Các lợi ích tĩnh khác Quá trình hình thành và phát triển của một số hình thức liên kết kinh tế quốc tế	[1] Chương 6. Trang 192- 223.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài đọc thêm. Liên minh Châu Âu AFTA và lộ trình của Việt Nam			
7. Mậu dịch quốc tế và phát triển kinh tế			
10-11	Vai trò của mậu dịch quốc tế đối với các nước phát triển Tỉ lệ mậu dịch ở các nước phát triển Xuất khẩu không ổn định của các nước đang phát triển Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển	[1] Ch. 7. Tr 231-264.	CO2, CO3, CO6, CO7
Bài đọc. ODA ở các nước phát triển			
8. Sự di chuyển nguồn lực quốc tế			
12	Thị trường vốn quốc tế Sự di chuyển vốn Phân tích tác động và hiệu quả Công ty đa quốc gia Di chuyển lao động quốc tế	[1] Ch 8. Tr 269-298.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7
9. Thị trường ngoại hối và tỉ giá hối đoái			
13	Thị trường ngoại hối Tỉ giá hối đoái Sự đầu cơ và rủi ro của hối đoái	[1] Ch 9. Tr 301-326.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7
10. Cán cân thanh toán			
14	Khái niệm Nguyên tắc hạch toán Những khoản mục của cán cân thanh toán quốc tế Cân đối bên trong và bên ngoài Các nhân tố ảnh hưởng	[1] Ch 10. Tr 330-348.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7
11. Hệ thống tài chính và tiền tệ thế giới			
15	Cơ chế hối đoái và ngoại thương Hệ thống Bretton Woods Sự sụp đổ của hệ thống Bretton Woods Liên minh tiền tệ Châu Âu	[1] Chương 11 Trang 350-381	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài đọc thêm. Phân tích khủng hoảng ở Mexico			

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu.
- Phương tiện: âm thanh chất lượng.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Quản trị thương hiệu (Tên Tiếng Anh: Brand Management)**

Mã học phần: 000793

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 30	T 15	P 0	O 0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing cơ bản**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt** **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Quản trị kinh doanh.**

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu và ứng dụng khái niệm quản trị thương hiệu trong kinh doanh, marketing, quảng bá hình ảnh doanh nghiệp và xây dựng thương hiệu mạnh.

MT2: Kiến thức về xây dựng thương hiệu (vốn, hình ảnh, chương trình marketing tích hợp)

MT3: Có được kiến thức về cách thức quản trị thương hiệu (chiến lược quảng bá, gìn giữ thương hiệu, kiến trúc thương hiệu).

• Về kỹ năng

MT4: Kỹ năng phân tích các khái niệm về quản trị thương hiệu – marketing trong doanh nghiệp.

MT5: Kỹ năng phân tích các thương hiệu trên thị trường và xây dựng sáng tạo thương hiệu cho doanh nghiệp.

MT6: Kỹ năng thiết kế và thực hiện các chiến lược gắn với thương hiệu

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề về kinh doanh, marketing thương hiệu để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000793	Quản trị thương hiệu	1	4	2	1	3	4	3
			PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
			3	3	3	3	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT4	CO1	Biết được các kiến thức tổng quan về quản trị thương hiệu (chức năng, vai trò, kinh nghiệm)	PO1, PO2, PO5, PO6
MT2	CO2	Hiểu và phân tích các yếu tố liên quan đến thương hiệu như vốn, tài sản, tầm nhìn và định vị thương hiệu.	PO5, PO6
MT1 MT3	CO3	Phân tích được các yếu tố liên quan đến kiến trúc thương hiệu.	PO6, PO9
MT1 MT3	CO4	Phân tích được sự tác động qua lại giữa thương hiệu và chiến lược sản phẩm.	PO6, PO7, PO9
MT1 MT3 MT4	CO5	Xây dựng các yếu tố nhận diện thương hiệu và chiến lược truyền thông thương hiệu.	PO2, PO6, PO9, PO12
MT4 MT2 MT4 MT6	CO6	Đánh giá được sức khỏe thương hiệu.	PO8, PO9, PO13, PO14
MT1 MT5 MT6	CO7	Phân tích được việc quản lý thương hiệu trong nội bộ doanh nghiệp và quản lý rủi ro thương hiệu.	PO1, PO6, PO7, PO13
Kỹ năng			
MT5 MT7 MT8	CO8	Vận dụng được kiến thức về thương hiệu để ứng dụng vào thực tiễn kinh doanh.	PO1, PO6, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT5 MT6 MT8	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề về marketing – thương hiệu để tìm giải pháp làm tăng hiệu quả kinh doanh.	PO1, PO12, PO13, PO14
-------------------	-----	---	-----------------------

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng và quản lý thương hiệu từ tầm nhìn chiến lược đến các hoạt động cụ thể. Xây dựng nền tảng kiến thức dựa trên những trụ cột chính của thương hiệu, hiểu được vai trò và tầm quan trọng, cách thức vận dụng bài bản những đặc trưng của thương hiệu vào thực tế kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9.	5 5
2	Bài tập	15	Chất lượng sản phẩm mà nhóm giao	CO1, CO2,	10

	nhóm		nội	CO3, CO7, CO8, CO9	
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi tự luận kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Võ Văn Quang. 2017. Nguyên tắc cơ bản của marketing thương hiệu. NXB Thế Giới. [658.827. Qu106]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Jack Trout, Steve Rivkin. Dương Ngọc Dũng, Phan Đình Quyền (dịch). 2005. Định vị thương hiệu. NXB Thống kê. [658.57 D513]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Tổng quan về thương hiệu.		
1	- Các quan điểm về thương hiệu. Các chức năng, Vai trò của thương hiệu. - Quy trình và kinh nghiệm xây dựng thương hiệu	[2] Chương 1. Trang 7-23.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	2. Các yếu tố liên quan thương hiệu.		
2-3	- Tài sản thương hiệu - Tâm nhìn thương hiệu - Định vị thương hiệu	[2] Chương 2, 3, 4. Trang 29-107.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	3. Kiến trúc thương hiệu		
4	- Các mô hình kiến trúc thương hiệu. - Quản trị danh mục thương hiệu - Phát triển các chiến lược thương hiệu	[2] Chương 5. Trang 111-137.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 1. Phân tích thương hiệu 1 doanh nghiệp bất kỳ		CO6, CO7, CO8
	4. Hệ thống nhận diện và thiết kế thương hiệu.		
5-6	- Cấu trúc hệ thống nhận diện thương hiệu. Hệ thống nhận diện hữu hình và vô hình. Quản lý hệ thống nhận diện. - Đặt tên thương hiệu. Logo và biểu tượng đặc trưng, tính cách, khẩu hiệu và thiết kế thương hiệu.	[2] Chương 7,8: Trang 161-200.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	5. Truyền thông thương hiệu.		
7	- Thông điệp của thương hiệu. Quảng cáo sự khác biệt. - Quản lý đối tác quảng cáo. Xu hướng QC - Các công cụ marketing trực tuyến	[2] Chương 9: Trang 203-239.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Bài tập 2. Thực hành thiết kế thương hiệu (bài tập nhóm)		CO7, CO8, CO9
	6. Đánh giá sức khỏe thương hiệu		
9	Quản lý thông tin về thương hiệu		CO1, CO2, CO3,

	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá sức khỏe thương hiệu, đánh giá thương hiệu. Khoảng cách giữa đánh giá tài sản thương hiệu và ứng.	[2] Chương 10. Trang 245-260.	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10-13	Kiểm tra giữa kỳ: Thuyết trình chủ đề được giáo viên phân công		
	7. Quản lý thương hiệu		
14-15	Quản lý thương hiệu nội bộ doanh nghiệp. Điều chỉnh, đổi mới, mở rộng thương hiệu. Quản lý quan hệ khách hàng. Quản lý rủi ro thương hiệu	[2] Chương 11: Trang 263-302.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực tập cuối khóa

Mã học phần: 083901

Hệ đào tạo: Đại học chính qui **Ngành đào tạo:** Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 4 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 120

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	480
	03	00	117	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh.

2. **Thông tin về các giảng viên/đơn vị phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

- MT1: Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị.
- MT2: Hiểu về cách tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty/doanh nghiệp.
- MT3: Biết được các quy định, nội quy của đơn vị. Hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, tác phong trong công sở.
- MT4: Tổng hợp được các kiến thức của ngành quản trị kinh doanh trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- MT5: Hiểu và vận dụng được các nguyên lý kinh tế trong việc phân tích môi trường vi mô và vĩ mô có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

❖ Về kỹ năng

- MT6: Ứng dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp cho một vấn đề cụ thể.

- MT7: Vận dụng các phương pháp luận để thu thập thông tin, số liệu và khảo sát các đối tượng có liên quan.
- MT8: Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức

❖ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT9: Hình thành tác phong chuyên nghiệp; Học tập sáng tạo, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.
- MT10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.
- MT11: Hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
083901	Thực tập cuối khóa	0	3	3	3	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	3	3	3	3	3	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT2 MT4 MT5	CO1	Hiểu và vận dụng được các nguyên lý kinh tế trong việc phân tích các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô đối với doanh nghiệp	PO2, PO3
MT2 MT4	CO2	Tổng hợp các kiến thức về tổ chức, lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng, marketing, kế hoạch kinh doanh nhằm vận dụng vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp	PO2, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT5 MT7	CO3	Vận dụng được các kiến thức về kế toán, tài chính, tín dụng để đánh giá, phân tích tình hình của các đơn vị	PO7, PO9
MT6 MT8	CO4	Vận dụng các kiến thức để xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức	PO8, PO11, PO14
MT6	CO5	Xác định được các vấn đề đang tồn tại ở doanh nghiệp, từ đó đưa ra hướng khắc phục nhằm phát triển doanh nghiệp	PO3, PO4, PO5, PO6, PO7, PO8, PO11, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10	CO6	Nhận thức tầm quan trọng của hoạt động thực tập tại đơn vị. Hình thành tác phong công sở. Tự tin	PO13, PO14

MT11		trong công việc và hình thành ý thức học tập suốt đời.	
------	--	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Thực tập cuối khóa” là học phần bắt buộc, người học sẽ đến các đơn vị thực tập thực tế; tìm hiểu về các hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Học phần giúp sinh viên có điều kiện tiếp xúc thực tế, gắn liền giữa lý thuyết và thực tiễn; vận dụng các kiến thức của ngành quản trị kinh doanh để phân tích, đánh giá, xác định vấn đề. Từ đó đề xuất giải pháp cho phù hợp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Bài báo cáo học phần	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: nghe giảng viên phổ biến về quy định, hình thức, nội dung thực hiện học phần.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các đề tài có liên quan.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài.
- Liên hệ đơn vị thực tập: sinh viên phải tìm đơn vị thực tập để thực hiện đề tài.
- Có tinh thần và thái độ nghiên cứu nghiêm túc, làm việc theo kế hoạch đã được quy định.
- Chủ động gặp gỡ và trao đổi với giảng viên hướng dẫn về đề cương, bản nháp, bản chính thức của bài báo cáo.
- Hoàn thành bài báo cáo: sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo theo kế hoạch.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Cấu trúc – Hình thức trình bày	20	- Quy định trình bày chuyên đề, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp của Trường. - Theo Rubric đánh giá học phần “Thực tập cuối khóa” của Khoa Kinh tế.	CO3	10
2	Nội dung đề tài	50	- Chất lượng sản phẩm giao nộp. - Theo Rubric đánh giá học phần “Thực tập cuối khóa” của Khoa Kinh tế.	CO1, CO2, CO4, CO5	10
3	Thái độ	30	- Theo Rubric đánh giá học phần “Thực tập cuối khóa” của Khoa Kinh tế.	CO3, CO6	10

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
1	Cấu trúc - Hình thức	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức thiếu logic. Có vài đoạn trong bài có tính mạch lạc nhưng thiếu tính thống nhất. Có nhiều lỗi đáng kể. • Hình thức trình bày không đúng quy định của Trường, còn nhiều lỗi chính tả; nhiều lỗi đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo chưa đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức mạch lạc, tương đối hợp lý. • Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý nhưng còn một số chỗ chưa thống nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức phù hợp, trình bày theo cấu trúc quy định. • Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. • Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức phù hợp, logic, trình bày theo cấu trúc quy định, phù hợp với đề tài. • Hình thức trình bày đúng quy định của Trường; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. • Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý; Cách đặt tên các bảng biểu, hình ảnh phù hợp. 	2.0	
2	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> • Không thể hiện được mục tiêu của đề tài; Chưa xác định được các vấn đề tồn tại của đơn vị. • Không xác định được phương pháp nghiên cứu cho đề tài. • Đối tượng nghiên cứu không phù hợp với đề tài. • Chưa tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. • Chưa phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. • Phân tích vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề tồn tại của đơn vị. • Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. • Đối tượng nghiên cứu chưa hoàn toàn phù hợp với đề tài. • Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. • Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. • Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. • Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. • Đối tượng nghiên cứu phù hợp với đề tài. • Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. • Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. • Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày đầy đủ mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. • Xác định phương pháp nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. • Đối tượng nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. • Tổng hợp được đầy đủ các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. • Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. • Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó 	5.0	

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
		không dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp không phù hợp đối với đơn vị. • Vấn đề nghiên cứu không đáp ứng được mục tiêu đặt ra.	Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa phù hợp. Từ đó đưa ra các giải pháp chưa thật sự phù hợp. • Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được một phần mục tiêu đặt ra. • Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu.	phù hợp với đề tài nghiên cứu. • Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được khá đầy đủ mục tiêu đặt ra. • Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. • Đánh giá được một phần thực trạng của đơn vị. Từ đó đề xuất phương án cải tiến phù hợp.	đưa ra các giải pháp hoàn toàn phù hợp với đề tài nghiên cứu. • Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được đầy đủ mục tiêu đặt ra. • Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. • Đánh giá đúng thực trạng của đơn vị. Từ đó đề xuất phương án cải tiến phù hợp.		
3	Thái độ	• Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá chưa cao về người học; Thái độ không tích cực khi đến đơn vị thực tập. • Không liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Không sửa bài theo góp ý của Giảng viên. • Nộp bài báo cáo trễ hạn quy định.	• Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá tốt về người học; Thái độ khá tích cực khi đến đơn vị thực tập. • Có liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Có sửa bài theo góp ý của Giảng viên nhưng sửa sơ sài. • Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định.	• Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá tốt về người học; Thái độ tích cực khi đến đơn vị thực tập. • Có liên hệ thường xuyên với Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Có sửa bài theo góp ý của Giảng viên. • Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định.	• Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá rất tốt về người học; Có thái độ rất tích cực khi đến đơn vị thực tập. Chịu khó học hỏi. • Liên hệ thường xuyên với Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Chỉnh sửa bài báo cáo theo đúng ý kiến góp ý của giảng viên. • Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định.	3.0	

10. Học liệu

Căn cứ vào đề tài, sinh viên lựa chọn tài liệu tham khảo cho phù hợp với đề tài.

11. Nội dung chi tiết học phần

- Giảng viên hướng dẫn và sinh viên thống nhất chọn đề tài cho phù hợp với lĩnh vực mà người học có khả năng thực hiện.
- Các đề tài sinh viên lựa chọn bao gồm tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế có liên quan đến chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Đơn vị học tập thực tế: Đa dạng các loại hình doanh nghiệp; các đơn vị, các tổ chức, các cơ quan, ban ngành.

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu.
- Phương tiện: tăng âm.
- Sinh viên phải nộp bài báo cáo theo kế hoạch.

13. Thời gian thực hiện học phần

Trong học kỳ 8 của chương trình đào tạo. Thời gian cụ thể theo kế hoạch của Khoa.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm

BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp

Mã học phần: 0101066601

Hệ đào tạo: Đại học chính qui Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 6 Tổng số tiết quy chuẩn: 180

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 03	T 00	P 177	O 0	720

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt** **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Quản trị kinh doanh.**

2. Thông tin về các giảng viên/đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

- MT1: Xác định được các vấn đề tồn tại đang diễn ra trong nền kinh tế có liên quan đến ngành quản trị kinh doanh.
- MT2: Hiểu về các phương pháp tổng hợp tài liệu, thu thập các thông tin phục vụ cho vấn đề nghiên cứu.
- MT3: Biết được các phương pháp nghiên cứu đối với một vấn đề cụ thể.
- MT4: Tổng hợp được các kiến thức của ngành quản trị kinh doanh trong công tác giải quyết vấn đề nghiên cứu.
- MT5: Hiểu và vận dụng được các nguyên lý kinh tế trong việc phân tích môi trường vi mô và vĩ mô có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

❖ Về kỹ năng

- MT6: Ứng dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp cho một vấn đề cụ thể.
- MT7: Vận dụng các phương pháp luận để thu thập thông tin, số liệu và khảo sát các đối tượng có liên quan.
- MT8: Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện đề tài.
- MT9: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

❖ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT10: Hình thành tác phong chuyên nghiệp; Học tập sáng tạo, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.
- MT11: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.
- MT12: Hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO14
066601	Khóa luận tốt nghiệp	0	3	3	3	3	3	3	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	
		3	3	3	3	3	3	3	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT4 MT5	CO1	Vận dụng kiến thức cơ bản về các nguyên lý kinh tế trong phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế tầm vi mô và vĩ mô	PO3
MT2 MT4 MT5	CO2	Vận dụng kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính, tài chính – tín dụng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để phân tích và giải quyết các vấn đề	PO2, PO4, PO5
Kỹ năng			
MT6 MT7 MT8	CO3	Vận dụng kiến thức liên quan đến việc tổ chức, lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng, marketing, kế hoạch kinh doanh vào xây dựng và giải quyết vấn đề	PO9, PO10, PO11
MT3	CO4	Vận dụng được phương pháp luận trong việc thu thập, khảo sát và xử lý số liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu	PO11
MT4 MT6 MT8	CO5	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để đưa ra các giải pháp phù hợp với vấn đề nghiên cứu	PO5, PO6, PO10
	CO6	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm trong công tác thu thập dữ liệu, phỏng vấn các bên liên quan để xây dựng cơ sở lý luận vững chắc cho đề tài	PO8, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10 MT11 MT12	CO7	Nhận thức tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu. Tự tin trong công việc và hình thành ý thức học tập suốt đời.	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Khóa luận tốt nghiệp” là học phần tổng hợp các kiến thức của ngành Quản trị kinh doanh trong việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể. Học phần giúp sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng, phương pháp nghiên cứu và đưa ra các giải pháp cho phù hợp. Học phần cũng đề cao tinh thần tự học, tự nghiên cứu và có trách nhiệm trong hoạt động học tập của người học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Bài báo cáo học phần	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: nghe giảng viên phổ biến về quy định, hình thức, nội dung thực hiện học phần.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các đề tài có liên quan.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài.
- Liên hệ các đơn vị, các đối tượng có liên quan đến đề tài.
- Có tinh thần và thái độ nghiên cứu nghiêm túc, làm việc theo kế hoạch đã được quy định.
- Chủ động gặp gỡ và trao đổi với giảng viên hướng dẫn về đề cương, bản nháp, bản chính thức của bài báo cáo.
- Hoàn thành bài báo cáo: sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo theo kế hoạch.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Cấu trúc – Hình thức trình bày	25	- Quy định trình bày chuyên đề, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp của Trường. - Theo Rubric đánh giá học phần “Khóa luận tốt nghiệp” của Khoa Kinh tế.	CO3	10
2	Nội dung đề tài	60	- Chất lượng sản phẩm giao nộp. - Theo Rubric đánh giá học phần “Khóa luận tốt nghiệp” của Khoa Kinh tế.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thái độ	15	- Theo Rubric đánh giá học phần “Khóa luận tốt nghiệp” của Khoa Kinh tế.	CO7	10

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
1	Cấu trúc - Hình thức	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức thiếu logic. Có vài đoạn trong bài có tính mạch lạc nhưng thiếu tính thống nhất. Có nhiều lỗi đáng kể. Hình thức trình bày không đúng quy định của Trường, còn nhiều lỗi chính tả; nhiều lỗi đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo chưa đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức mạch lạc, tương đối hợp lý. Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý nhưng còn một số chỗ chưa thống nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức phù hợp, trình bày theo cấu trúc quy định. Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> Bài viết tổ chức phù hợp, logic, trình bày theo cấu trúc quy định, phù hợp với đề tài. Hình thức trình bày đúng quy định của Trường; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý; Cách đặt tên các bảng biểu, hình ảnh phù hợp. 	2.5	
2	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> Không thể hiện được mục tiêu của đề tài; Chưa xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. Không xác định được phương pháp nghiên cứu cho đề tài. Đối tượng nghiên cứu không phù hợp với đề tài. Chưa tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Chưa phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề không dựa trên cơ sở lý 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. Đối tượng nghiên cứu chưa hoàn toàn phù hợp với đề tài. Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Tuy nhiên vẫn còn 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. Đối tượng nghiên cứu phù hợp với đề tài. Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày đầy đủ mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. Xác định phương pháp nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. Đối tượng nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. Tổng hợp được đầy đủ các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp 	6.0	

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
		<p>luyện. Từ đó đưa ra các giải pháp không phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vấn đề nghiên cứu không đáp ứng được mục tiêu đặt ra. Chưa làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. 	<p>một số nội dung chưa phù hợp. Từ đó đưa ra các giải pháp chưa thật sự phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được một phần mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. 	<p>nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được khá đầy đủ mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. 	<p>hoàn toàn phù hợp với đề tài nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được đầy đủ mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. Giải thích và chứng minh được ý nghĩa thực tiễn của đề tài. Số liệu khảo sát đảm bảo độ tin cậy, độ chính xác 		
3	Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> Không tích cực trong công tác thu thập số liệu; chưa nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này. Không liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện đề tài; Không sửa bài theo góp ý của Giảng viên. Nộp bài báo cáo trễ hạn quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> Có cố gắng trong công tác thu thập số liệu; nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này. Có liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện đề tài, tuy nhiên tần suất liên hệ còn thấp. Có chỉnh sửa theo góp ý của Giảng viên, nhưng nội dung còn sơ sài Nộp bài báo cáo đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> Cố gắng tích cực trong công tác thu thập số liệu; nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này. Có liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện đề tài. Có chỉnh sửa theo góp ý của Giảng viên, nhưng nội dung chỉnh sửa chưa bám sát với góp ý của Giảng viên. Nộp bài báo cáo đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> Cố gắng tích cực trong công tác thu thập số liệu; nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này. Có liên hệ thường xuyên Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện đề tài. Có chỉnh sửa theo góp ý của Giảng viên, nội dung chỉnh sửa bám sát với góp ý của Giảng viên. Nộp bài báo cáo đúng quy định. 	1.5	

10. Học liệu

Căn cứ vào đề tài, sinh viên lựa chọn tài liệu tham khảo cho phù hợp với đề tài.

11. Nội dung chi tiết học phần

- Giảng viên hướng dẫn và sinh viên thống nhất chọn đề tài cho phù hợp với lĩnh vực mà người học có khả năng thực hiện.
- Các đề tài sinh viên lựa chọn bao gồm tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế có liên quan đến chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu.
- Phương tiện: tăng âm.
- Sinh viên phải nộp bài báo cáo theo kế hoạch.

13. Thời gian thực hiện học phần

Trong học kỳ 8 của chương trình đào tạo. Thời gian cụ thể theo kế hoạch của Khoa.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: E – Marketing

Mã học phần: 0101001587

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	45	0	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Quản trị marketing

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn marketing - Khoa Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Vận dụng các công cụ truyền thông để hỗ trợ quá trình tìm kiếm và phân tích các thông tin trên Internet.

MT2 Phân tích được hoạt động marketing trên các công cụ truyền thông và ứng dụng được các công cụ truyền thông trong quá trình lập kế hoạch E – marketing.

MT3 Đánh giá được hiệu quả hoạt động của các công cụ truyền thông trên internet.

MT4 Phát triển được kỹ năng thuyết trình trong việc trình bày kế hoạch E - marketing, kỹ năng tu duy sáng tạo và làm việc độc lập.

MT5 Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Về kỹ năng

MT6 Sử dụng được các công cụ truyền thông để hỗ trợ quá trình tìm kiếm các thông tin trên Internet.

MT7 Vận dụng các công cụ truyền thông để phân tích và đánh giá hiệu quả các công cụ truyền thông các thông tin trên Internet.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8 Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đối với công việc trực tiếp đảm nhiệm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001587	E - Marketing	0	0	0	2	3	3	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	2	3	2	3	3	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Sử dụng được các công cụ truyền thông để hỗ trợ quá trình tìm kiếm các thông tin trên Internet	PO4, PO5, PO14
MT1 MT2	CO2	Vận dụng các công cụ truyền thông để phân tích và đánh giá hiệu quả các công cụ truyền thông các thông tin trên Internet	PO4, PO5, PO14
MT1 MT5	CO3	Hiểu được quy trình vận hành hoạt động bán hàng trực tuyến của doanh nghiệp và chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp	PO4, PO5, PO14
MT1 MT2 MT6	CO4	Đánh giá được các yếu tố môi trường Marketing, đối thủ cạnh tranh và nội lực của doanh nghiệp trên Internet để phục vụ cho hoạt động quản trị marketing trong doanh nghiệp	PO5, PO6, PO7, PO8
MT1 MT2 MT4 MT5	CO5	Lập kế hoạch chiến lược truyền thông cho doanh nghiệp và sản phẩm trên môi trường Digital và các hoạt động truyền thông tích hợp (online và offline)	PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Kỹ năng			
MT1 MT2 MT5	CO6	Phát triển được kỹ năng diễn đạt bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, văn bản trong việc trình bày kế hoạch E - marketing	PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7 MT8	CO7	- Phát triển thái độ tích cực và trách nhiệm trong quá trình làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề liên quan đến học phần	PO12, PO13, PO14

		- Xác định được thế mạnh của cá nhân trong các hoạt động marketing và tập trung nghiên cứu chuyên sâu để định hướng công việc	
--	--	---	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần môn học E - Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ truyền thông để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch E - marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động E - marketing

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan. 2017. Dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số. Marketing 4.0: Moving from traditional to digital. Nguyễn Khoa Hồng Thịnh, Hoàng Thùy Minh Anh [Dịch]. Nhà xuất bản Trẻ
658.8 K87

10.2. Tài liệu tham khảo

- [2] Kipp Bodnar, Jeffrey L.Cohen. 2013. Nguyễn Lâm Xuân Các (dịch). Cẩm nang truyền thông B2B: Trở thành siêu sao Marketing qua việc tạo ra đầu mối kinh doanh bằng trang blog, email, mạng xã hội linkedin. Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh
658.45 B694
- [3] Nguyễn Văn Dung. 2010. Thiết kế và quản lý truyền thông Marketing = Marketing communication and design management. Nhà xuất bản Lao động.
658.804 D513

11. Nội dung chi tiết học phần

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1-2	Chương 1: Tổng quan về E - marketing 1.1 Khái niệm 1.2 Đặc điểm 1.3 Sự khác biệt của E - marketing và marketing truyền thống 1.4 Tầm quan trọng 1.5 Ứng dụng.	[1]	C01, C02, C03, C05
3-4	Chương 2: Môi trường E - marketing 2.1 Khái niệm 2.2 Môi trường vĩ mô 2.3 Môi trường vi mô 2.4 Môi trường nội vi	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
5-9	Chương 3: Hoạt động marketing trong môi trường internet 3.1 Nghiên cứu thị trường 3.2 Chiến lược STP 3.3 Sản phẩm 3.4 Giá 3.5 Phân phối 3.5 Truyền thông	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
10	Ôn tập và thi giữa kỳ	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
11-12	Chương 4: Marketing mối quan hệ trực tuyến 4.1 Khái niệm 4.2 Quản lý quan hệ khách hàng bằng phần mềm CRM 4.3 Email marketing 4.4 Mobile marketing	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
13-14	Chương 5: Lập kế hoạch E - marketing 5.1 Khái niệm 5.2 Tầm quan trọng 5.3 Các nội dung của kế hoạch 5.4 Thang đo lường hiệu quả của kế hoạch	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
15	Ôn tập cuối học phần	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị kinh doanh quốc tế

Mã học phần: 000785

Số tín chỉ: 3. Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	30	15	0	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Quản trị học, Marketing căn bản, Quản trị chiến lược

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

MT1: Hiểu biết tổng quan về thị trường toàn cầu, trung tâm kinh doanh, chính trị và công nghệ, đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

MT2: Hiểu được các lý thuyết, chính sách, cơ chế và hợp tác khác nhau trong kinh doanh và môi trường quốc tế.

MT3: Có kiến thức về các lĩnh vực quản lý kinh doanh và hoạt động trong kinh doanh quốc tế.

❖ Về kỹ năng

MT4: Thảo luận về ý nghĩa của kinh doanh quốc tế, tầm quan trọng của nó, các hình thức hoạt động cơ bản và nguyên nhân của toàn cầu hóa.

MT5: Xác định các loại hệ thống pháp lý chính và tác động của chúng trong việc đối đầu với kinh doanh quốc tế.

MT6: Mô tả các yếu tố chính của văn hóa, tôn giáo và giá trị trong môi trường kinh doanh quốc tế.

MT7: Phân tích tầm quan trọng của GATT, WTO đối với kinh doanh quốc tế và các hội nhập kinh tế và khối thương mại khác nhau.

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Nhận thức tầm quan trọng của hoạt động kinh doanh quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả cạnh tranh cho doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:
0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000785	Quản trị kinh doanh quốc tế	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh doanh quốc tế, các hình thức kinh doanh quốc tế các loại hình đầu tư cơ bản và các công ty quốc tế	PO2, PO3, PO4
MT1	CO2	Phân tích nền tảng lý thuyết, các chiến lược công ty đa quốc gia sử dụng trên thương trường quốc tế	PO2, PO3, PO5
MT1 MT2	CO3	Phân tích vai trò của thể chế, văn hóa, và đạo đức trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty	PO2, PO3, PO14
MT1 MT2	CO4	Phân tích môi trường cạnh tranh, môi trường kinh doanh quốc tế của một ngành nghề cụ thể tác động đến doanh nghiệp	PO2, PO3, PO12
MT1 MT2 MT4	CO5	Phân tích lợi thế cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh trong một ngành kinh doanh cụ thể của môi trường toàn cầu	PO2, PO3, PO5, PO12
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Phân tích những lựa chọn chiến lược và rào cản trong chiến lược gia nhập thị trường nước ngoài	PO2, PO3, PO5, PO6, PO12
Kỹ năng			
MT7 MT8	CO7	Vận dụng được kiến thức về công ty đa quốc gia, thể chế, môi trường kinh doanh và lợi thế cạnh tranh để xây dựng chiến lược kinh doanh và hợp tác có hiệu quả cho công ty đa quốc gia (MNE)	PO2, PO3, PO5, PO6, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT8	CO8	Nhận thức tầm quan trọng của toàn cầu hóa và các hoạt động kinh doanh quốc tế	PO12, PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Kinh doanh quốc tế là môn học tập trung vào việc giải quyết các thách thức mới trong kinh doanh đó là chuyển từ thị trường trong nước sang thị trường quốc tế do kết quả của quá trình toàn cầu hóa. Trang bị cho người học khả năng giải quyết và quản lý sự phức tạp của các hệ thống kinh doanh, tài chính, quy định và văn hóa khác nhau trên các quả địa cầu. Do đó, sự hiểu biết về các bối cảnh kinh doanh khác nhau là rất quan trọng đối với sinh viên tham gia các nghiên cứu kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu ở nhà

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Thi tự luận. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bùi Lê Hà. Giáo trình Kinh doanh quốc tế. 2008. NXB Lao động Xã hội. [658.848 H100]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Khái quát chung về kinh doanh quốc tế		
1	<ul style="list-style-type: none"> – Các khái niệm về toàn cầu hóa và kinh doanh quốc tế – Tầm quan trọng của việc nghiên cứu và tham gia vào kinh doanh quốc tế – Các hình thức kinh doanh quốc tế – Chiến lược kinh doanh toàn cầu 	[1] Chương 1. Trang 01-09	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	2. Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu		
2-3	<ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm và tầm quan trọng của công ty đa quốc gia – Phân tích môi trường PESTEL – Chiến lược và chiến lược toàn cầu – Các quyết định chiến lược khi kinh doanh quốc tế của công ty đa quốc gia 	[1] Chương 2. Trang 11-30.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	3. Thể chế, văn hóa và đạo đức trong kinh doanh quốc tế		
4-5	<ul style="list-style-type: none"> – Thể chế. Chính trị và pháp luật trong kinh doanh quốc tế – Vai trò của văn hóa, đạo đức trong kinh doanh quốc tế – Các phản ứng chiến lược trước thách thức về mặt đạo đức 	[1] Chương 3. Trang 31-50.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 1. Phân tích vấn đề về tham nhũng, hối lộ, tham ô và rửa tiền của nhân viên công ty Siemens vào năm 2007		
	4. Môi trường cạnh tranh ngành		
6-7	<ul style="list-style-type: none"> – Các định nghĩa về cạnh tranh ngành trong kinh doanh – Phân tích cơ cấu ngành – Mô hình 5 áp lực cạnh tranh – Những chiến lược cạnh tranh tổng quát – Hạn chế của mô hình, tranh luận và mở rộng 	[1] Chương 4. Trang 51-74.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8	Kiểm tra giữa kỳ		
	5. Nguồn lực và khả năng của doanh nghiệp		
9-10	<ul style="list-style-type: none"> – Các khái niệm và nguồn lực và khả năng của doanh nghiệp – Nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp – Mô hình VRIO – Chuỗi giá trị của doanh nghiệp 	[1] Chương 5. Trang 75-99.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	Bài tập 2. Phân tích sự thành công nhờ vào nguồn lực của doanh nghiệp. Trường hợp công ty Ispat, Ấn Độ		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	6. Gia nhập thị trường nước ngoài của công ty		
11	<ul style="list-style-type: none"> - Lý do gia nhập thị trường nước ngoài của công ty - Phân tích ngành, nguồn lực và thể chế - Phân tích mô hình gia nhập thị trường nước ngoài 	[1] Chương 6. Trang 101-122.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	7. Chiến lược hợp tác		
12-13	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình chiến lược hợp tác - Cơ sở lý thuyết chiến lược hợp tác - Thực hiện chiến lược hợp tác - Mở rộng chiến lược hợp tác 	[1] Chương 7. Trang 123-144.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	8. Quyền tự chủ của công ty con trong công ty đa quốc gia		
14-15	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa và tầm quan trọng của quyền tự chủ - Các lý thuyết quản trị mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con - Phương pháp đo lường quyền tự chủ và nghiên cứu thực nghiệm 	[1] Chương 8. Trang 145-163.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản trị rủi ro kinh doanh (*Enterprise Risk Management*)

Mã học phần:

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Số tín chỉ: 03 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = giờ giảng lý thuyết T = bài tập P = thực hành D = thảo luận/seminar	L	T	P	D	45 + 90 = 135
	45	0	0	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thuộc Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (MT):

* Về kiến thức

MT1: Nhận diện chính xác các loại rủi ro, nguồn gốc rủi ro, nguy cơ rủi ro và mối quan hệ giữa chúng trong quản trị rủi ro kinh doanh;

MT2: Sử dụng các phương pháp đo lường rủi ro và các phương pháp kiểm soát rủi ro;

MT3: Lựa chọn các kỹ thuật tài trợ cho những rủi ro khi tổn thất xảy ra sao cho đạt hiệu quả cao nhất;

MT4: Xây dựng thành công hệ thống quản trị rủi ro nhằm phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro đối với một tổ chức.

* Về kỹ năng

MT5: Thực hành tư duy hợp lý trong việc nhận dạng tình huống kinh doanh cần giải quyết, phát triển các phương án giải quyết thay thế và các tiêu chí đánh giá mới;

MT6: Thẩm định được kết quả thu được từ một chuỗi các quyết định đã được thực thi và thực hiện các điều chỉnh hợp lý trong các quyết định tiếp theo.

*** Thái độ**

MT7: Chủ động phân tích được các thay đổi trong môi trường kinh doanh có thể tạo ra các rủi ro nhằm kịp thời xây dựng các biện pháp kiểm soát và sẵn sàng đối phó với rủi ro kinh doanh xảy ra.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000780	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	0	2	3	0	1	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	1	1	2	1	1	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được một số kiến thức tổng quan về quản trị rủi ro, nhận dạng, đo lường, kiểm soát rủi ro trong doanh nghiệp	PO2, PO5, PO13
MT1	CO2	Nắm được các phương pháp về nhận dạng, đo lường, kiểm soát rủi ro trong kinh doanh & khả năng trả nợ của doanh nghiệp	PO2, PO5, PO13
MT1 MT2	CO3	Nắm được một số vấn đề về rủi ro tài trợ và phân tích được rủi ro kinh doanh của doanh nghiệp	PO9, PO12
MT4 MT5	CO4	Phân tích được các nguồn rủi ro trong vi mô, vĩ mô.	PO6
Kỹ năng			
MT5 MT6	CO5	Nâng cao các kỹ năng giao tiếp nhân sự thông qua những tình huống ứng xử nhạy cảm ở doanh nghiệp	PO2, PO3, PO5, PO13
Mt7 MT8	CO6	Thiết lập được kỹ năng tổ chức nhóm trong các bài tập tuyển dụng	PO2, PO3, PO5, PO13
MT2 MT5	CO7	Có thể thẩm định được kết quả thu được từ một chuỗi các quyết định đã được thực thi và thực hiện các điều chỉnh hợp lý.	PO9, PO13
MT6 MT7	CO8	Có kỹ năng làm việc nhóm, động viên nhân viên, và giải quyết mâu thuẫn, truyền thông áp dụng trong quản trị hiệu quả.	PO12, PO13

Thái độ			
MT6 MT7 MT8	CO9	Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.	PO12, PO13, PO14
MT7 MT8	CO10	Có suy nghĩ hiệu quả trong phân tích các vấn đề của một tổ chức, doanh nghiệp.	PO13, PO14

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Quản trị rủi ro kinh doanh cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng về quản trị rủi ro, phân tích và nhận dạng được các loại rủi ro đặc thù đối với mỗi doanh nghiệp, đo lường được mức độ ảnh hưởng của rủi ro đối với doanh nghiệp, xây dựng được các chương trình hành động nhằm kiểm soát rủi ro và lựa chọn phương án tài trợ thích hợp cho từng loại rủi ro trong phạm vi cho phép để đảm bảo đạt được mục tiêu và kế hoạch doanh nghiệp đặt ra.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng bài trình bày kết quả làm việc nhóm. Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Bài thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Tài liệu học tập

[1] Quý Long và Kim Thu (2012), Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp, NXB tài chính.

[2] Dương Hữu Hạnh (2009), Quản trị rủi ro xí nghiệp trong nền kinh tế toàn cầu: Nguyên tắc và thực hành (Enterprise risk management in a global economy: Principles and practice), NXB tài chính.

[3] Đoàn Thị Hồng Vân (2005), Quản trị rủi ro và khủng hoảng, NXB Thống kê

[4] Nguyễn Anh Tuấn (2006), Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngoại thương, NXB Lao Động – Xã hội;

[5] Ngô Thị Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Hồng Thu, Lê Tấn Bửu, Bùi Thanh Tráng (2007), Quản trị rủi ro doanh nghiệp, NXB Thống kê {338.5 H527}

[6] Ngô Quang Huân, Võ Thị Quý, Nguyễn Quang Thu và Trần Quang Trung (1998), Quản trị rủi ro, NXB Giáo dục.

11. Nội dung chi tiết học phần

Chương	Nội dung	Số tiết	CĐR của HP
Chương 1	Giới thiệu tổng quan	6	
1.1	Một số khái niệm		
1.2	Phân loại rủi ro		
1.3	Tác động của rủi ro		
1.4	Giới thiệu về quản trị rủi ro		
Chương 2	Nhận dạng rủi ro	6	
2.1	Một số khái niệm		
2.2	Phương pháp nhận dạng rủi ro		
2.3	Phân tích hiểm họa và tổn thất		

Chương 3	Đo lường rủi ro	3	
3.1	Giới thiệu về đo lường rủi ro		
3.2	Phương pháp đo lường rủi ro		
3.3	Đo lường rủi ro thuần túy		
3.4	Đo lường rủi ro suy đoán		
Chương 4	Kiểm soát rủi ro	6	
4.1	Một số vấn đề cơ bản trong kiểm soát rủi ro		
4.2	Phương pháp kiểm soát rủi ro		
Chương 5	Rủi ro tài trợ	6	
5.1	Khái niệm rủi ro tài trợ		
5.2	Phân tích rủi ro kinh doanh của doanh nghiệp		
5.3	Phân tích khả năng trả nợ của doanh nghiệp		
Chương 6	Các nguồn rủi ro vi mô	6	
6.1	Rủi ro tài chính		
6.2	Rủi ro trong điều hành		
6.3	Rủi ro công nghệ		
Chương 7	Động viên nhân viên	12	
7.1	Rủi ro kinh tế vĩ mô		
7.2	Rủi ro luật pháp		
7.3	Rủi ro chính trị		
7.4	Rủi ro thị trường		
7.5	Rủi ro xã hội		
7.6	Rủi ro môi trường		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

KHOA KINH TẾ



PGS.TS NGUYỄN TRI KHIÊM

BỘ MÔN QTKD



LÊ THỊ THANH THÚY